

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

DƯỜNG CHƠN TẬP

Nguyễn Minh Thiện dịch

Thiện Trung giới thiệu

In Lại Theo Ấn Bản 1995

MINH LÝ ĐẠO - TAM TÔNG MIẾU

Đánh máy lại: **Phổ An**
Trình bày: **Hồng Lan & Tấn Hưng**
Xếp chữ: **H&L TypeSetter**
Đóng tập: **H&L eBooker**
Làm tại: **Chicago - U.S.A.**

Copyright © 2010 — Nguyễn Minh Thiện

DƯỠNG CHƠN TẬP
Nguyễn Minh Thiện dịch
Thiện Trung giới thiệu
Tài Liệu Học Tập

MINH LÝ ĐẠO
TAM TÔNG MIẾU
Bình Đăng - Cộng Tác - Hòa Ái

DƯỠNG CHƠN DIỆU LÝ DIỄN CA

Xem xong bộ sách "Dưỡng-Chơn",
 Suy tôn Hiền-Thánh ban ơn giúp đời.
 Từng chương, từng mục, từng lời,
 Chơn-Lý vi diệu dạy người thoát mê.
 Lạc đường biết lối trở về,
 Lánh nơi tục lụy, cận kề chánh-chơn,
 Rõ-ràng một kiếp vi nhơn,
 Chỉnh nhờ biết phép phục hườn Bồn-Lai.
 Người xưa xứng mặt thiên tài,
 Chỉ người tìm Đạo ở ngay thân mình.
 ... thiếu 1 câu...
 Tiên-gia "tự chánh" thần minh tỏ ngời.
 Phật gia "diệu-giác" chẳng rời,
 Ba nhà đồng thể "Tánh Trời" tối linh.
 Xem sách nghiệm lại thân mình,
 Tìm ra bí-yếu, tận tình sửa trau.

Người thượng-trí học hiểu mau,
 Người căn trí thấp biết cầu học nên.
 Dưỡng-Chơn chăm học siêng bền,
 Noi gương Hiền-Thánh, Phật-Tiên khó gì.
 Quyết lòng mở khiếu chơn tri,
 Địa bàn sẵn có ngại chi kể tà.
 Dưỡng-Chơn Diệu-Lý diễn ca,
 Đồng thanh ca tụng thật là báu châu.
 Kính mời đạo hữu xem mau,
 Thực hành Đạo-Pháp sửa trau cuộc đời.
 Thuyền từ tách bến chiều khơi,
 Đưa người đến chốn thành thoi vô cùng.
 Lòng thành giữ vẹn thủy chung,
 Tu thân một kiếp thành công muôn đời.

California ngày 22 tháng 9 năm 1993
 Đạo Trưởng THIÊN TRUNG

LỜI GIỚI THIỆU

Sách "Dương Chơn Tập" là một cuốn sách vô cùng quý báu và lợi ích cho người tu hành, muốn hiểu rõ Lý Đạo, muốn tìm Pháp, hoặc đang hành Pháp tu giải thoát.

Cuốn sách này tổng hội chơn lý các bậc đại giác, đại ngộ viết ra để làm kim chỉ nam cho người muốn thoát ly trần cấu.

Có thể nói rằng, lời nói của các bậc tiền giác toàn là chơn ngôn, mật ngữ, chỉ chỗ "Ẩn khuyết" của Tam Giáo Đạo, là ngọn đuốc soi đường cho những người quyết chí vượt qua sông mê bể khổ để sang bờ bến giác ngộ.

Trong khi nghiên ngẫm cuốn "Dương Chân Tập", tôi rất cảm kích lời dạy minh triết của các bậc tiền giác, nên nảy ý nói lại những cảm nghĩ của mình trong khi lãnh hội những điều dạy bảo sâu xa màu nhiệm của các ngài, bằng những bài thi mở đầu cho các mục được trình bày trong sách.

Tôi xin cống hiến món quà tinh thần này cho những bạn tu, đồng đạo đồng hành, để suy tư và giải trí trước khi khởi đọc các mục trong cuốn "Dương Chơn Tập".

Nay kính,

Đạo Trưởng THIÊN TRUNG

California December 24, 1991.

TỰA MỚI của Dịch-Giả Nguyễn Minh Thiên

Cuốn Dương Chân tập này có ít chỗ không hợp với khoa học bây giờ, như nói: qua biển là việc khó làm, mặt trời lặn xuống đất, v.v... Nhưng đó là những lời nói theo lối xưa, nay có người vì quen miệng mà nói luôn, thì cố chấp mà làm chi!

Chỗ nên chú ý là trong sách này có nhiều bài giải phân rành rẽ, rất có ích cho thế đạo, nhân tâm. Bởi vậy, tôi chẳng sợ tài sơ trí thiếu, dịch ra để cống hiến cho đồng bào.

Người làm sách, tuy phần nhiều, rút lời Thánh Hiền trong sách Nho để xiển minh chánh giáo, nhưng cũng có luận qua lý Thích giáo và Đạo giáo. Cho nên sau này có bài tựa Quán thông tam giáo (Thông suốt cả ba đạo) của Bạch Tẩn lão nhân, là người tóm tắt ý kiến của tác giả và ghi lời phê bình sau mỗi bài.

Theo bản chữ Hán thì cuốn Dương Chân tập phân ra làm hai quyển: quyển thượng và quyển hạ. Mỗi quyển dịch ra cũng khá nhiều. Trước kia muốn cho tiện bề phổ thông, nên xuất bản làm 4 tập nhỏ. Nay tái bản xin hợp chung vào một quyển cho đủ trọn bộ.

Năm Đinh Dậu, tháng sáu, ngày 26 (23 - 6 - 1957).

NGUYỄN MINH THIÊN kính đề.

TỰA CŨ của Tác-Giả Dưỡng-Chân Tập

Tháng giêng, năm Quý Mão, tôi ở kinh đô về ghé ếp của người bạn tôi, nghỉ lại thơ phòng. Thấy trên bốn vách phòng dán giấy chữ chập chồng, dày đặc như vảy cá, tôi mới bước lại xem: nào là đạo của trời đất, nhật nguyệt; nào là lý về quỷ thần, nhân vật; nào là thuật siêu sinh, trường sinh; nào là phép xuất thế, nhập thế. Chẳng có điều gì mà không chép đủ, chẳng có điều gì mà không tinh tường. Ấy thực là lời tinh thể, là phép tu thân.

Tôi mới xin phép bạn tôi chép hết ra, phân từng loại, rồi xếp tập. Khi thành sách rồi, lại chia làm quyển thượng và quyển hạ.

Sách này đem ngay những điều chân, lẽ ngụy trong tam giáo, cùng những tâm pháp của tác giả tự đắc mà bày tỏ hết ra dạy người, chẳng chút gì dấu diếm cả. Khiến cho kẻ xem cuốn sách này, nếu ngẫm nghĩ cho kỹ càng, tự nhiên thiện tâm phát hiện, rõ thấu đến chỗ tinh vi. Nhờ vậy mà kẻ mê đặng ngộ, người tà ra chính, chẳng làm nhập theo bàng môn; người ám đặng minh, kẻ yếu ra mạnh, không nửa đường mà thoái bước. Vậy thì tập sách của bạn tôi đây sẽ có cái công giúp ích cho thế đạo, nhân tâm lớn biết mấy!

Bạn tôi đạo hiệu là Dưỡng Chân. Còn tôi già cả, vụng về, không giúp thêm đặng câu nào, chỉ có đề ba chữ "Dưỡng Chân tập", làm nhang hiệu sách này đó thôi.

TỰA QUÁN THÔNG TAM GIÁO Của BẠCH-TẤN LÃO-NHÂN

Thông Huyền lý (lý đạo Tiên) mà chẳng thông Thiên (đạo Phật), thế nào cũng mắc bịnh chấp nê. Thông Thiên lý mà chẳng thông Nho (đạo Thánh), chắc sẽ thành ra phe cường huệ.

Học Thiên, Nho thông rồi, mà lại mượn lý Đạo để rõ thông thêm nữa, chẳng những đời nay hiếm người, mà xưa kia trong hàng tăng nhân, đạo sĩ, trừ xứ Tử Dương, Liên Trì ra, thường không đặng mấy kẻ!

Năm Bính Ngũ, nhằm mùa hạ, một bữa kia, tình cờ tôi đến thư phòng của bạn tôi là Triệu Công, thấy trên bàn có một cuốn Dưỡng Chân tập. Hỏi ra cuốn sách này tự đâu mà có, thì mới biết rõ bạn tôi thỉnh nó tại chùa Huệ Phước, ở Hải Điền. Ông sư trong chùa này lại nhờ Trần Đê Đài trao cho. Đê Đài lại thỉnh của thầy dạy học trong nhà mình.

Tôi bèn mượn sách ấy đem về xem mới biết là của một người ẩn sĩ hiệu là Dưỡng Chân tử soạn ra. Tiếc vì trong đó không nói rõ họ tên, nhưng đoán là người trong nhóm Xích Tùng tử, Hoàng Thạch công thì chắc là không sai.

Cuốn sách này do nghiệp Nho, mà hiểu phép Thiên, lấy hư linh mà dưỡng Xá lợi; do phép Thiên mà chứng đại Đạo, mượn bát nhã để luyện Kim đơn. Bàn về bên "không", thì đều là chân truyền theo "cầm bông", "vẽ vách" (1); luận đến lẽ Đạo, thì không có giá

tá thuộc diên cạp, hống rồng (2). Chỗ khoái vui của Khổng, Nhan (3), thì nhẹ tay mà vẽ bầy; còn phần tân truyền (4) của Liêm, Lạc (5), lại tùy bút mà phát lộ. Hợp ba giáo đem về một mối, dẹp hết bạch mã, thanh ngư, là điều huyền tường; quy trăm nhà dẫn lại một đường, lậu tiết thiên tâm, thủy diện (6), là chỗ tinh vi. Chẳng xây lâu các ở giữa không trung, mỗi bước có nấc thang; tạo thành cầu kỳ trong nơi huyền hải, mọi nơi vạch đường vạch lộ.

Nạp tử (người mặc áo bá nạp, là chỉ tăng lữ) mới chiều nếm vị (nếm mùi đạo đức), chẳng cần mười quyển Lăng Nghiêm; Vũ khách (khách mặc áo lông, là chỉ đạo sĩ) đi đứng nơi theo, nào dụng năm ngàn Đạo Đức (cuốn Đạo Đức kinh có năm ngàn chữ). Cưỡi ngựa ra đi, viếng ít nhiều chốn mây nước ba ngàn nơi; quay đầu trở lại, mới ngồi yên trong động tiên mười hai cảnh.

Nhân thấy quyển sách báu lạ, hiếm có, tôi bèn quên hẳn sự quê dốt của mình, thêm chút ý ngu, đưa ra khắc bản, ngõ hầu sắp tới ai muốn tầm lý chân, chẳng cần tới quán Bạch Vân; mà cũng từ đây, kẻ mong tầm đạo chánh, khỏi phải vào lầu Hoàng Hạc. Mò châu lượm ngọc, toàn mong nơi mắt sáng bậc cao minh; thoát xác phi thăng, ngõ đáp tác lòng lành người tác giả.

Ôi! Kiền khôn lớn thế này, phải có khách tri âm; còn thế giới rộng dường kia, há không người kiến tính.

Vừa chấm bút đã suốt mấy lời, ấy vô tâm mà thành bài tựa.

Hiệu Càn Long, năm Đinh Mùi, thượng

nguyên, ngày hoa đăng.

Bạch Tấn lão nhân, tên tộc là Vương Sĩ Đoan, đề tựa này ở Bồng hồ (7) tại trần thế (chót núi Hiếu Phong).

Ghi Chú:

(1) "Cầm bông" là nhắc tích đức Thế-tôn cầm bông dạy chúng tại hội Linh-Son. Khi ấy, ai ai cũng là thính, chỉ có Ca-Diếp phát cười chum chím. Thế-tôn mới nói rằng: "Ta có chánh-pháp nhân-tàng, Niết-bàn diệu-tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp-môn, chẳng dùng văn-tự, là phép truyền riêng (chỉ truyền bằng tâm, không có ghi trong kinh luận). Nay ta đem chỉ cho Ma-ha Ca-Diếp."

"Vẽ vách" là nhắc tích Trương-Lăng-Diêu vẽ bốn con rồng trên vách tường chùa An-Lạc tại Kim-Lăng, mà không điểm nhãn (chấm con người), lại nói rằng: "Điểm nhãn cho nó là nó bay đi". Ai nghe cũng cho lời nói đó là hoang-đường. Họ Trương mới điểm nhãn thử một con rồng cho biết. Bỗng chút sấm sét nổi lên đánh đổ bức tường, con rồng được điểm nhãn bèn cưỡi mây về trời, chỉ còn mấy con rồng kia ở lại đó thôi.

Người sau hay dùng chữ "vẽ vách", "cầm bông", để chỉ chỗ yếu lý.

(2) Diên là chì, màu đen, tỉ dụ khí, như chữ cạp. Hống là chu-sa (có chỗ gọi là thủy-ngân ở trong chu-sa mà ra), màu đỏ, tỉ dụ thần, như chữ rồng).

(3) Khổng là Khổng Tử, Nhan là Nhan Hồi.

(4) Tân là củi, truyền là truyền dạy. Tân truyền là nói cây củi này cháy hết thì qua cây củi khác, cho nên lửa không dứt. Thầy trò truyền cho

nhau cũng thế, nên gọi là tân truyền.

(5) Liêm là chỉ Châu-Đôn-Di ở Liêm-Khê, Lạc là chỉ hai anh em Trình-Di, Trình-Hạo ở Lạc-Dương.

(6) Thiên-tâm là lòng trời (ở giữa trời), thủy-diện là mặt nước. Nói thiên tâm, thủy diện là dẫn tắt câu: Nguyệt đáo thiên-tâm xử, phong lại thủy-diện thì; nghĩa là: Mặt trăng ở giữa trời cao, gió thổi lai rai mặt nước. Đây là chỉ cảnh chí tịnh.

(7) Bồng-hồ tức là Bồng-lai. Sách có giải rằng: giữa biển có ba hòn núi; một là Phương-hồ, tức là Phương-trượng; hai là Bồng-hồ, tức là Bồng-lai; ba là Dinh-hồ, tức là Dinh-châu. Vì ba hòn núi ấy hình như cái bầu, nên lấy chữ hồ là cái bầu để đặt tên.

Đây là cảnh trần, mà đặt tên là Bồng-hồ, chứ chẳng phải thật cảnh tiên.

Chương 01: ĐẠO

*Đạo ở đâu xa phải nhọc tâm,
Hỏi người tu học nhớ "Minh Tâm",
Đi vào "Thanh Tịnh" mà suy cứu,
Bắt mối "Vi Mô" Đạo dễ tìm.
Tâm Đạo chi xa phải nhọc công,
Qui tâm tìm lại "Chủ Nhơn Ông",
Ông đi vắng mặt gà bươi bếp,
Chó sủa đêm trăng, lòng hỏi lòng.
Lộn xộn, lẩn xẩn Đạo khó tìm,
Muốn hành Chánh Pháp "phải ngồi im",
Hỏi ta có phải là "Cây Thệt",
Hay giống "Thiên Liêng" rõ nổi niềm.*

Ở trong khoảng trời đất này, con người muốn làm một việc vẻ vang đệ nhất, thì có chi bằng đọc sách. Còn ở trong hạng người đọc sách, mà muốn lên một bậc cao thượng tốt vời, thì có chi bằng học Đạo.

Châu tử nói rằng: Đọc sách là để cầu Đạo, chẳng vậy thì đọc làm gì? Chứ học mà thi cử (Đây là chỉ hạng người đọc sách thuộc lòng để thi làm quan mà thôi, chứ không tìm cầu đạo lý để trau dồi đức hạnh) là việc ngoài phận sự, rất tiếc cho sự học ấy làm hư biết bao nhiêu người ta!

Đạo Đức kinh có nói rằng: "Cố lập thiên tử, trí tam công; tuy hữu củng bích dĩ tiến tứ mã, bất như tọa tấn thử Đạo". Nghĩa là: Cho nên lập ngôi thiên tử, đặt bực tam công, tuy có ngọc Củng và giục xe ngựa tứ, chẳng bằng ngồi một chỗ mà nghĩ thấu trong cái đạo này (Trong Đạo Đức kinh, chương 62, trước câu

này có nói rằng: "Nhân tri bất thiện, hà khí chi hữu!" Nghĩa là: người nào mà chẳng lành, có phải bỏ họ đâu! Cho nên sau mới tiếp nói: "Cho nên lập ngôi thiên tử, đặt bậc tam công", là chủ ý để dạy người chẳng lành nói trước kia. Thiên tử chủ đạo, tam công dạy đạo. Tam công là: Thái sư, Thái phó, Thái bảo, để làm kiểu mẫu cho Thiên tử, Thiên tử phải noi theo đó mà ban bố cái đạo. Chữ Củng, trong bản xưa viết ngọc bằng chữ cọng, là ngọc bích to. Bích là vật làm bằng ngọc, hình tròn thể trời, giữa trống thể đạo. Bản nay hay viết tài xóc bằng chữ cọng, là hai bàn tay nắm lại. Tư Mã Ôn Công nói: ngọc bích lớn như hai bàn tay nắm lại (củng thủ) cũng thông. Chữ tiến nghĩa là tiến đạo, dẫn tới, giục tới. Con ngựa tứ là ngựa tốt, ngựa hay, bốn con thắng vào một cỗ xe. Tuy có ngọc bích là lạ và giục xe ngựa tứ là tốt, mà đạo chơi như ngôi thiên tử, bậc tam công, nhưng chẳng bằng ngôi mà nghĩ tới, nghĩ thấu cái Đạo thanh tịnh vô dục này. Ý nói: đừng thấy ngọc bích, ngựa tứ mà ham, vì không phải quý gì đâu, chỉ có thêm hại là lấy lòng tranh giành. Duy có Đạo là quý mà thôi. Sao vậy? Đạo Đức kinh có tiếp giải rằng; Bất viết: cầu dĩ đắc, hữu tội dĩ miễn dã? Nghĩa là; Chẳng nghe nói: cầu gìặng nấy, có tội được khỏi tội sao? Có chỗ giải nghĩa câu trên là: Lập ngôi thiên tử, đặt bậc tam công đặng đem cái Đạo này mà cứu người. Tuy đem cho ngọc củng bích là quý, xe ngựa tứ là tốt, chẳng bằng đem gieo cái Đạo này cho nhiều. Nhưng dịch như thế, thì bỏ mất chữ "tọa").

Hồi xưa, các đế vương đã lo đạo vua mà lại gồm đạo thầy nhà vua nữa, mà ở nơi kẻ sĩ (người

thông chữ nghĩa, nghiên cứu học vấn). Đời nay, không phải là không có kẻ sĩ, mà ai là kẻ thấy mà biết Đạo, ai là kẻ nghe mà hiểu Đạo?

Vả chẳng Đạo như con đường cái, thì có phải khó biết đâu! Lỗi tại người không cầu đến nó mà thôi, chớ cầu thì đắc đặng. Bậc thiên tử đặng Đạo thì gìn giữ được thiên hạ, các chư hầu đặng Đạo thì giữ được đất nước, quan khanh đại phu đặng Đạo thì gìn giữ được cửa nhà, kẻ sĩ thứ đặng Đạo thì gìn giữ được thân mình.

Tài là món người ta dùng mà ít khi đến rồi việc (chỉ được một lúc). Đức là món đồ để trau mình mà hữu danh. Còn Đạo thì vô danh, nên dùng nó được hoài. Cho nên người quân tử chỉ lo học Đạo này, công danh phú quý đều coi như phù vân, mặc nó lại lại đi đi, trong lòng vẫn không không, chẳng chút nào động cả.

Có kẻ nói: người quân tử chỉ lo học Đạo, mà làm vậy có đặng ích gì chẳng?

Đáp: Có.

Dám xin chỉ bảo giùm.

Người học Đạo là học cái ở nơi ta. Tâm phải mở rộng, thân phải tươi nhuận, bịnh có thể mạnh, chết có thể khỏi. Sự ích như thế này, thì còn sự ích nào hơn nữa?

Lại hỏi: Người học Đạo quả thiệt có sự ích, với sự vui đó sao? Mà nay, người thế thấy có kẻ học Đạo thì đều mắng họ là làm xằng, là tại sao vậy?

Đáp: Đạo Đức kinh nói rằng: "Thượng sĩ văn đạo cần nhi hành chi, trung sĩ văn đạo nhược tồn nhược vong, hạ sĩ văn đạo đại tiếu chi; bất tiếu bất túc

dĩ vi Đạo". Nghĩa là: Người thượng sĩ nghe Đạo thì ân cần mà làm theo, người trung sĩ nghe Đạo thì như nhớ như quên (không chú ý lắm), kẻ hạ sĩ nghe Đạo thì cười lớn lên: nếu không cười thì đâu đủ gọi là Đạo (vì Đạo rất khó, chẳng phải bọn tầm thường mà hiểu được).

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Trong hạng người đọc sách, cao thượng đệ nhất, thì có chỉ qua người học Đạo. Mà từ xưa đến nay, kẻ học Đạo đông đúc, còn người thành Đạo thưa thớt, cái duyên có ấy bởi đâu"

"Trước phải có căn khí cao, kế đó phải đọc sách nhiều, sau rốt phải sớm gặp thầy. Căn khí chẳng cao thì không mong gì xuất thế được; đọc sách chẳng nhiều thì không thể thấy lý mà nhìn biết ngay được; không gặp thầy sớm thì hay lâm vào nẻo bàng môn, tiểu thuật; rốt cuộc chẳng đặng thành đại Đạo."

"Hãy coi thử Chung, Lữ, Tử, Dương, Ngọc Thiềm, Khuru Tổ chư tiên, đều là hạng đỉnh ngộ siêu quần, lòng đầy muôn quyền, lại sớm gặp tiên sư. Nhờ vậy mà danh nêu tiên tịch (bộ tiên), thân thoát trần phàm."

"Bằng trong ba điều đó mà sót lấy một, chắc khó mà thành Đạo. Nếu bảo rằng lời ta có chỗ gì sai, thì xin hỏi lại các Ngài nơi Bồng đảo."

Chương 02: LÝ

*Lý trong trời đất rất cao sâu,
Chánh Pháp Vô Vi, Đạo nhiệm màu,*

*Là "Tánh" là "Tâm" là "Mạng" lý,
Buông đây mất mối Đạo nan cầu.
Ai hay tâm "Lý" Đạo trong ta,
Kiến tánh minh tâm rõ Đạo Nhà,
Đạo có một, Một là sự thật,
Vì sao phân rẽ chánh hay tà?
Có "Lý" đương nhiên có "Khí" "Hình",
Mất trung mất chánh, "Lý" không minh,
Có lành, có dữ, vì mê chấp,
Trở lại ngôi "Trung" ngộ Đạo mình.*

Đạo có một mà thôi. Ở trên trời thì gọi là mạng, ở nơi người thì gọi là tính, ở tại vật thì gọi là lý. Cái lý này lưu hành ở trong khoảng trời đất, phát hiện trong việc làm hằng ngày. Sự gì, vật gì đều có cái lý đương nhiên (cái lý phải như vậy) không thể rời ra được, tức là có cái lý sở dĩ nhiên (duyên có làm ra vậy), không thể dời đổi được.

Duy người quân tử hay nói lý, thì mới lấy lý mà xét vật: phải quấy, lành dữ, nhân đó mà bày ra. Như vậy gọi là vô ngã (không có cái "ta"). Vô ngã thì công chánh, công chánh đặng quang minh (sáng suốt), quang minh ắt cư xử nhảm lẽ, mà lại cùng tột tính vật (biết hết tính vật). Nếu lấy cái "ta" mà xét vật, thì sanh lòng thương ghét không chừng, chẳng khỏi nhậm tình (theo cái ý riêng của mình). Nhậm tình thì tà tây, tà tây bị hôn tối, hôn tối ắt điên đảo, rối loạn, chỉ biết có "ta" mà không biết có lý.

Có lý thì có khí, khí lộ mà lý ẩn. Có khí thì có hình, hình lộ mà khí ẩn. Lý chẳng bao giờ không "trung" (ngay chính), còn khí thì "thiên" (chinh nghiêng), (Chữ "trung" và chữ "thiên", tôi dịch là ngay

chính và chình nghiêng, đây là lấy cái thể mà nói. Còn về phần dụng, chữ "trung" có nhiều nghĩa, xin xem cuốn chót Đường Chân tập có bài chữ "trung" giải rõ.), hình lại cũng "thiên". "Trung" không có gì chẳng lành, "thiên" có chỗ chẳng lành. Nếu muốn biến đổi cái chẳng lành vì "thiên" mà ra, đặng quy về chỗ lành ở ngôi "trung", thì khi trong lòng mới máy động, phải tỉnh sát cho nghiêm mật.

Điều gì phát nơi "trung", theo lý, thì khuếch sung nó. Điều gì phát nơi "thiên" thuộc hình, thì tuyệt bỏ đi. Lâu lâu như vậy thì cái lý tự nhiên thường còn, cái dục tự nó tiêu mất.

Cái lý trong thiên hạ chẳng thể không cùng cứu, mà cũng chẳng thể nào cùng cứu cho trọn hết. Có chỗ bí yếu, là phân biện sự lầm lạc trong tâm ta mà thôi. Phân biện thì quang minh, quang minh đặng chân thành, chân thành thì sẽ rõ các lý trong thiên hạ ở tại ngôi "trung" vậy.

Thánh nhân có nói rằng: Thương thì muốn nó sống, ghét thì muốn nó chết. Đó là một sự lầm (Ái chi dục kỳ sinh, ó chi dục kỳ tử, thị hoặc dã).

Nhân một hồi nóng, giận quên thân mình, quên luôn đến người thân thích nữa. Chẳng phải là lầm sao? (Nhất triêu chi hận, vong kỳ thân, dĩ cập kỳ thân, phi hoặc dữ).

Do theo lời Thánh nhân nói trên mà bàn rộng ra: Khi mình gặp cảnh nghèo hèn, lại mong cầu giàu sang cũng là lầm. Tà giáo mê hoặc lòng người, phép vua cấm mà còn chưa dẹp hết. Ta muốn lấy lời nói suông để cản, ngăn, cũng là lầm.

Cái Đạo của Thánh Hiền phải chờ người

xúng đáng mới thi hành được. Nay muốn cho bọn dung chúng làm, chẳng phải làm sao?

Việc có cái mà mình không thể nào làm nên, vật có cái mà mình không thể nào có đặng, nhưng cứ toan tính hoài trong tâm, cũng là lầm. Người ta có kẻ không phương ép uống theo mình, việc có phần chẳng thể làm nên vội gấp, nhưng cứ bo bo lo lắng, chẳng phải làm sao?

Phận sự của mình bây giờ chẳng làm, mà phát sinh ý muốn bông lông ra ngoài, đó là lầm vậy.

Lời Thánh nhân chẳng sợ, mà lại tưởng đến việc tà tây của bọn vô đạo, không phải là lầm sao?

Biết rõ một điều lành là "trung", mà chẳng trí trung (thật hiện chỗ "trung" đó); biết rõ muôn phép do tâm, mà chẳng liễu tâm (dọn sạch cái tâm mình, xét thấu cái tâm mình), ấy là lầm.

Biết rõ sinh tử là việc lớn, mà chẳng nhận bản thể tự tính là không sinh (vô sinh); biết rõ vô thường đến chóng mau, mà chẳng tìm hiểu nó vốn chẳng mau chậm (vô tốc), (Thể tức vô sanh, liễu bản vô tốc), không phải làm sao?

Lý là món ta sẵn có, khươi vạch ra thì tự nhiên có. Dục là cái ta vốn không, hằng xét rõ tự nhiên không. Nén dục gìn lý chẳng phải là hai việc riêng nhau. Hễ nén được một phần dục tức là gìn được một phần lý. Hễ nén được mười phần dục tức là gìn được mười phần lý. Lợi cho người có chi hơn lý, mà người gìn giữ lý thì ít. Tổn cho người có chi hơn dục, mà người buông theo dục lại nhiều.

Người có lòng dục cũng như cây có sâu ăn ruồng ở trong ruột, chẳng bao lâu thì phải chết.

Người ta lấy dục làm vui, mà chẳng biết dục là lửa dậy, chẳng giục tắt nó thì nó sẽ đốt cháy mình. Thần hồn bị nó chưng khô, tửu sắc làm hao tinh khí, sinh bệnh, sinh gẻ, ngày đêm rên xiết. Nhà Phù đồ (nhà Phật) gọi chết rồi sau mới chịu tội, mà chẳng rõ sinh tiền đây đã chịu tội trước rồi.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Chu tử có nói: Minh bất chí tắc nghi sinh, minh vô nghi giả." Nghĩa là: Rõ chẳng tới nơi, tới chốn, ắt sinh lòng ngờ vực. Hễ rõ được rồi, thì hết ngờ vực. Kẻ nhiều năm khảo cứu nghĩa lý mà còn chưa nhìn được lý cho chánh chân, làm theo lý cho phải phép, hướng hồ là kẻ không có công học vấn. Người thế nhờ MINH LÝ mà bảo thân vẫn nhiều, vì TRANH LÝ mà táng thân lại cũng chẳng phải ít. Cho nên, Thiên gia lại cho lý là chương ngại.

Chương 03: THIÊN ĐỊA

*Đại Đạo vô hình, khó phát minh,
Nhìn cơ Trời Đất, học tâm linh,
Minh tâm nghiệm xét cơ huyền nhiệm,
Mà biết Đạo Cao để giữ gìn.
Đất Trời muôn thuở rộng thiên-nhiên,
Mở máy Âm Dương học Đạo Thiên,
Mở mặt "Tam Tài" trong vạn vật,
Thoát ly trần cấu mới làm Tiên.
Tánh Mạng là căn Đạo nhiệm mầu,
Song tu Tánh Mạng khởi tha cầu,
Đất Trời gồm đủ, thông giềng mối,*

Chánh Pháp do "Tâm" đạo thượng đầu.

Đại Đạo không có hình, Trời Đất là cái Đạo có hình. Trời Đất không nói ra lời. Thánh nhân là Trời Đất nói ra lời. Thánh nhân ta không đặng giáp mặt với các ngài, chớ không phải là không thấy kinh sách. Thấy kinh sách mà rõ được nghĩa lý, thì có khác chi thấy Thánh nhân đâu?

Trời sinh hình thể ta, Trời phú bản tính ta, trong ngoài chi chi đều là của Trời, thì ta đâu dám trái vạy. Ta ở trong cảnh Trời, Trời ở trong tâm ta. Ai thấy Trời Đất mà bắt chước cái thanh tịnh, thì đối với Đại Đạo không hai. Có một chút ý riêng, thì mang tội chẳng nhẹ. Hình thể có tính thiên nhiên; noi tính thiên nhiên mà hành, thì tự nhiên không bị lụy về nhân dục cử động, thì ắt khỏi lỗi bởi trái quy (trái phép tắc, quy củ)

Một động, một tịnh, cái Đạo của người chẳng có giờ nào là không cùng Trời Đất tương hợp.

Một hô, một hấp, cái khí của người chẳng có giờ nào là không cùng Trời Đất tương thông.

Thường thấy mặt trời lặn xuống đất là cái tượng trưng của tâm hỏa hạ giáng. Còn mặt trăng mọc giữa trời là cái biểu hiệu của thận thủy thượng thăng. Ngửa mặt lên xem ngôi Bắc thần (Sách Luận ngữ nói rằng: "Vi chánh dĩ đức, thí như Bắc thần cư kỳ sở như chúng tinh cũng chi". Nghĩa là: Trị dân lấy đức ví như ngôi Bắc thần ở chỗ mình - không động, mà các vì tinh tú đều châu chực chung quanh ngôi ấy vậy. Ý nói: "Bất động nhi hóa, bất ngôn nhi tín". Nghĩa là: Ở một chỗ mà cảm hóa, không nói rằng mà thiên hạ tin. Chu tử nói rằng: Bắc thần là chỗ trung

gian, không có tinh tú, mà cũng chẳng động chút nào làm cực điểm, thì không lẽ chẳng có cái gì để nhìn cho biết tinh - Từ nguyên. Kỳ thật, vì sao nhỏ này cách Bắc thần, về bên hướng Bắc, một độ. Bắc thần chẳng phải là Bắc đẩu như nhiều người hiểu lầm, chính là ngôi Tử vi ở trung ương, chủ tế hết các vì tinh tú.), tuy thấy nó ở một chỗ, mà các vì tinh tú đều châu xung quanh. Ngôi này gọi là Thiên xu, tức là then chốt của Trời.

Trời đã có then chốt, lấy đó mà làm căn bản cho Tạo hóa. Người cũng có then chốt, lấy đó làm nguồn cội cho tính mạng. Cũng thời người như nhau, mà có người gọi là đại nhân, ấy là đức mình hợp với đức của Trời Đất vậy.

Thử xét coi cái tâm ta và cái tính ta có hợp với Trời Đất là bao nhiêu. Chỗ nào hợp thì cố gắng thêm, chỗ nào không hợp thì mau sửa đổi. Như thế có lo gì không làm đến bậc đại nhân.

Trời sinh, Đất thành, là đại phụ mẫu của chúng ta. Trời động, Đất tịnh, là đại sư giáo của chúng ta. Thánh Hiền đã qua là con thảo Trời Đất, còn Thánh Hiền sẽ đến là cháu hiền của Trời Đất. Ai hay yêu cha mẹ mình, thì đức lớn sẽ đặng mạng Trời làm vua (như vua Thuấn) hoặc đặng ban Đại Đạo. Ai hay kính thầy dạy mình, là học từ bậc thấp mà lên bậc cao.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Người không sợ Trời là vì thấy Trời ở xa. Cái điểm quan trọng của bài này, bất quá có một câu: Trời ở trong tâm ta. Con người nếu thật biết rằng Trời ở trong tâm mình, dám không sợ sao? dám không kính sao? Sợ, kính lâu rồi

thì mới có thể minh tâm, có thể kiến tính, có thể thành Phật, có thể làm tổ. Chỉ lo một điều là biết rời quên rời đó sao.

Chương 04: NHÂN-SINH

*Nhơn-sanh là giống của trời gieo,
Xuống thế si mê chịu phận nghèo,
Nghèo tánh, nghèo tâm, nghèo đạo-đức,
Mau tìm Đạo-Lý thoát cơn eo.
Cơn eo đeo-đặng chịu thân hèn,
Tánh tục, tâm phàm, sống đã quen,
Muốn biết con đường về cội phúc,
Tìm Thầy chỉ mối Đạo Thiêng-Liêng.
Thiêng-Liêng ân độ kẻ chơn tu,
Mở khóa phàm thân thoát ngục tù,
Một kiếp "Chơn-Thân" là vĩnh kiếp,
Bỏ đời qua Đạo tiến êm ru.*

Nhân sinh là Thái cực. Thái cực động thì sinh dương làm hỏa, hỏa là thân. Thái cực tịnh thì sinh âm làm thủy, thủy là tinh. Thân hỏa, tinh thủy hợp đúng phép thì kết lại làm căn bản cho nguyên khí, ở giữa khoảng hai trái thận.

Chúng ta trước khi sinh ra, cái khí bẩm thanh trọc là do nơi Trời phú, chứ con người không can dự việc đó. Mà khi đã sinh rồi, cái nhân phẩm tà chính do nơi người tạo ra cho mình, chứ Trời chẳng chủ trương được nữa.

Trời Đất sinh người, hạng thượng trí vẫn ít, mà hạng hạ ngu cũng ít, duy có bậc trung nhân rất

nhieu. Trung nhân hay tự cường, nghĩa là ránh hết sức mình, cùng thượng trí sẽ đồng bậc. Trung nhân mà tự khí, nghĩa là đánh liều thân mình (nhận mình là kẻ vô dụng, không muốn làm gì) cũng hạ ngu chẳng khác chi

Nay người ta chỉ biết mình là nhờ cha mẹ sinh ra, mà chẳng biết ta và cha mẹ ta, cùng Trời Đất, đều nhờ Đạo sinh ra. Cho nên người quân tử trước phải cầu Đạo, đặng rồi mới không hổ với Trời Đất, then với cha mẹ.

Tử Cống nói rằng: "Cái Đạo của vua Văn, vua Vũ chưa sa tới đất (mất biệt), còn ở nơi người" (Tử Cống viết: Văn Vũ chi đạo vị trụ ư địa, tại nhân - Luận ngữ, chương 29). Chẳng phải nói người đời Xuân Thu mà thôi, cũng chỉ người đời nay. Chẳng phải nói người đời nay mà thôi, cũng chủ người đời sau nữa.

*Nhất nhân sinh lai hữu nhất thân,
Nhất thân giai hữu nhất chân nhân.
Chân nhân linh diệu thông thiên địa,
Chân nhân thanh tịnh vô ai trần.
Chân nhân tự cổ bất tăng giảm,
Chân nhân từng lai mạc tử sinh.
Đãn năng dưỡng đắc chân nhân tự,
Thắng như bản tử hoạch vạn cân.*

Nghĩa là:

*Mỗi người sinh ra có một thân,
Một thân đều có một chân nhân.
Chân nhân linh diệu thông Trời, Đất,
Chân nhân tịnh thanh dứt bụi trần.
Chân nhân từ trước không tăng giảm,*

*Chân nhân đến nay chẳng tử sinh.
Chỉ lo dưỡng được chân nhân ấy,
Hơn đũa khó nghèo gặp vàng cân.*

Mạnh tử nói rằng: Chỗ con người ta khác với loài cầm thú, chỉ có một chút. Kẻ thứ dân bỏ ra, còn người quân tử giữ lấy chút ấy (Mạnh tử viết: Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả, kỉ hi; thứ dân khứ chi, quân tử tồn chi. - Mạnh tử, chương 22) được. Giữ nó thì thành Thánh, thành Hiền, bỏ nó thì làm chim, làm thú. Đương lúc bỏ nó ra, tức thì biến làm chim, thú (biến trong tâm), chẳng phải đợi chết rồi hay là đến kiếp sau.

Như nay Trời có ngũ hành, là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Chẳng ngừng gọi là hành (đi). Nếu ngừng một chút, thì hết gọi là hành nữa.

Như nay người có ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Chẳng biến đổi gọi là thường. Một niệm vừa biến thiên, thì hết gọi là thường nữa.

Nhưng ngũ hành, ngũ thường này đều có đủ trong mình ta, tức là ngũ tạng: tâm, can, tì, phế, thận (Trái tim, lá gan, lá lách, buồng phổi, trái cật. Tì là lá lách, chứ chẳng phải bao tử. Bao tử, tàu gọi là vị. Tì là tạng, vị là phủ. Vì tì vị cả hai đều thuộc về bộ phận tiêu hóa, nên người ta hay nói luôn tì vị). Ngũ tạng đây là gốc lớn sinh con người. Nếu phạm đến gốc lớn này thì không thể nào sống được. Cho nên thầy thuốc rành nghề trị bệnh, thì trước phải điều hòa ngũ tạng. Khi phát ra trong việc làm hằng ngày thì gọi là ngũ luân: Quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu (Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn). Ngũ luân này là cái đạo thông dụng trong thiên hạ.

Bỏ cái đạo thông dụng nói đây, thì còn gì là con người nữa. Cho nên các tiên vương dạy người, thì trước lo chỉ rõ cái lý ngũ luân. Còn người đời nay có kẻ quên thân thể, bỏ nhân luân để mà cầu Đạo. Thiệt họ chẳng biết cái quấy đó. Kẻ thế thấy vậy thất kinh lấy làm quý lạ, mà tôn sùng hạng người ấy, thì cũng là không biết cái quấy đó nữa. Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Khí bẩm có thanh trọc là do nơi Trời, nhân phẩm có tà chính là do nơi mình. Chỗ này nói ra được rất hay. Một lúc có ngừng, không thể gọi là hành. Một niệm vừa biến, không thể gọi là thường. Chỗ này nói ra được lại càng hay hơn nữa."

Chương 05: LÃO (già)

*Mang thân Tứ-Đại" trẻ rồi già,
 Một mảnh thân gầy xương bọc da,
 Có tử, có sanh, bình khổ lão,
 Cuộc đời "Bất-Tử" kiếm đâu ra?
 Đang lúc thanh xuân nhớ tuổi già,
 Thiêu-quang thấm-thoát lệ đi qua,
 Chẳng hành Đạo-Pháp mà siêu xuất,
 Chớ trách vô-thường bạc với ta.
 Kề tai nhấn nhỏ bạn tri-âm,
 Đạo-Pháp năng tri lý diệu thâm,
 Chẳng sợ tuổi già tu chẳng kịp,
 Vô-Vi thanh-tịnh đạt âm-thâm.*

Người đều nói: Người tới 60 tuổi, mỗi năm thấy già thêm một chút. Người tới 70 tuổi, mỗi tháng thấy già thêm một chút. Người tới 80 tuổi, ngày ngày

đều thấy già thêm. Nghĩa là: càng lớn tuổi, càng thấy mau già.

Ta nay đã trên 80 tuổi rồi, thì còn làm gì nữa? Từ đây về sau, sống thêm được một ngày, ấy là Trời ban ơn cho một ngày, dám để cho nó luống mất sao?

Nay dấu đắc Đạo, cũng đã trẻ rồi, há dám để trẻ thêm nữa sao? Xưa kia, ba ông già bàn đến việc đời vô thường (không bền bỉ). Có một ông già nói rằng:

*Kim niên tửu tịch diên tiên hội,
 Bất tri lai niên hựu thiếu thù?*

Nghĩa là:

*Năm nay tiệc rượu cùng ăn uống,
 Chẳng biết sang năm, thiếu mặt nào?*

Ông già khác lại nói, Ông nói xa vời lắm.

*Kim vãn thoát hạ hài hòa miệt,
 Bất tri thiên minh xiêng bất xiêng?*

Nghĩa là:

*Tối nay giày vớ cởi ra hết,
 Chẳng biết sáng ngày, xỏ lại không?*

Ông thứ ba bèn nói, Ông nói cũng còn xa!

*Giá khẩu khí ký nhiên xuất khứ,
 Bất tri tấn lai, bất tấn lai?*

Nghĩa là:

*Hơi thở này đây phì khỏi miệng,
 Chẳng hay trở lại hoặc đi luôn?*

Người trí chẳng để mất ngày giờ, kẻ dưng chẳng để tính hai lần. Ngày nay biết Đạo, thì ngày nay phải hạ thủ. Giờ này biết được, thì giờ này tức là giờ hạ thủ. Nếu nói: Nay chưa đặng rảnh, để chờ ngày khác, thì ta e cho tới khi muốn thi hành, lại

không đủ ngày giờ mà thi hành đó.

Con người có ba báu là: Tinh, khí, thần. Đến khi già rồi, thì e cho tinh khô, tinh khô ắt phải chết, e cho khí tán, khí tán ắt phải chết, e cho thần lìa, thần lìa ắt phải chết.

Tinh làm sao chẳng khô, có phải xa sắc chẳng?

Khí làm sao chẳng tán, có phải ít nói chẳng?

Thần làm sao chẳng lìa, có phải vô dục chẳng?

Thần chẳng phải ép cầm ở lại được. Tâm tức (tâm ý và hơi thở) nương nhau, thì thần tự nhiên ở lại.

Khí chẳng khá hao tán. Chớ hay nói, giữ mực "trung", thì khí chẳng tán.

Tinh chẳng khá lọt mất. Đem tinh bổ óc, thì tinh chẳng lọt.

Có kẻ hỏi: Người già khí huyết đã suy, làm sao mà bổ nó được?

Đáp:

Cẩn thận lời nói, có thể bỏ phế,

Ăn uống độ lượng, có thể bổ tì.

Tuyệt hết tư lự, có thể bổ tâm,

Trừ bỏ giận hờn, có thể bổ can.

Đoạn dứt dâm dục, có thể bổ thận.

Xin chỉ thêm cho rõ!

Trả lời: Chẳng lo không bổ, duy lo bổ mà rời lại tổn. Cho nên tôi thường nói: Một trăm ngày bổ mà chẳng thấy có dư, một mai tổn rồi thì liền nghe chẳng đủ. Mùa xuân xem cây cỏ, nhành là sum xuê. Đến cuối thu, lá rụng, sự sống về cội. Nhờ về cội mà cây chẳng chết, nên xuân tới cành lá lại nảy sinh.

Cứ đây mà xét, thì sinh sinh chẳng cùng là Đạo của Trời vậy chẳng trái với Đạo này, thì phải chỉ

có bậc chân nhân không? Cho nên nói: "Chân nhân chi tức dĩ chủng" (Trang tử nói rằng: "Chân nhân chi tức dĩ chủng, chúng nhân chi tức dĩ hầu". Nghĩa là: Chư tiên thờ ở tại gốc - ý nói thờ sâu, tới đan điền, còn chúng sinh thì thờ ở yết hầu - ý nói thờ gần, chẳng khỏi cổ), chữ chủng như chữ căn (cội gốc). Ba tháng mùa đông là lúc trở về cội, thì phải tịnh để dưỡng cái gốc sinh.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: Tâm tức nương nhau, chớ hay nói, giữ mực "trung", đem tinh bổ óc, thì ba báu bền chặt. Cẩn thận lời nói, ăn uống độ lượng, tuyệt hết tư lự, trừ bỏ giận hờn, đoạn dứt dâm dục, thì ngũ tạng đủ đầy. Ba báu đã bền chặt, ngũ tạng lại đủ đầy, có lý nào chẳng đặng diên niên ích thọ (thêm tuổi sống lâu) hay sao?

Chương 06: BỆNH (đau)

*Bệnh là nỗi khổ của nhơn sanh,
Vương mắc triền-miên nợ ngũ-hành,
Học phép dưỡng-sinh mau giải-thoát,
Trợ an bản thể khỏe hồn linh.
Linh tánh vương mang bệnh khổ trần,
Thất tình lục-dục hại chơn thân,
Pháp-luân thường chuyển hằng khai giải,
Tụng niệm Nam-Mô nhớ dưỡng thần.
Thần khí qui căn, bệnh dứt liền,
Mới hay phép báu của Thần Tiên,
Trước lo giải bệnh cho cơ thể,
Sau vượt sông mê cây "Pháp-Thuyền".*

Bệnh do đâu mà sinh? Đều bởi vọng tưởng mà sinh phiền não không dưỡng được tí, cho nên không thèm ăn. Tì hư thì khí ở trong phế kém khuyết nên mới sinh ho hen. Ho hen thì thủy khí tuyệt lần, nên mộc khí chẳng sung, tóc đỏ gân bại. Bệnh truyền khắp ngũ tạng thì con người phải chết.

Con người đương lúc vọng tưởng mới động, tức là lúc tật bệnh phát sinh. Người nay chẳng xét, chờ có đau nhức trong mình, mới cho là có bệnh, mà không rõ cái nguyên nhân của nó phát ra chẳng phải hôm một mai gì. Kỳ thật, bịnh lần lần đến cho mình.

Bên ngoài cái thân của con người, thì có lục dâm là: phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa (gió, lạnh, nóng, ướt, ráo, lửa). Còn phía trong thì có thất tình là: hỉ, nộ, ai, lạc, ưu, khủng, kinh (mừng, giận, buồn, vui, lo, khiếp, hoảng) (Tuồng nên theo thất tình trong sách Lễ là: hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục, đúng hơn vì giống với kinh Phật là: hỉ, nộ, ai, cụ, ái, tăng, dục. Chữ ai với chữ ưu tuy khác, mà cũng đồng một nghĩa là: buồn. Còn ố, tăng, cũng đồng một nghĩa là: ghét).

Do thất tình mà bịnh, là bịnh nội thương, đó là chứng bất túc (chẳng đủ). Do lục dâm mà bệnh, là bệnh ngoại cảm, đó là bệnh hữu dư (có dư). Bất túc là bệnh hư tổn, thiếu sức, thì phải bổ. Hữu dư là bệnh nhiễm tà khí ở ngoài, thì phải tả (xổ). Khí huyết hậu thiên thuộc về hữu hình, thọ thương mà bị bệnh, nếu chẳng phản quán (Phản quán nghĩa là: xem ngược vào trong, đem tâm phóng ra ngoài trở lộn về) tịnh dưỡng thì chẳng mạnh được. Mười vị đại danh y trị bệnh thân người, Tam Giáo Thánh nhân trị bệnh tâm người.

Người thân bằng có bệnh, ta biết đi viếng thăm. Còn tự mình có bệnh, lại không biết viếng xem mình. Nếu biết tự viếng xem mình: ở trong thì vô tâm, ở ngoài thì vô thân. Tâm thân đều không, thì ai đâu thọ bệnh, ai đâu không bệnh? Ai thấy được cái lý đó rõ ràng, thì tự nhiên vô sự.

Thường tưởng lúc bệnh, ắt tình trần lần thấy giảm. Thường lo ngày chết, thì lòng Đạo tự nhiên sinh.

Xưa kia, Tử Nguyên có tâm bệnh, gặp một vị cao tăng kêu mà rằng: Cái bệnh của ngài khởi tại phiền não, mà phiền não sinh nơi vọng tưởng. Vọng tưởng có ba thứ:

1. Hoặc nhớ đến sự sang hèn, ân oán, một hai chục năm trước, cùng các thứ tình tự vẫn vợ khác. Đây là quá khứ vọng tưởng, nghĩa là vọng tưởng về sự qua rồi.

2. Hoặc việc xảy ra trước mắt, có thể xui theo một bề, mà lại cưỡng cầu sinh ra ý kiến nọ kia, dự dự chẳng quyết. Đây là hiện tại vọng tưởng, nghĩa là vọng tưởng về sự bây giờ.

3. Hoặc trông mong ngày sau giàu sang theo như lòng mình sở nguyện, hoặc trông mong con cháu vinh vang kịp thời, cùng là những việc không thể nên được, không thể có được. Đây là vị lai vọng tưởng, nghĩa là vọng tưởng về sự xảy đến.

Ba thứ vọng tưởng này khi sinh, khi diệt. Thiền gian gọi là huyễn tâm. Hay xét thấy chỗ vọng này, thì nó liền tiêu diệt, Thiền gia gọi là giác tâm. Cho nên nói: "Chẳng lo niệm dấy lên, duy sợ giác trở chày; niệm dấy lên là bệnh, không tiếp tục là thuốc".

Vị cao tăng lại nói rằng: Cái bệnh của ngài cũng là thủy hỏa chẳng giao. Phạm nịch ái giai nhân mà làm việc hoang dâm, đó là cái dục ngoại cảm. Hoặc đêm tư tưởng giai nhân mà thành ra mộng mị di tinh, đó là cái dục nội sinh. Nhiệm lấy hai cái dục này, thì hao tán nguyên tinh. Nếu bằng đoạn nó được thì thận thủy tự nhiên được tươi nhuận, mới có thể lên giao với tâm

Còn tư tưởng tìm kiếm chữ nghĩa, bỏ ngũ quên ăn gọi là lý chướng. Lo lắng về chức nghiệp, mà chẳng kể gì cực nhọc, gọi là sự chướng. Hai điều này chẳng phải thiệt là nhân dục, mà cũng tổn tính linh. Nếu hòa hoãn mà làm mỗi việc, thì tâm hỏa chẳng lên đốt nóng, mới có thể xuống giao cùng thận. Cho nên lục trần chẳng hiện duyên cảnh, lục căn không chỗ phối hợp, trở ngược về một nguồn, thì lục thức không còn đi ra ngoài nữa.

Tử Nguyên y theo lời, ở riêng trong một thất, dẹp sạch hết muôn duyên, ngồi tịnh trên một thàng, thì bệnh tâm đầu mắt.

Tự gia hữu bệnh, tự gia trị,

Ký tri tu yếu tảo thời y.

Thoàn nhược kỳ y, chung úy bệnh,

Vô thường lâm đảo, hối truy trì.

Nghĩa là:

Tự mình có bệnh, tự mình hay,

Đã biết thì nên chữa trị ngay.

Bằng sợ thuốc này, dẫu bệnh nọ,

Vô thường đến viếng hối là chầy.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Có câu ngạn ngữ: Tâm bệnh khó chữa". Chẳng phải thật khó chữa,

tại chẳng biết được phép, chẳng làm theo phép đó thôi.

Tam Giáo Thánh nhân giỏi trị tâm bệnh, một lời nói có thể làm kim chỉ nam cho kẻ mang tâm bệnh. Mà có ai tin theo đó đâu, có ai làm theo đó đâu!

Xưa kia, làm quan giữ cửa ải, tôi mang chứng tì hư hạ tiết (tì yếu, ỉa rớt). Năm năm, thở hơi thỏn mỏn, uống thuốc nào cũng không thấy hiệu nghiệm, muôn phần không kể sống lấy một bộ Tâm kinh. Một trăm ngày, đọc luôn cuốn kinh thì bệnh tôi liền mạnh. Đó là phương pháp kỳ diệu tôi đã kinh nghiệm, nên mới đem ra mà công bố với ai là người có bệnh trầm trệ như tôi vậy.

Chương 07: TỬ (chết)

Thế nhân cam chịu "tử" và "sanh",

Cứ xuống, cứ lên, chẳng học hành,

Hành pháp hườn sinh về bến giác,

Trăm năm đấm tọc khổ thì đành.

Đành lòng chậm tiến bởi do ai?

Học phép "Trường-sanh" rõ biết tài,

Nhứt điểm Linh-Quang không thoái-hóa,

Lên thang Thượng Phẩm khỏe dài dài.

Dài lâu cõi thọ đắc vô-sinh,

Chánh pháp vô vi độ lấy mình,

Mình thoát lệ thường nhờ dũng chí,

Vén màn sinh tử vệt vô minh.

Con người đương lúc khí huyết cường tráng, cái chí buông lung, thuận theo lục dục, thì có điều gì

chẳng dám làm. Đến khi khí huyết thọ hại, trăm bệnh nảy sinh, thì giờ chết sắp đến. Dầu có con cái đầy nhà, thế cũng chẳng được; vô số tiền bạc, lo cũng không kham. Tới chết nói ăn năn, thì việc đã trễ rồi. Ai không sợ chết, mà phải sợ trước khi chết kia. Nếu chờ tới giờ sắp chết mới sợ chết, thì chết khó mà khỏi được. Ai không sợ bệnh, mà sợ bệnh trước khi bệnh kia. Nếu đợi tới lúc mang bệnh mới sợ bệnh, ắt bệnh khó mà trị được.

Thử xem trong thiên hạ, có vật gì trọng hơn tính mạng nữa không? Thử xem trong thiên hạ có cái gì, lớn hơn sinh tử nữa không? Chẳng có người nào không ham sống, nhưng lại chẳng ham cái đạo trường sinh. Chẳng có người nào không ghét chết, nhưng lại chẳng ghét việc làm giục chết.

Con người ở trên thế, việc này nối việc kia, phải chờ chết mới hết việc. Nếu chờ đến lúc sắp chết, thì có phương pháp nào mà tránh khỏi cái chết được? Chi bằng sớm kíp hồi tâm, đem mọi sự trần duyên, buông bỏ hết một lượt, làm người trường sinh xuất thế, chẳng là hay hơn sao?

Có kẻ hỏi: Trần duyên vương vấn, lâu tháng chầy năm, một mai buộc phải buông bỏ hết, chẳng là khó lắm chăng?

Đáp: Chỉ tại người chẳng khứng buông bỏ, cho nên nói khó. Chứ như chết rồi, có gì mà không buông bỏ chẳng? Nay tuy chưa chết, phải tạm coi như chết rồi, buông bỏ hết một lượt, thì có chi không hay?

Lại hỏi: Buông bỏ là buông bỏ cái chi?

Đáp: Buông bỏ là buông bỏ cái hạt giống sinh ra tứ đại, ngũ uẩn, tình thức. Người chân tu

hành, giống như kẻ chết hẳn một phen, rồi sống lại mới là tốt cho. Người chết hẳn là người không bị thế giới vấn vương, chứ không có đạo lý chi huyền diệu cả. Phải trọn yên tịnh như thế đó mới là phải. Câu: "Sớm mai nghe đạo, chiều chết cũng đành" (Tử viết: Triều văn đạo, tịch tử khả hỉ. - Luận ngữ, chương 4) là lời đức Phu tử dạy người rất cấp thiết, vì ngài cho rằng bậc thượng sĩ nghe Đạo, trong khoảnh khắc, liền thoát sinh tử.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Người xưa nói:

*Cư thế tận tùng mang lý lão,
Thùy nhân khảng hưởng tử tiền hưu."*

Nghĩa là:

*Người thế bốn ba già mòn sức,
Mấy ai thấy chết chịu dừng chân.*

Nếu có kẻ thấy cái chết trước mặt kia mà dừng bước lại, thì chẳng những hoãn được sự chết, mà còn có thể thoát khỏi sinh tử nữa.

Chương 08: KHỔ (cực nhọc, đau đớn)

*Tứ khổ vương mang một kiếp trần,
Bởi vì không biết phép tu thân,
Chẳng thương giá-trị "Người cao quý",
Nên mãi trả vay lăm nợ-nần.
Nợ nần cõi thế cứ triền-miên,
Giải khổ nhờ tâm biết định thiên,
Nhìn lại giả trần, cơn đại mộng,
Vô-vi bí-yếu, phép Thần Tiên.
Tiên Phật cũng tu một phép này,*

*Minh tâm, kiến tánh, nội nhiều đây,
Tam-hoa, Ngũ-Khí, trường-sanh được,
Xuất tánh Chơn-Như bát-yết Thầy.*

Con người ta chỉ có một chữ ái (ưa, mến), mà không trừ bỏ đi được. Mến danh lợi thì bị danh lợi ràng buộc, mến tửu sắc thì bị tửu sắc ràng buộc, mến thân gia (thân mình, nhà cửa) thì bị thân gia ràng buộc, mến con cháu thì bị con cháu ràng buộc. Nó đem cái chân tính này, ràng qua buộc lại, điên đảo đảo điên, lên xuống cõi nhân gian hoai, mà chịu không biết bao nhiêu sự khổ.

Chân tính thọ phụ tinh mẫu huyết mới kết thành thai. Cái y bào (cái bọc bao đứa nhỏ trong bụng mẹ) cũng như khám tối, câu thúc thân hình. Hễ mẹ ăn món nóng, như nước sôi đổ xối vào mình; hễ mẹ ăn đồ lạnh, như nước đá tắm dầm thân thể.

Đến lúc khí đủ thai đầy, thì phải tung mà ra cho kịp. Vậy trước phải động phá cái y bào, vài ngày cái bọc đó mới rách. Người ta chỉ biết sự thống khổ của người mẹ chuyển bụng, mà chẳng biết đứa con cũng chịu khổ sở vô cùng. Tới khi sinh ra rồi, đứa con khóc oa oa lên một tiếng, thì cái khổ ở trong thai dứt từ đó. Cái khổ với thân này lại tiếp theo đó liền: trong thì lo đói khát, ngoài thì sợ lạnh nóng, biến ra các thứ đau chần, nói nhau mà phát hiện. Đó là cái khổ hồi lúc còn nhỏ.

Tới chừng nên người, lại có sự nghiệp. Làm vua chúa thì phải lo cho xã tắc, làm kẻ sĩ thứ thì phải lo cho thân gia, ngày đêm lao khổ, nằm ngồi chẳng an. Năm thứ hỏa đều dấy động, đốt hết khí thiên hòa, thì tật bệnh theo bên mình chẳng ngớt rốt có cái khổ

báo ứng, muôn kiếp luân chuyển, không lúc nào ngưng.

Thích giáo nói rằng: Ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, cầu bất đắc khổ; nghĩa là: thương nhau mà lìa nhau là khổ, ghét nhau mà hợp nhau là khổ, có việc cầu xin mà không được là khổ lắm không biết mà vào chỗ khổ, có kẻ biết rõ là khổ mà cũng không thoát khỏi được. Ngạn ngữ nói rằng: Chớ có cưới vợ sớm, cưới vợ rồi sẽ có việc khó! Có nói thi đỗ cao, thi đỗ rồi sẽ chịu nghiệp to! Chớ nói cày cấy no, cày cấy rồi sẽ gặp khổ nhiều! Chớ nói người tu sướng, người tu rồi sẽ biết tâm khó.

Có kẻ hỏi: Cái khổ của người thế phần nhiều ở thân thể, còn cái khổ của người học Đạo chỉ ở trong tâm: không có dây mà tự mình trói buộc; không có việc mà tự mình lật đật; muốn thu, thu chẳng được, muốn phóng, phóng chẳng đi. Vậy phải làm sao?

Đáp: Kẻ học đó chưa đặt chân truyền nên mới chịu khổ như vậy. Nếu đặt chân truyền thu hay là phóng đều tại nơi ta, thì có gì là khổ nữa? Hướng học Đạo là cái pháp môn an lạc. Phàm theo Đạo mà nói khổ, tức là ngoại đạo rồi.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Người thế thường đàm luận, rằng lúc con người lọt ra khỏi lòng mẹ, sao cũng khóc oa oa vài tiếng, thì đủ thấy từ đó về sau, đều là cảnh khổ. Tôi lại nói: Chẳng phải vậy. Bởi mê thất chân tính, lòng muốn chẳng toại, cho nên trăm khổ dồn dập. Nếu khứng hồi tâm xu hướng về đạo đức, muôn vật đều có đủ trong mình ta, thì có cái vui nào lớn bằng! Làm sao mà có khổ!"

Chương 09: TÍNH MỆNH

*Tánh mạng gồm chung một bản thân,
Tánh về Tâm-địa thị Nguồn-Thần
Mạng về Nguồn-Khí sanh Chơn-Tức,
Tánh-mạng song tu, dứt nghiệp trần.
Trần ai phờ-phình khách si mê,
Bỏ Tánh quên Tâm mất lối về,
Kéo Tánh về Tâm, Tâm tự giác,
Giải tan nghiệp-chướng khỏe trăm bề.
Bề nào rồi cũng phải ra đi,
Sống kiếp trầm-luân có nghĩa gì?
Tánh-Mạng không thông đường Đạo-Pháp,
Trách sao không thoát nổi sâu bi.*

Người mới vào học đạo, trước phải hiểu biết hai chữ tính mệnh. Tính có nguồn gốc là tâm địa, mệnh gốc là chân tức (tức là hơi thở sâu).

Gốc mệnh phải vững bền, nguồn tính phải trong sạch.

Có kẻ hỏi: Nguồn tính làm sao mới gọi trong sạch?

Đáp: Trong ngoài đều quên là trong sạch.

Lại hỏi: Gốc mệnh làm sao mới gọi vững bền?

Đáp: Thần khí giữ nhau thì đặng vững bền.

Tính ấy là thần, mệnh ấy là tinh với khí. Trong Thái cực đồ có nói: Vô cực chi nhân, nhị ngũ chi tinh, hai cái hợp lại đúng phép thì ngưng tụ, mới có con người sinh ra. Cái ta gọi tính đây là Vô cực chi chân (Vô cực chi chân là cái tính chân không trong khí

Vô cực), còn cái ta gọi mệnh đây là nhị ngũ chi tinh (Nhị ngũ chi tinh là cái tinh ba trong hai số ngũ, ấy là khí mật thổ lão dương hợp với khí kỷ thổ lão âm tại cung khôn, gọi là địa thập thành chi, kết thành đao khuê).

Vô Dịch tử nói rằng: Tính ở trong tâm. Tâm không một phần, thì tính hiện một phần, tâm không mười phần, thì tính hiện mười phần. Tính hiện tức là tính tận (Tận nghĩa là thiết hiện, tức là cái chi bị khuất lấp, nay đem bày ra chỗ quang minh) rồi. Vậy thì dứt niệm tưởng là cốt để tận tính. Tính tận một phần, thì thần khí ngưng tụ một phần, tính tận mười phần, thì thần khí ngưng tụ mười phần. Công phu của người học Đạo chẳng có chi khác, bất quá là thung dung mà đạt tới chỗ đó thôi. Đại khái công phu toàn ở chỗ dứt niệm tưởng, tâm tức nương nhau. Phép này rất lạnh chóng, là tại sao?

Khí là mẹ của thần, thần là con của khí. Tâm tức nương nhau, như mẹ con gặp nhau. Thần khí dung hòa, thành ra một phiến, khẩn khít nhau hoài, lâu rồi sẽ thành đại định. Đó gọi là Đạo: quy căn phục mệnh, căn thâm đế cố, trường sinh cửu thị (về gốc để tiếp mệnh, gốc sâu thì rễ chắc, đặng mệnh sống lâu dài).

Hà tiên cô nói rằng: Hơi thở còn một mảy lông chưa định, thì mệnh chẳng phải của ta. Ta lại nói rằng: Tâm còn một sợi chỉ chưa quên, thì hơi thở không hề định được.

Con người có tính Trời Đất (phú cho), và tính khí chất (tập quán). Tính Trời Đất là toàn thể của Thái cực, mà hễ phân ra âm dương, ngũ hành, thì hóa ra

tính khí chất, tức là cái thật thể của Thái cực, sa vào trong khí chất, chứ chẳng phải có một tính nào riêng khác.

Trương tử nói rằng: Biết đem ngược trở lại thì tính Trời Đất còn.

Có kẻ hỏi: Biết đem ngược trở lại có đạo chăng (có phương pháp chăng)?

Đáp: Có!

Lại hỏi: Mong sao đừng nghe giải!

Đáp: Nho nói: Tẩy tâm thoái tàng vu mật (rửa lòng thoái ẩn nơi chỗ kín mật). Phật nói: Quán tự tại (xem vào chỗ tự tại, bất động). Lão nói: Phục quy ư phác (trở lại tính chất phác, thật thà). Đây là giai đoạn trước của phép đem ngược trở lại.

Nho nói: Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tịnh (biết chỗ ngừng, chỗ trú rồi, sau mới định, mới quyết; có định, có quyết rồi, sau mới lắng lặng không xao xuyến).

Phật nói: Chiếu kiến ngũ uẩn giai không (người vào sâu cảnh bát nhã soi thấy ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không, chẳng có thật thể). Lão nói: Quy ư anh nhi (trở lại như con nít)

Nho nói: Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã (không ý riêng, không cho cái này hơn cái kia, không cố chấp, không thiên lệch về mình). Phật nói: Vô nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý (chẳng có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân mình, ý thức). Lão nói: Phục quy vu Vô cực (trở lại lý Vô cực). Đây là giai đoạn sau của phép nói trên.

Tính người vốn lành, mà nếu nó có chỗ không lành, là tính khí chất đó. Biết nó là tính khí chất, mà không để nó khiến mình, là phương biến đổi

tính khí chất.

*Bát thập ngũ tuế đại lão hán,
Mỗi nhật tịnh tọa vô sự cán.
Đạo nghĩa minh liễu một đề thuyết,
Kinh thư kiến liễu lãn đãi khán.
Thức đắc nhất tính thị chủ tế,
Chiếu phá vạn duyên giai không huyền.
Tán đạm, tiêu điều, tự tại hoại,
Tái bất dữ nhân đàm xá đạm.*

Nghĩa là:

*Tám mươi lăm tuổi, một ông già,
Mỗi bữa ngồi thiền, việc lánh xa.
Đạo nghĩa rõ rồi, không luận đến,
Sách kinh thấy đó, biếng xem qua.
Đặng tường một tính là chân chánh,
Xét thấu muôn duyên ấy huyền tà.
Tự tại, thung dung, ngày tháng rộng,
Chẳng cùng thế tục chuyện phi phù.*

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Vô cực chi chân là lý đó, là tính đó; nhị ngũ chi tinh là khí đó, là mệnh đó. Từ xưa đã có nhiều nhà đại Nho phát minh chỗ bí áo của một là lý, hai là khí, thì đủ thấy dưới trời này chẳng đâu có khí mà không lý, cũng chẳng đâu có lý mà không khí; còn trong mình người, chẳng đâu có tính mà không mệnh, cũng chẳng đâu có mệnh mà không tính.

Sao Thích, Đạo hai tông giáo, mỗi bên nắm một mỗi, xúm nhau cãi lầy lằng xằng vậy? Xét ra đều bởi lý Thái cực, hai bên chưa rõ thấu. Cho nên nguồn tính mệnh xé ra thành hai miếng, mới có Thích môn trọng tính học, Đạo giáo trọng mệnh công, chia phe

rẽ bọt, cũng như mao Thích, mao Đạo chẳng đồng vậy, rất làm cho những người triết ngộ thất cười! Ôi! Sao không lấy bài này mà đọc cho kỹ?"

Chương 10: TÂM

*Có một cái "Tâm" biến tánh tình,
Lắm khi chìm đắm nẻo vô minh,
Mau mau kéo thức đềm về trí,
Tánh trở về Tâm vạn sự linh.
Linh tánh là Tâm chẳng động si,
Chẳng sanh, chẳng diệt, tánh toàn tri,
Trần duyên không trôi, tâm thanh tịnh,
Nội ngoại am tường lý hiển vi.
Vi diệu cùng chẳng một cái Tâm,
Trang-nghiêm thanh-tịnh Đạo thâm-trầm,
Chẳng mong làm Phật, Tâm là Phật,
Đạo tại thân trung giải hết lầm.*

Người ta chỉ có một cái tâm: ra ngoài là tình, vào trong là tính, đi xuôi là thức, trở ngược là trí. Nay muốn đem cái đi xuôi ra ngoài, mà cho trở ngược vào trong, thì có phải là phản quán chăng?

Chữ phản có nghĩa là hay lộn về, hay trở lại. Còn chữ quán có cái công hay chiếu soi, hay xét biết. Cái thần của con người ở tại tâm, cái cơ (máy động) của tâm ở nơi con mắt. Cho nên con mắt dùng ở trong, thì tâm cũng theo nó mà ở trong tâm, chẳng những ở trong mà thôi, lại còn thêm định nữa. Cái tâm đã định rồi, thì tâm hòa hạ giáng, thậm thủy thượng thăng, miệng nếm cam tân (nước miếng ngọt),

chân đạp hỏa đỉnh (vạc lửa), cái chỗ huyền diệu khó mà tả ra cho cùng tận.

Người ta chỉ có một cái chân tâm, vì sao mà sinh vọng? Mê thì tựa như có (cái giả), giác thì hoàn lại không. Cho nên ta nói: Biết vọng thì hết vọng, phải buông xả ngay (Chữ Tàu là: Phóng hạ khan, nghĩa là: ý phải buông sáu trần ở ngoài, sáu căn ở trong và sáu thức ở giữa một lượt, bỏ cho thật hết, tới không còn cái chi khá bỏ. Đó là phép định tâm, thu thần). Thành là dẹp cái trá nguy, kính là dẹp cái khinh khi. Đương lúc vọng niệm dấy lên lảng xăng, chẳng cần phải dứt tuyệt, cứ xem trở ngược vào tâm, hay coi nó tưởng là tưởng cái chi. Chỉ hồi quang mà chiếu vào cho nhằm chỗ, thì nó liền lặng lẽ. Học Đạo không có phép nào khác. Thường thường phản chiếu tức là học, hết vọng tưởng rồi tức là Đạo.

Chu tử nói rằng: Có một phần tâm hướng vào trong thì định một phần sức, hai phần tâm hướng vào trong thì định hai phần sức. Nếu kính cẩn thu thập, chẳng đeo đuổi theo vật ra ngoài, có lẽ nào chẳng định tâm chính? Tuy tập nửa tháng, chớ đủ xét nghiệm. Lại nói: Cầu phóng tâm, chẳng phải đem cái tâm về gìn giữ. Chỉ vừa hay tâm phóng, thì tưởng rằng: cái tâm này là tâm của ta, nó phải do mệnh lệnh ta. Ta chẳng định tin và theo nó mà đi rong dãi ra ngoài. Tuy nó bị che lấp đã lâu, ta ráng sức cũng kêu nó tỉnh được. Hết lớn một tiếng, trăm tà đều lui, rồi kế xen vào tâm. Tâm không thì kế đó nương theo hơi thở. Hơi thở trụ thì thần cũng theo nó mà trụ luôn. Đây là chỗ gọi: "Chân nhân chi tức dĩ chủng", nghĩa là hơi thở của vị chân nhân (Tiên, Phật) ở nơi căn đề

(thâm thâm). Con người sở dĩ khác hơn chim thú, duy tại cái tâm này mà thôi. Phật nói rằng: Những kẻ làm điều ác, kiếp sau biến làm chim thú. Sao vậy? Hình họ tuy là người, mà tâm họ không còn phải là người nữa. Thấy cảnh mà tâm chẳng động, gọi là chẳng sinh. Chẳng sinh tức là chẳng diệt, ắt cái tâm này không còn bị trần duyên buộc trói. Hết buộc trói tức là giải thoát vậy

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: Trong sách Đại học, nơi chương Chính tâm, trước nói "hữu sở" ("Hữu sở" có bốn loại là: "Tâm hữu sở phạm sí, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở khủng cụ, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở háo nhạo, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở ưu loạn, tắc bất đắc kỳ chính. Nghĩa là: lòng có chỗ tức giận, thì không được ngay; có chỗ ham muốn, thì không được ngay; có chỗ sợ hãi, thì không được ngay; có chỗ lo lắng, thì không được ngay) có bốn loại bệnh hữu tâm, thì tâm chẳng đặng chính; sau nói về "tâm bất tại" trong bốn câu ("Tâm bất tại" trong bốn câu là: "Tâm bất tại diên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị". Nghĩa là: Lòng hể chẳng ở - đi rồi, trông mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị. Bốn loại "hữu sở" là nói cái bệnh của kẻ hữu tâm, bốn câu "tâm bất tại" là nói cái bệnh của kẻ vô tâm. Trên nói lòng chẳng nên có thiên chủ về sự gì, dưới nói lòng chẳng nên không thường ở trong mình mà làm chủ. Vậy thời ở trong hư không mà có chủ tể, ấy có phải là bài thuốc làm cho ngày lòng đó chẳng?) là bệnh vô tâm, thì tâm cũng chẳng đặng chính. Rốt cuộc cũng không chỉ rõ cái công phu chính tâm, khiến cho kẻ học giả không biết đâu mà hạ

thủ. Bài này đã chỉ rõ cái công phu chính tâm rồi, lại nói về hiệu quả của tâm chính, phân tích rõ ràng, lời lẽ điệu xảo.

Chúng ta quả hay tuân theo đây mà thi hành, chẳng những có thể mong làm Thánh, làm Hiền, mà cũng có khi thành Phật, thành Tổ nữa. Kẻ hữu chí cùng Đạo này, sao lại chẳng gắng công vậy?

Chương 11: TÌNH

*Thất tình là lục dục cứ đa mang,
Trói buộc thân tâm chịu khổ nàn,
Tự tánh si mê, ai giải-thoát?
Làm sao tỏ dựng mối Linh-Quang?
Linh-Quang xuống thế chịu trầm-luân,
Biết Đạo mà tu mới đáng mừng,
Lấy Tánh soi Tình, Tâm thoát tục,
Ngoài thân còn có cái "Kim-Thân".
Kim-Thân không nhiễm bụi trần-gian,
Không tuổi, không tên, giá ngọc vàng,
Đại-Thánh Tề-Thiên vào Thủy-Động,
Thoát vòng cương-tỏa, chí hiển ngang.*

Thất tình đã kể ở bài trước rồi (Coi thất tình đã kể ở bài chữ bệnh): hỉ (mừng), thì khí đi chậm, nộ (giận) thì khí đi lên, ai (buồn) thì khí tiêu tan, lạc (vui) thì khí hao tán, ưu (lo lắng) thì khí kết tụ, sầu thì khí đi xuống, kinh (sợ) thì khí loạn động. Hể khí trái nghịch, thất thường thì nó biến sinh các bệnh. Giả như làm cho lòng bụng bành trướng, có khối hòn, làm cho hông sườn nhức nhối như kim châm, làm cho yết

hầu bị nghẹt, làm cho khí lên hóa suyễn, sinh ra năm thứ bệnh tích (ở trong ngũ tạng), sáu thứ bệnh tụ (ở trong lục phủ), theo máu thành bệnh trùng (Trùng là khối hòn có hình thấy rõ, ở cứng một chỗ, đè nó thì nghe cộm tay. Ấy là bệnh đau có khối, có hòn trong bụng mà có hình), theo nước thành bệnh tích (Tích là khối hòn ẩn núp ở khoảng giữa hai xương sườn, đè nó thì dường như không có vật gì, mà đến lúc đau lại nghe như có. Ấy là bệnh đau có khối, có hòn trong ngực mà không hình). Đàm dãi vì đó mà ngưng đọng, kết lại như thao càn (đũi), như bày nhày không kể xiết. Cho nên kẻ biết tiếp dưỡng, dẫn tình đem về tính. Đó là phương hay để trị bệnh.

Tình là cái phát động đi ra ngoài. Thánh nhân dưỡng nó trước khi chưa động, cho nên hay dùng được tình để thuận muôn vật mà vô tình: vật đi qua mà chẳng nhận có (lấy làm của mình), vật xông tới mà không lưu cảm (tới rồi phóng đi). Tỉ như cái gương sáng chiếu vật: như tốt là vật tốt, chứ chẳng vì đó mà sinh lòng mến; như xấu là vật xấu, chứ chẳng vì đó mà sinh lòng ghét. Cho nên nói: "Quách nhiên nhi đại công, vật lai nhi thuận ứng". Nghĩa là: Rộng rãi mà rất công, vật lại thì đưa xuôi theo vật.

Rất công nghĩa là: rộng rãi thiên lý, chẳng có một mảy tà tây theo nhân dục. Đưa xuôi theo vật, nghĩa là: có vật tất nhiên có phép (Muôn vật đều có cái phép nhất định. Kinh Thi nói rằng: "Thiên sinh chung dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bĩn di, háo thị ý đức". Nghĩa là: Trời sinh ra các sắc dân, hễ có người vật thì có phép tắc. Cái Đạo thường tự nhiên (thọ lãnh nơi Trời) của dân là ưa mến cái đức lành), làm theo cái

lối vô sự.

Sách Định Tính nói rằng: Các món tình của con người, cái nào cũng hay che lấp, cho nên chẳng thể hợp với lẽ Đạo. Đạo khái bởi lo riêng và lại dùng trí. Lo riêng thì chẳng hay lấy vô vi làm sự biến hóa (Chính chữ là ứng tích, nói đủ là ứng hóa thành tích, nghĩa là: tùy cơ duyên mà trong chỗ không lại biến thành có), dùng trí thì chẳng hay dùng minh giác (minh giác là diệu giác chân tâm, linh linh bất muội, liễu liễu thường tri. Sự hiểu biết của minh giác tự nhiên phải hơn trí phàm) làm lẽ tự nhiên.

Người ta nói rằng: Cái tình của người dễ phát mà khó chế, thì có chi hơn sự giận nữa. Nhưng hễ phát giận, cứ quên sự giận, mà xét coi lý phải quấy, cũng có thể thấy những điều ngoại dụ (các điều ở ngoài nó cảm dỗ mình) không đủ cho ta ghét, thì đường Đạo đã trải qua hơn phân nửa rồi.

Chu tử nói rằng: "Vong nộ tắc công, quán lý tắc thuận". Nghĩa là: quên giận mới công bình, xét lý thì thỏa thuận. Hai điều này là phương để trở xét vào mình, mà vứt bỏ cái màng che lấp. Người đắc Đạo trong ngoài đều không không vắng lặng, nhờ tịnh mà thường phản quán, chẳng vướng một vật chi hết (không bị tình dục khuấy nhiễu). Được vậy, thân tuy gửi trong cõi trần hoàn, mà tâm đã siêu ra ngoài cảnh vật.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Người xưa nói: Cao hơn hết là quên tình. Mà thật chẳng phải quên tình, ấy là dẫn tình đem về tính vậy. Người hay dẫn tình đem về tính, Nho gọi là thu phóng tâm, Đạo gọi là luyện hoàn đan, lâu ngày công phu già giận, tự

nhiên đặng như như bất động y như Phật vậy chẳng khác".

Tôn đại thánh đã vào trong Thủy liên động rồi, bèn kêu bày khí mà rằng: Chúng bay đến đây, đến đây ắt chẳng còn chịu lấy khí của ông Trời già nữa (Tinh thuộc kim. Ngũ hành di thuận thì kim năng sinh thủy, còn ngũ hành di nghịch thì thủy hoàn sinh kim. Kim ở trong nước mà sinh ra, là kim thuộc về tiên thiên, mà tiên thiên thì trời không trái (tiên thiên nhi phát vi). Cho nên Đại Thánh ở trong Thủy liên động, là chỗ rềm nước bao phủ xung quanh, mới kêu bày khí mà nói: Ai vào đó rồi thì không còn chịu lấy khí của ông Trời già nữa. Ý nói: Người tu hành đem tinh đi ngược lại, hay là nói một cách khác: luyện đặng khí tiên thiên rồi, thì sống chết tại nơi ta, chẳng còn do nơi Trời nữa.

Chương 12: TỰ (suy nghĩ)

*Chết phân dục niệm, sống "tư duy",
Đem Tánh về Tâm, Tâm tự tri,
Thanh-tĩnh vô-vi, Tâm tức Phật,
Ứng vô sở trụ gọi qui-y.
Qui y Phật-Tánh Đạo tham cầu,
Cõi tục màng chi kiếp sống lâu,
Nếu biết tư duy tâm lý nhiệm,
Tự tâm thanh-tĩnh đạt cơ mâu.
Mâu-vi Thiên-Đạo, Đạo do Tâm,
Trở lại nguồn đầu ngộ thậm-thâm,
Suy lý năng tư, tham tận lý,*

Mới tường Đạo cả chỗ thâm-trâm.

Cái tâm của người phải cho chết, mà bộ máy của cái tâm sống mới quý. Chết là chết về phần dục niệm, sống là sống về chỗ đạo lý.

Nghĩ tức là bộ máy sống của cái tâm. Không ý tà (Không ý tà - tư vô tà - là chủ chỉ của toàn bộ kinh Thi) là cương lĩnh (Cương lĩnh là giềng lưới, là bầu áo, chỉ phần căn bản) của nó, chín điều nghĩ (Sách Luận ngữ nói rằng: "Quân tử hữu cửu tư: thị tự minh, thính tư thông, sắc tư ôn, mạo tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghi tư vấn, phạt tư nạn, kiến đắc tư nghĩa". Nghĩa là: Người quân tử có chín điều nghĩ: Xem thì nghĩ đến minh bạch, nghe thì nghĩ đến thông suốt, sắc mặt thì nghĩ đến ôn hòa, tương mạo thì nghĩ đến dịu dàng, lời nói thì nghĩ đến trung tín, phục sự thì nghĩ đến kính thành, nghi ngờ thì nghĩ đến học hỏi, giận thì nghĩ đến nạn khổ, thấy lợi thì nghĩ đến điều nghĩa) là điều mục (Điều mục là mắt lưới - lỗ lưới, chỉ phần phụ thuộc mà quan trọng) của nó. Nghĩ về đạo lý là chính, nghĩ về vật dục là tà. Đạo là món ta sẵn có, nghĩ về cái Đạo ta sẵn có thì cái nghĩ ấy tức là Đạo. Nghĩ đến chỗ hay, tâm bỗng phát hiểu, khoan khoái vui mừng, gọi là tự đắc. Nếu nghĩ được sâu xa, mà tâm khí hao kiệt, thì chỉ có phần sở kiến (thấy biết), chứ chẳng phải là tự đắc.

Chẳng nghĩ mà được là bậc thánh nhân. Nghĩ mà được là bậc hiền nhân. Chẳng nghĩ, chẳng gắng, gọi là thành, tức là cái lương tri chẳng học, chẳng lo của đứa con đờ. Chọn điều lành là chọn điều chẳng nghĩ, chẳng gắng này đây mà thôi.

Tâm con người có bảy lỗ, hay bị máu như sợi

chỉ tư, làm cho bíт nghẹt. Như muốn khai thông mà chẳng học và nghĩ thì không được. Nghĩ có cái nghĩa xoi phá, tìm tòi. Học có cái công cầu lấy ấn chứng (là dấu tích của người trước để lại làm bằng). Nghĩ và học gồm dùng cả hai (Tử viết: "Học nhi bất tư tắc vông, tư nhi bất học tắc đãi". Nghĩa là: Đức Khổng tử nói rằng: Chỉ học mà chẳng chịu suy nghĩ thì không biết ý nghĩa sách vở là thế nào, thành ra trong bụng mờ ám. Chỉ nghĩ mà không chịu học, thì không thông sự lý cổ kim mà làm chuẩn đích, thành ra trong bụng nghi, mà không được yên. Nên học phải nghĩ, mà nghĩ cũng phải học mới có ích) thì câu đạo nào lại chẳng được. Kẻ chưa thông lý tí như người đứng day mặt vào vách tường. Nghĩ cũng như phá lỗ trong vách tường. Phá suốt đặng một lỗ, thì thấy sáng đặng một chút. Lỗ này trước nhỏ sau lớn, lâu rồi phá luôn cả tấm vách tường, thì trống rỗng, thông suốt, không còn gì là chướng ngại nữa.

Tuy biết nghĩ cho tột thì có thể làm thánh, nhưng Trình tử có nói rằng: "Tư lự bất chí vu khổ". Nghĩa là: Nghĩ lo không cho đến khổ quá. Chẳng cầu thả, chẳng khổ quá, mới gọi là thiện tư (biết cách nghĩ).

Người quân tử nghĩ mà chẳng ra khỏi ngôi mình (địa vị, phận sự của mình), gọi là tư (nghĩ). Nếu nghĩ ra khỏi ngôi mình (vấn vợ), thì gọi là niệm (tưởng). Tư là cửa nhập Đạo, niệm là nguồn chướng Đạo.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Nho nói tư, Thích nói tham, Đạo nói ngộ, đều là danh từ để chỉ cách dụng tâm cầu Đạo.

Tuổi trẻ phải dụng tâm, tuổi lớn phải dưỡng tâm, tuổi già phải tức tâm (Tức tâm là để cho cái tâm yên nghỉ), thì mới trúng theo phép công phu.

Nho nói hóa, Thích nói liễu, Đạo nói đắc, tới đây thì công phu không còn dùng vào đâu nữa".

Chương 13: NIỆM (tưởng)

*Hay nhơn, hay ngā, niệm liền sanh,
Chấn Pháp, chấp tu, niệm niệm hành,
Dứt niệm, chơn tâm vô quai ngại,
Năng hành, năng đạt chỗ vô danh.
Vô danh vô niệm, trí lương tri,
Niệm Phật tham câu có ích chi?
Nếu bỏ chơn tâm, cầu Phật chứng,
Tu hoài tu hủy có ra gì.
Ra gì một kiếp chỉ tu mê,
Quên lối ra đi, mất lối về,
Vô niệm, vô sanh, tâm tự-tại,
Trở về gốc Đạo khòe trăm bề.*

Vì không sáng suốt mà niệm vụt dấy lên, đó gọi là vô minh. Bởi vô minh dấy lên, nên gọi tâm là niệm chớ tâm thật chẳng động. Xét tâm tới chỗ này, thì niệm tự nó dứt. Dứt niệm chẳng khó, hay trở lại lúc một niệm chưa dấy lên về trước, thì niệm tự nó không còn tiếp tục nữa.

Trước khi niệm chưa dấy, thì toàn là vô cực. Như nay muốn rõ lúc một niệm chưa dấy lên, thì phải thường xét coi niệm do đâu mà sinh. Nhân cảnh hiện tại mà sinh ra cảnh quá khứ, nhân cảnh quá khứ mà

sinh ra cảnh vị lai. Hiện tại nếu vô tâm, quá khứ tự nhiên dứt.

Ý hay nhân ngã thật là niệm, lòng còn pháp ái (Ái nghĩa là yêu. Ái có hai loại:

1- Dục ái là cái ái của kẻ phàm phu;

2- Pháp ái là cái ái lạc thiện pháp của từ bậc Bồ tát sắp lên. Pháp ái lại chia ra hai loại nữa, là:

a) Bậc tiểu cơ ái Niết bàn cùng là Bồ tát chưa đoạn pháp mà chấp ái thiện, cái pháp ái này phải đoạn nó;

b) Lòng đại bi của Như Lai cũng gọi là pháp ái, đây mới là cái chân ái vô thượng, cũng là niệm. Phải tận trừ nó, rồi sau mới có thể dụng tâm dứt vọng niệm, vọng niệm trở lại sáng suốt nhiều. Hãy coi thử nó niệm cái chi, thì niệm này tự nó tiêu mất. Tu chân phải dứt niệm, dứt niệm phải xét tâm, xét tâm tâm chẳng có, tâm không cảnh tự không. Tâm cảnh đã không rồi, thì cũng không còn gì là dứt (chỉ), là xét (quán) nữa.

Khuê Phong nói rằng: "Mật mật giác sát, cần cần quán chiếu. Tập khí nhược khởi, đương xử tức hưu. Thiết mặc tùy chi, miễn lạc phàm phu. Túng tình diệt mặc diệt chi, miễn đọa Nhị thừa". Nghĩa là: Cần mật tĩnh mà xét, cần siêng xem thấy rõ. Tập khí (Tập khí là hết thấy các thói quen bị xã hội cảm hóa mà thâm nhiễm) có dấy lên, xem trúng chỗ liền dứt. Chớ có tùy theo nó, khởi sa vào nẻo phàm phu. Dục tình cũng đừng diệt, khởi đọa vô hai thừa (Hai thừa là hai bậc Thánh văn, Duyên giác - trung thừa và hạ thừa). Theo Viên tông Đốn giáo (Viên tông là giáo lý hoàn toàn chẳng thiếu sót, bao trùm hết các pháp; Đốn giáo

là giáo lý dạy người một niệm chẳng sinh tức thị Phật, thành công rất chóng, chứ chẳng phải tu tập lần lần), chỗ cứu cánh là vậy, chỉ tùy thuận (tương ứng) với bản tính, thì giác tri tự nhiên không gián đoạn (lý và trí hợp như có một).

Kinh Tham đồng khế nói rằng:

*Nhĩ, mục, khẩu tam bảo,
Bế tắc vật phát dương,
Ủy chí quy hư vô,
Vô niệm dĩ vi thường.*

Nghĩa là:

*Tai, mắt, miệng ba báu,
Bế ngăn chớ phát ngoài,
Chỉ đem tại cảnh trống,
Vô niệm giữ thường hoài.*

Thân tâm chẳng định là bởi tai, mắt, miệng, ba món độc nó khuấy rối. Lỗ tai nghe tiếng, con mắt thấy màu, miệng nói ra lời, thân tùy tai, mắt, miệng mà dời dạt, tâm do tiếng, màu, lời nói mà động lay. Tâm động thân dời, chân tính không sáng suốt. Tuy hoàn đản đặng rồi, mà pháp thân cũng khó thoát, sao khỏi dương cực âm sinh, tuy đặng mà rốt cuộc rồi lại mất. Nếu bế ngăn ba độc đừng cho nổi lên, phát ra ngoài, thì tam độc có thể đổi lại làm tam bảo, chẳng những không khuấy rối, mà lại giúp ích cho mình nữa. Bế ngăn đây chẳng phải nhắm mắt, nhíp miệng, nhét lỗ tai. Ấy là phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, nghĩa là: điều phi lễ đừng ngó, điều phi lễ đừng nghe, điều phi lễ đừng nói. Chỉ ngó, nghe, nói rờn những điều gì thuộc lễ, tức là bế ngăn con mắt, lỗ tai, cái miệng phi lễ đó. Nói cho cùng cực, thấy

màu không biết màu thì mắt bé, nghe tiếng chẳng phải tiếng thì lỗ tai bé, chẳng nhằm hỏi không nói thì miệng bé. Nếu biết ngăn đặng mắt, tai, miệng, như vậy thì nội niệm chẳng sinh được, ngoại vật chẳng nhập được, thân tâm tự nhiên chẳng động. "Chỉ đem" ấy là chẳng không mà "vô niệm" lại là không. Đan thư gọi rằng: "Chỉ diệt động tâm, bất diệt chiếu tâm" là nói vào đây). Tức tâm đặng không tâm, là chẳng diệt các tướng của tâm mà để ý phân biệt. Tức niệm mà không niệm (Chữ tức này khác với chữ tức trên kia. Tức trên kia là yên nghỉ, còn tức này là xấp gần, hợp một. Tức tâm đặng không tâm, nghĩa là: Chẳng lia tâm (chẳng ra ngoài cái tâm) nhưng đặng không tâm. Tức niệm mà không niệm, nghĩa là: Chẳng lia niệm mà lại không niệm. Ý nói có mà không, không mà có, chẳng phân biệt có không, không có cùng một gốc (luận về trung đạo), là bởi niệm không có tự tính (Tự tính hay là tự thể là cái thể tính nhất định), duyên khởi cũng là không (chỉ nói bóng dáng, huyền hóa).

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Dùng tâm ý dứt niệm, chưa ắt là dứt được. Dầu cho dứt được thì niệm tưởng bỏ ra, mà ý dứt còn giữ. Cái ý dứt này chẳng phải là niệm sao? Cũng như đui Trương Tâm mà cầm Lý Tứ vậy (Trương Tam, Lý Tứ là chỉ tên này hay là tên kia, hai người khác nhau mà cũng là người, như bên phương Tây nói Pierre hay Paul vậy, chứ không phải thật chỉ người có tên đó. Hai tên này ở trong bài thi của Vương An Thạch:

Trương Tam cầm khẩu trách,

Lý Tứ mạo thêm trường.

Nghĩa là: Cổ áo anh Trương Tam hẹp, vành

nón chú Lý Tứ rộng) Có phải là tọa vong (ngồi quên) chẳng ("Tọa vong" của Nho cũng như "tọa thiền" của Phật, đồng nghĩa chẳng khác. Nhan Hồi nói rằng: "Đọa chi thể, truat thông minh, ly hình khử trí, đồng ư đại thông, thử vi tọa vong." Nghĩa là: buông thân thể, bỏ thông minh, lìa hình đẹp trí, đồng với bậc đạt thông (Người thông biết hơn hết, tức là chỉ Thượng đế), đó gọi là ngồi quên - sách Trang tử)? Quên thì không có ta, ta kia còn không có, ai lại dấy niệm đây?

Chương 14: HÁO (ư)

*Háo danh, háo lợi, háo nhân tình,
Háo sắc, háo tài, háo tử sanh,
Chấp có muôn ngàn, tâm trôi buộc,
Buông trôi tất cả, khòe hồn linh.
Linh-Quang ngồi sáng chốn không trung,
Đại-Đạo quy nguyên chỗ tận cùng,
Muốn sự muốn ham đều giải sạch,
Trở về nguyên bản chốn hư không.
Hư-không vốn thật chỗ hườn sinh,
Trở lại nguyên lai tánh tự mình,
Mới biết muôn ngàn điều mền chuộng,
Phải chẳng huyền ảo tự tâm mình.*

Lòng người ai cũng có chỗ ưa riêng. Chỗ ưa là điều mà lòng mình chú tưởng vào đó hơn hết. Chẳng phải cố ý như vậy mà có vậy, lại không biết hơi cơ đâu mà ra vậy.

Do một niệm tưởng, có thể phân biệt phẩm người cao thấp. Nội một thời gian, có thể quyết định

đòi người nên hư. Vậy chẳng khá không cần thận.

Giả sử chỗ ưa của họ là: nhân, nghĩa, lễ, nhạc, thi thơ, chẳng hỏi mà biết họ là người hiền. Giả sử chỗ ưa của họ là: du đãng, cờ bạc, tửu sắc, chẳng hỏi mà biết họ là người bỏ. Giả sử chỗ ưa của họ là: vườn cây, vườn thú, câu cá, đốn củi, chẳng hỏi mà biết họ là dân thấp kém. Giả sử chỗ ưa của họ là: tranh đấu, kiện thưa, kiêu ngạo, đao binh, chẳng hỏi mà biết họ là người hung bạo.

Phàm kẻ nào ưa coi hát xướng, phải thất 5 điều:

1. Tiết thể (coi khinh thân thể),
2. Lao thần (làm nhọc thần hồn),
3. Thương tài (tốn hao tiền của),
4. Thất thời (luống mất ngày giờ),
5. Ngộ sự (hỏng hư công việc).

Tuy có việc cực kỳ tinh xảo, mà không dặng bèn dai, thì người quân tử không làm.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Đại khái, chỗ ưa của con người thiên lệch như thế đó, đều là do hạt giống đã gây từ đời vô thủy mà mang đến ngày nay. Nếu chưa triệt ngộ trước rồi, dầu muốn đổi lại, cũng là khó lắm."

Chương 15: THÂN

*Có thân có khổ lẽ tự nhiên,
Tá giả tu chơn học đạo huyền,
Mượn chiếc thuyền từ qua bể khổ,
Tu thân phải học phép tham thiên.*

*Thiên tâm ẩn hiện tại thân trung,
Có luyện, có tu mới tận cùng,
Lý nhiệm nơi thân hằng có sẵn,
Khai thông Huyền Khiếu đất tâm thông.
Thông ký nhiệm-màu quý bản thân,
Dem thân theo Đạo rạng tinh-thần,
Say mê dục lạc thân hư hoại,
Bỏ xác hồn linh vẫn đọa trần.*

Trong thân con người, ở phía trước có ba cung là: nê hoàn cung, giáng cung, hoàng đình cung, là chỗ thần khí đình trú (Nê hoàn cung, cũng gọi là Thượng đan điền, ở trong chính giữa cái đầu, phía trước là Mi giang, phía sau là ải Ngọc chẩm, phía hữu và phía tả là hai lỗ tai. Chớ lầm tưởng đó là huyết Bách hội, ở trên đỉnh đầu.

Cuốn "Như thị ngã văn" nói:

"Dưới cái tâm huyết có một khiếu, gọi là Giáng cung, là chỗ rồng cọp giao hội."

Từ Giáng cung xuống ngay 3 tắc 6 phân, gọi là Thổ phủ, là Huỳnh đình. Ấy là Trung đan điền, mở trống không một khiếu, vòng tròn 1 tắc 2 phân. Đó là chỗ chứa khí, là nơi dưỡng đan. Từ đó đi xuống sau rốn, có ước 3 tắc 6 phân. Cho nên nói: Trên trời 36, dưới đất 36. Từ tầng trời cao đi xuống tới đất thấp, là 8 muôn 4 ngàn dặm.

Nói về trong thân thể con người, từ tâm tới thận có 84 phân phân. Cộng lại: 36, 36, 12, có phải là 84 phân hay là 8 tắc 4 phân chăng?

Sau rốn trước thận, chỗ chính trung gọi là Yển nguyệt lô, lại cũng gọi là Khí hải. Thấp xuống 1 tắc 3 phân, gọi là Hoa trì (Quan nguyên). Đó là Hạ

đan điền, chỗ chứa tinh). Ở phía sau có ba quan, là vĩ lư quan, giáp tích quan, ngọc chẩm quan, là đường thần khí lưu thông (Ba quan này ở nơi xương sống). Xương sống của con người có 24 mắc.

Vĩ lư quan ở phía dưới, tại mắt thứ 22 (có chỗ ghi thứ 24) quan ở trên tận chót, cũng gọi là Phong trì, tại sau cái não.

Mạnh tử nói: "Nghîu, Thuấn tính chi dã, Thương, Vũ phản chi dã". Nghĩa là: vua Nghîu, vua Thuấn làm theo tính tự nhiên, vua Thương, vua Vũ phải đem tính trở lại (Vua Nghîu, vua Thuấn đặng thiên tính hoàn toàn, nên chẳng cần tu tập. Vua Thương, vua Vũ phải tu thân cho hợp với Đạo, đặng phục cái thiên tính lại). Lại nói: "Thang Vũ thân chi dã". Nghĩa là: Thang Vũ gắng sức mình mà làm. Hai nghĩa đều nói rằng: Thương Vũ chỉ có trở lại cầu nơi mình mà thôi. Vua Thương, vua Vũ hay trở lại cầu nơi mình, thì trong mình Thương, Vũ đều có vua Nghîu, vua Thuấn. Chúng ta hay trở lại cầu nơi mình, thì trong mình chúng ta đều có Nghîu, Thuấn. Xem lại trong thân ta, thì khí có ở trong đó. Xem lại trong khí ta, thì thần có ở trong đó.

Người quân tử đem thân theo Đạo, cho nên thân tu thì Đạo lập

Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: "Nhất môn thâm nhập, nhập nhất vô vọng, Bỉ lục tri căn, nhất thời thanh tịnh". Nghĩa là: Một cửa (Một cửa, đây có ý nói một căn trong sáu căn. Một căn đã phản nguyên, trở về Vô cực, thì đặng viên thông. Đồng một lượt, năm căn há cũng đều đặng giải thoát) tuốt vào sâu, vào một hết dục vọng. Còn lại mấy căn kia, đồng thời

đặng thanh tịnh.

Người chưa có thể đắc Đạo, đều là bị hình thể làm lụy. Muốn trừ cái lụy này, thì phải biết cái thân này là vật không bền, là cái xác rất khổ, là hình không chủ, là đấng đưng mủ máu đái phân, toàn cả thân mình trong ngoài đều không có một điểm gì là sạch tốt. Vậy chớ sao mà ta tự hỏi ta mà muốn ăn ngon, mặc tốt? Đến trước người hay khoe lanh lợi, chưng tuấn tú? Chỉ sử người cho ý loạn tâm mê? Gạt gẫm người thế chẳng ai không bị hại? Chết rồi sống, sống rồi chết, từ mấy muôn đời đến nay, chịu không biết bao phiền não, không biết chừng nào thoát khỏi vậy?

Ngày nay ta lập chí học Đạo, đem cái duyên do đầu đuôi của mà ra mà xét thấu hết cả, không còn bị mà mê hoặc nữa, không còn bị mà chỉ sử nữa, tập lần nhân không huệ ("Nhân không huệ" là đã thấu rõ nguồn vô sinh, không còn tính nhân ngã), dùng liền xả thân pháp ("Xả thân pháp" là chẳng luyến ái giả thân, hay quên mình vì Đạo), buông thân thể, bỏ thông minh, giữ theo đó chẳng rời, thì mới mong kề gần với Đạo. Người phái Tiên gia tu thân thì phải xét lại trong cái thể của mình, thần tức khí ngưng (kết đọng lại), khí tức là thần chú (sang sót qua), tính mệnh song tu, Đạo với món khí cụ đưng cái Đạo nương nhau, hình thần đều đặng huyền diệu, cùng Đạo hợp một lẽ chân.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng Lão tử nói: "Ngoại kỳ thân nhi tồn". Nghĩa là: Gác thân ra ngoài thì thân còn (ý nói Thánh nhân chẳng vì giả thân mà tranh giành, kinh địch, khiến phải lụy thân) dĩ muội

tâm". Nghĩa là: Trăm kế để bổ dưỡng thân hình, tức là trăm kế làm mê muội tâm hồn.

Lại nên coi luôn bài "Bì nang ca" ("Bì nang" đây là tử cái thân người như xú bì nang, nghĩa là như cái túi da đựng đồ thú, thì còn thương mển nỗi gì), thì tự nhiên xả thân được vẹn toàn".

Chương 16: MẠCH

*Trăm mạch lưu thông cây Khí Thần,
Lửa hòa với gió hiệp đồng cân,
Pháp luân thường chuyển thông Nhâm Đốc,
Muôn quyền thiên kinh há phải cần.
Cân định Khí Thần dính điểm son,
Chuyên Tinh điển lược kết thành hòn,
Khai thông bản thể từ ma chướng,
Phá Khiếu Huyền-Quan khai Nhứt Môn.
Môn sinh tu luyện khá tinh tường,
Nhâm Đốc tương thông tánh hiển dương,
Tứ-Đại phải chảng là cát bụi,
Trong thân mà có nẻo Thiên-Đường.*

Trong thân người có mạch, kể ra mười hai bộ chính kinh (Mười hai bộ chính kinh: Thái dương kinh, Dương minh kinh, Thiếu dương kinh, Thái âm kinh, Khuyết âm kinh, Thiếu âm kinh, sáu kinh thuộc về tay (thủ), sáu kinh thuộc về chân (túc), cộng lại là 12 bộ) và tám bộ kỳ kinh (Tám bộ kỳ kinh là: Nhâm, Đốc, Xung, Đới, Dương Duy, Âm Duy, Dương Kiều, Âm Kiều. Xin coi bản đồ kỳ mạch, có vẽ các huyết hữu hình theo y học Tàu). Nhưng chỉ có hai mạch

Nhâm Đốc quan hệ nhất đến việc sinh tử của người.

Với kẻ phạm phu thì mạch Nhâm ở nơi bụng bắt dưới mà đi lên trên, còn mạch Đốc ở sau lưng bắt trên mà đi xuống dưới, trước sau hai mạch gián cách với nhau, cho nên hóa cơ (máy sinh hóa) mất căn bản. Bởi có nên mạng sống tùy theo khí bẩm yếu mạnh mà ra vẫn dài.

Tiên gia biết được mạch Nhâm là chỗ tổng hội các phần âm, còn mạch Đốc là nơi thống nhiếp các phần dương. Hai mạch nếu thông, thì trăm mạch đều thông. Cho nên Tiên gia thoái âm phù, tiến dương hỏa, làm phép vận chuyển hà xa (Hà xa là bánh xe quay nước để chở dược vật - thuốc của Tiên gia). Vận chuyển hà xa cho thông hai mạch, lên thì gọi tiến, xuống thì gọi thoái). Theo phép này thì phải ngưng thần nhập Khí huyết, ấy gọi là quy căn, thần khí giữ nhau, kháng khí không rời. Chờ đến khi tịnh cực (tịnh đến cực điểm) rồi thì phát động, ấy là thần trở lại thừa khí mà thượng thăng nơi Nê hoàn cung. Chùng đó đường hà xa mới thông. Phải biết đường hà xa, tức là hai mạch Nhâm Đốc của thân ta đó.

Hồi khí mới phát sinh, nó uất chưng (Uất chưng, nghĩa là nước nhờ có lửa nấu chưng nên sinh ra khí, càng nhiều càng mạnh, bông bột như trong nồi nước sôi đầy nắp kín - chaudière) nơi khoảng giữa hai cái thận, tràn đầy lên trên ngũ du (Ngũ du là năm thứ huyết ăn vô năm tạng). Ấy là kinh thủy loạn hành, chẳng còn do nơi mương rãnh nữa. Ta mau đem thần chuyển nó về Vĩ lự, rồi lên tới Giáp tích. Giáp tích khó qua thì lười trụ ổ gà, khiến nó lên Phong phủ mà thăng tuốt tới Nê hoàn. Thần với khí giao hội nơi chỗ

đó, thì mới nghe trong mình thơ thới điều hòa. Một chút thì nó biến ra cam lộ. Mau lấy lưới dẫn nó từ trên Thước kiêu mà đi xuống khai thông Hội yết, qua Trùng lâu, đạo Giáng cung, trở về chỗ chứa nó (Khí huyết) thì nghỉ. Gọi rười giáp rông như vậy lâu rồi thuần thực, khí mãn ba điền (Ba điền là ba đan điền, chỗ dưỡng đan), dưới trên giao thái. Đây là chỗ gọi:

*Thường sử khí thông, quan tiết thấu,
Tự nhiên tinh mãn, Cốc thần tồn.*

Nghĩa là:

*Vận khí thông quan, xoi cốt tiết,
Tự nhiên tinh đủ, dưỡng nguyên thần.*

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Từ chỗ: theo phép này... sắp xuống mấy câu, muôn quyển đan kinh chẳng nói ra ngoài vòng đó. Nói ra ngoài vòng đó là bàng môn. Chỗ Lão tử gọi rằng: "Trí hư cực, thủ tĩnh đốc, vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục". Nghĩa là: Phẳng chỗ hư (trống) cho cùng cực, giữ lòng tịnh (lặng) cho hết sức, thì muôn vật đều phát hiện (hư trung sinh thật, vô trung sinh hữu), ta nhân đó mà thấy lại dạng bản lai hư tịnh là cái tâm của ta hồi ban sơ, tức là nói vô đây. (Theo kinh Dịch, âm cực thì nhất dương trở lại sinh nơi dưới, gọi là quẻ Phục. Phục là cái Đạo sinh sinh vô cùng chẳng dứt). Phải biết quý nó! Ráng giữ lấy nó! Nhất là nguyện kẻ thượng đẳng căn khí hết lòng làm theo đó.

Chương 17: TRẦN THẾ

Động lay biến đổi gọi trần dương,

*Ở thế làm nên thế khác thường,
Chẳng động, chẳng lay, tâm tịnh lạc,
Muôn duyên trần thế đáng gì thương?
Thương thân cát bụi có rồi không,
Biết phép tu thân, đạo mẫn nông,
Chơn lý tinh tường sang bến giác,
Linh-quang tự-tại mới thân-thông.
Thông lý đạo mầu giữ vẹn thân,
Làm nên quân tử ở trong trần,
Trường thi, tiến hóa cần tu học,
Siêu thoát cõi trần nhuận đức ân.*

Động lay gọi là trần, biến đổi gọi là thế.

Thế có trị, có loạn: thời trị quý tài năng thì trở mặt, thời loạn quý đức hạnh thì ẩn mình (1). Người có trẻ, có già: trẻ tuổi thì quý học hành mà cần siêng, người già lớn thì quý tu dưỡng mà an tĩnh. Đời Đường Ngu (2) có Hứa Do, mới biết ai buồn, ai vui. Đời Thúc Quý (3) không có Nghiêm Quang (tự Tử Lăng), sao rõ ai thanh, ai trọc?

Chúng ta trải qua các đời cũng như lợi ngang con sông. Phàm gặp chỗ sâu hụt chơn đắm đuối thì phải biết mà tránh.

Lương kí (là ngựa hay đi một ngày một ngàn dặm) rất lạ, thường mang cái khổ phong trần. Huyền qui (rùa đen) tuy linh, khó trốn sự nguy hiểm.

Xem con chim đang bay kia, thừa gió mà lên cao, lựa cây mà ngừng đậu, thì sương thích biết bao. Chỉ vì ham ăn mà bị bắt nhốt vào lồng rồi, muốn thoát mà thoát sao được? Nay ta thấy tước lộc, xét coi có phải cái lồng nhốt người đó chăng?

Đời Xuân Thu mà không dùng Khổng tử, ấy

là cái bất hạnh của đời Xuân Thu, mà là cái đại hạnh của hậu thế. Huyền Đức biết dùng Khổng Minh, ấy là cái đại hạnh của Huyền Đức, mà là cái bất hạnh của Khổng Minh. Việc làm của người xưa có tốt, có xấu, với việc làm của người nay có phải, có quấy, cùng là việc làm của mình có đặng, có mất, các việc ấy thuộc về dĩ vãng, đều là chuyện vô ý vị ở trần thế, có nói tới làm gì, nhớ tới ích chi? Chẳng nói, chẳng nhớ thì tâm tịnh vậy. Tâm tịnh tức là Đạo.

Các chỗ tiêu sai ngày nay đều do chỗ chẳng toại ý năm trước mà ra. Chỗ chẳng toại ý ngày nay, biết đâu là chẳng phải chỗ tiêu sai một ngày kia vậy?

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Tâm tịnh tức là Đạo, đủ thấy Đạo chẳng xa người. Chỗ mà người thế không đắc ý, chính là lúc bậc cao nhân đặng tiêu sai lâu dài."

Ghi Chú:

(1) Đức Khổng Tử có nói: "Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư; thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn". Nghĩa là: "Nước nguy thì đừng vào, nước loạn thì đừng ở, lúc thiên hạ có đạo thì ra mặt, lúc thiên hạ vô đạo thì ẩn mình". Ý nói: đời trị thì trở mặt đem tài nghệ của mình ra mà giúp nước, đời loạn thì ẩn mình mà trao đổi cái đức hạnh của mình.

(2) Đường Ngu là đời vua Nghiêu, vua Thuấn, đời thái bình.

(3) Đời Thúc Quý là chỉ đời sau rốt, suy loạn, tức là hạ Lương, hạ Đường, hạ Tấn, hạ Hán, hạ Châu, gọi là ngũ đại. Nghiêm Quang ở đời Đông Hán.

Chương 18: DANH LỢI

*Danh lợi vương mang một kiếp trần,
Rốt cùng chỉ thấy khổ cho thân,
Mấy ai học Đạo quên danh lợi,
Chắc chắn ngôi Tiên chẳng mất phần.
Phần ai tu luyện hãy coi chừng,
Danh lợi chớ mang khổ tâm thân,
Danh Đạo, danh Đời đều trói buộc,
Lợi Đời, lợi Đạo, hại tinh thần.
Tinh thần sáng suốt chẳng si mê,
Giải thoát muôn duyên, nhẹ bước về,
Vô kỹ, vô công vô sắc tướng,
Vương mang trọng trọc khó hồi quê.*

Học Đạo chưa được là bởi vọng niệm không dứt, nhiều khi chướng ngại. Vọng niệm không dứt là bởi danh lợi khó quên, có thể khiến triền (buộc ràng). Nếu muốn dứt vọng niệm thì trước phải xét thấu danh lợi, rồi sau mới dứt được.

Danh là phần tạo vật rất kỳ, lợi là món nhân tình hay tranh. Cho nên nói: "Danh lợi giết người còn hơn gươm giáo". Sao vậy? Gươm giáo giết người, người còn biết mà tránh. Danh lợi giết người, chết cũng không chừa.

Người xưa đặng cái Đạo rồi hay làm như người si cuồng, là vì không muốn cho người ta biết mình. Người đời nay chỉ học biết chút đỉnh mà muốn biểu bộc ở thế, thiệt là hủ lậu!

Người quân tử học Đạo đem hết những tâm háo thắng khoe tài mà quên phứt hết, âm thầm tu hành. Đạo tuy minh, đức tuy lập mà làm như chưa

làm gì được vậy. Cho nên nói: "Người quân tử có chỗ ta chẳng theo kịp", có phải chỉ cái chỗ người ta không thấy được đó chăng?

Lợi là một vật không đức mà khiến người ta gàn gỏi, không lửa mà khiến người ta sốt sắng (hăng hái), không quyền mà khiến người ta chẳng từ lao khổ, không tình mà khiến người ta một khắc chẳng quên. Lợi khiến cho kẻ học Đạo thấy nó mà bại đức, khiến cho người trị thế (làm quan trị dân) thấy nó mà bỏ luật. Từ xưa đến nay lòng người và phép nước, vì mối lợi đó mà phải bị lụy hại. Ở trong thiên hạ có cái Đại hại ẩn trong cái đại lợi, mà người ta chẳng biết. Chẳng phải thiết chẳng biết, mà vì lợi làm cho tối tăm đi.

Của tang phạm phép nước, cũng như món ăn phạm tạng phủ sinh bệnh vậy. Lúc muốn lấy trộm, sợ lấy khôngặng nhiều; mà đến chừng bại lộ ra, lại trông cho có ít. Chỉ có một vật mà sau trước có chỗ khác nhau như thế đó, là bởi lợi với hại nối gót theo nhau.

Giả như lúc thấy lợi mà liền tưởng tới hại thì những niệm cầu thả tất nhiên phải tuyệt. Quân tử chứa đức, đức hay nhuận thân, lại cũng hay vinh thân. Cho nên bậc đại đức không cầu lộc, vị, danh, thọ, mà lộc, vị, danh, thọ tự nhiên đến. Tiểu nhân chứa của, của hay nuôi thân, lại cũng hay hại thân. Cho nên kẻ có của muốn bỏ lo lắng sợ hãi mà lo lắng sợ hãi bỏ không kham.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Danh là phần tạo vật rất kỳ nói vậy rất hay. Từ chỗ: Lợi là một vật cho đến ít câu sau, lại còn nói thấu đến cốt tủy. Kẻ

thương gia mua bán nghe qua còn phải gật đầu, hà huống là kẻ sĩ, đại phu, cùng là người học Đạo."

Chương 19: SẮC

*Kim cổ truyền sắc hại nhân,
Tạ mình đắm sắc chẳng toàn thân,
Muốn ra khỏi chốn mê tròn trận,
Phải học phép tiên luyện Khí Thần.
Thần Khí Tinh là ba báu linh,
Bảo toàn phép báu độ thân mình,
Trước tinh biết chuyển thành linh được,
Nhớ Khí thông lên chốn thượng đình.
Thượng đình có cửa mở lên trời,
Nghịch chuyển phải nhờ ba tác hơi,
Giải trước lâu ngày tinh hóa khí,
Tinh đầy khí đủ thoát tình đời.*

Trời đất là vợ chồng lớn hóa sanh muôn vật. Vợ chồng là trời đất nhỏ sản sinh gái trai. Đại khái Đạo người thông với Đạo trời. Thuận thì đưa ra có thể sinh con cháu, nghịch thì dẫn vào có thể thành tiên thánh.

Một vị tiên hồi xưa có nói rằng: "Tử yếu bất lão, hoàn tinh bổ não." Nghĩa là: "Người muốn chẳng già, thì đem tinh về bổ óc. Óc là cái biển chứa các thứ tủy. Cái tinh dâm dật do nơi các thứ tủy kia mà hóa ra. Những người háo sắc hay bị nhức đầu, ấy là óc trống rỗng rồi đó!"

Ôi dầu khô đèn tắt, tủy khô người chết. Quán Sở, lầu Tần chẳng phải chỗ vui, ấy là lưới rập hãm bắt

con người. Ca kỹ, vũ nữ chẳng phải là người vui, ấy là quỉ mị phá tan nhà cửa.

Người đều sợ quỉ, duy không sợ thứ quỉ đội lớp ở trong nhà, nó câu thần hồn con người. Người đều sợ cọp, duy không sợ thứ cọp ngủ chung với mình trên giường, nó ăn cốt tủy người. Người đều sợ rắn, duy không sợ thứ rắn bao quấn người trong mền, nó hút khí huyết con người. Người đều sợ trộm cướp, duy không sợ thứ trộm cướp đoạt khí dương ban đêm, nó hại tính mạng con người. Sắc nó hại người lớn lắm thay! Chẳng phải không ai biết rắn mình, nhưng rắn mình rồi lại phạm nữa.

Hay là cho sắc tốt đẹp chẳng? Sao chẳng nghĩ trong lỗ tai có cứt ráy, trong con mắt có ghèn, trong lỗ mũi có nước dãi, trong miệng có nước miếng, trong bụng có phần đái, trong âm có máu mủ, dơ dáy hôi tanh, chỗ nào cũng đều không sạch cả. Lại thêm ngấm ngầm xảo mị, giả bộ thương yêu mà thật là lang độc.

Kẻ ngu không rõ, say đắm sắc dục, chỉ ham hoan lạc một hồi, mà chẳng kể hình dung khô héo, bại đức tổn thân, làm hại rất lớn! Phải nên xa lánh nó như xa lánh đạo tặc vậy. Đạo tặc cướp lấy hết tiền bạc của người, thì người phải nghèo. Nữ sắc cướp lấy hết tinh ba của người, thì người phải chết.

Bạch Tẩn lão nhân nói rằng Lữ Động Tân có đề bài thơ như vậy:

*Nhị bát giai nhơn thể tợ tô,
Yêu huyền lợi kiếm trảm ngu phu,
Tuy nhiên bất kiến nhơn đâu lạc,
Âm lý giao quân cốt tủy khô.*

Nghĩa là:

*Hai tám gái tư dạng mỹ miều,
Lưng đeo gươm bén chém người yêu,
Tuy là chẳng thấy đâu người rụng,
Mòn mõi hại chàng cốt tủy tiêu.*

Ôi! Người bậc trung niên trở lên còn không tin chắc lời này, hà huống là kẻ thiếu niên không biết gì!

Chương 20: SỰ (việc)

*Sanh sự, sự sanh ấy lẽ thường,
Không cầu, sự đến, chẳng tư lương,
Lương tri biến sự, toan hành sự,
Hành sự giúp đời thoát họa ương.
Họa ương vốn bởi tự thân mình,
Chất chứa muôn điều, tánh bất minh,
Ngộ sự không thông điều lý sự,
Tánh bung ra cảnh lại sanh tình.
Tình hướng người tu có chữ "Không",
Buồn vui hận tui dẹp theo lòng,
Gìn câu Bác ái quên hơn thiệt,
Lập hạnh từ-bi giữ đại-đồng.*

Việc có điều chẳng thể đem ra thi hành cho thân mình được, tức là chẳng thể để mằm móng ở trong lòng. Có điều chẳng thể đem ra mà nói với người ta được, tức là chẳng thể đem ra bảm cáo cho Trời biết.

Đem bốn cái "chẳng" trên đây, giờ giờ thường kiểm điểm thì sẽ gần cái đạo.

Việc ở trong thiên hạ, khó mà gặp cơ hội. Việc nào liệu làm được thì chẳng nên thối thác, thối thác thì không công đức chi. Việc nào liệu làm không được thì chẳng khá cưỡng cầu, cưỡng cầu thì sẽ thất bại.

Việc nó đến với mình không phải không có lý. Người quân tử nghĩ về phải trái, kẻ tiểu nhân luận về lợi hại.

Con người đang lúc vô sự, thì tâm thường phải ở tại "Xang tử lý" (chỗ trống không), chẳng khá vọng tưởng chỗ mờ ám. Khi có việc thì tâm phải chuyên chú về đường chánh lý, chẳng khá cưỡng chấp ý kiến của mình.

Trong mình ít việc, tự nhiên ít khổ. Trong miệng ít nói, tự nhiên ít họa. Trong bụng ít ăn, tự nhiên ít bệnh. Trong lòng ít dục, tự nhiên ít lo.

Trong đời, sự khó làm đệ nhất là qua biển và ra trận. Người dường như không sợ hãi hai cái khó này, vì có kẻ làm đến. Còn học Đạo là phản cầu (cầu ngược nơi mình) thì liền đặng, dễ dàng chứ không nguy hiểm như vượt qua biển; là thiên lý tự nhiên yên ổn chứ chẳng phải nguy hiểm như khi đi ra trận tại sao?

Bạch-Tẫn lão-nhân nói rằng: "Những việc của bậc cao minh, phần nhiều là từ ngoài đến, bậc này lại có thể ráp việc thì xong việc. Những việc của người ngu xuẩn, phần nhiều là ở trong sanh, hạng này hiểu lầm nên gặp việc thì gây việc. Bậc cao minh, khi có việc đến, ứng đối lấy lý công, tự nhiên như tên bào đĩnh (đầu bếp) xẻ thịt bò, ngũ quan không động, duy có thần hành (1). Người ngu xuẩn, khi có việc đến,

ứng đối lấy lòng tư (lòng riêng vì mình), tự nhiên như con cò với con ngao trì kéo nhau để cho ông câu hưởng lợi (2).

Ghi Chú:

(1) Sách Trang Tử, chương 3 luận về "dưỡng sanh chủ", có nói rằng: Tên đầu bếp của vua Văn Huệ xẻ thịt bò, con dao của nó lạn da, xẻ thịt, dứt mấy chỗ xương lắt léo coi ra vẻ tự nhiên lắm, mà có cách thức, có nhịp nhàng lắm.

Vua thấy xẻ thịt, bèn khen rằng: Hay lắm! Khanh giỏi đến bậc ấy sao?

Tên đầu bếp buông con dao mà tâu rằng: Thần mộ là mộ cái đạo, mà tiến lên đến giỏi như vậy.

Khi thần mới xẻ thịt bò, thì thấy cái gì cũng không ra ngoài con bò. Ba năm sau hết còn thấy nguyên con bò nữa. Bây giờ thì thần xẻ thịt bò, chỉ dùng tâm thần, chứ không lấy con mắt thường mà thấy, cho nên ngũ quan không động, duy có thần hành.

(2) Tô Đại đi xứ qua nước Triệu, đặng giảng hòa với vua Triệu, có kể một chuyện sau đây:

Hồi nầy, khi sang đây, thần đi ngang qua sông, có một con ngao lên bờ hóng nắng. Bỗng đâu có một con cò bay đến mổ thịt con ngao, ngao khẹp vò lại kẹp cái mỏ con cò.

Cò mới nói rằng: Nay mai trời không mưa thì ta sẽ đặng một con ngao chết.

Ngao mới ứng tiếng: May mai mày không rút mỏ ra được thì ta sẽ đặng một con cò chết.

Hai con chẳng buông nhau ra, ông câu đến gặp, bắt hết cả hai.

Chương 21: VẬT

*Muôn vật có đây vốn tự không,
 Tìm không tịnh định ở nơi lòng,
 Vô tâm đối cảnh không vương vấn,
 Mới tỏ nhiệm màu tánh sạch trong.
 Trong không mà có lý siêu màu,
 Muôn vật có đây vốn tự đâu?
 Biết rõ nguồn con "Không" với "Có",
 Trở về "Cội Phúc" kịp đi mau.
 Mau mau dứt bỏ cái tâm trần,
 Muôn khổ buộc ràng bởi cái thân,
 Trong vật suy ra nguồn lý Đạo,
 Tĩnh tu một kiếp khá ân-cần.*

Muôn vật "có" đây là ở trong cái "không" mà sanh ra. Thói tình của người phạm hay trước ý về bên có mà thôi. Tìm biết được chỗ thường không đó, chắc phải khó rồi, mà thường không cái có kia lại càng khó hơn nữa.

Con người muốn đứng trên cái địa vị thường không này thì phải lấy tánh làm chủ. Lấy tánh làm chủ thì chưa từng có vật ở trước mặt, mà thường coi như không vậy (1).

Bàn cư sĩ nói rằng:

*Đản tự vô tâm ư vạn vật,
 Hà phương vạn vật thường vi nhiều.*

Nghĩa là:

*Chỉ giữ vô tâm cùng mọi vật,
 Ngại gì vạn vật phủ vây mình.*

Người thì có người yêu quái, vật thì có vật

yêu quái, nó hay mê hoặc người. Mà thật nó mê hoặc người được sao? Ấy là tự mình mê nó chứ!

Sách Bá tự bi nói rằng:

*Chân thường tu ứng vật,
 Ứng vật bất khả mê.*

Nghĩa là:

*Theo đạo chân thường (2),
 Thì phải tiếp ứng với muôn vật,
 Nhưng tiếp ứng với muôn vật thì chẳng khả mê.*

Nếu chẳng tiếp ứng thì ra không tịch hư vô.

Vậy có vật lại thì tiếp ứng, vật đi thì chớ lưu cầm.

Có câu quyết rằng: "Trước ý đầu đầu thố, vô vi hựu lạc không." Nghĩa là: Để ý thì mỗi đoạn công phu đều sai lầm tuốt hết, còn không làm gì lại ra đoạn diệt hư vô.

Thấy vật tốt mà sanh lòng mến, thì cái tâm mình đã bị nó dẫn đi, tức là mê rồi. Xét thấu một vật thì không bị một vật đó mê hoặc. Xét thấu muôn vật thì không bị muôn vật đó mê hoặc.

Kinh Kim Cang nói rằng:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
 Như mộng, huyễn, bào, ảnh.
 Như lộ, diệc như điện,
 Ứng tác như thị quán.*

Nghĩa là:

*Hết thầy pháp nào thuộc hữu vi,
 Chiêm bao, bọt bóng, đối ra chi!
 Như tường điện chớp, sương đầu cỏ,
 Phải xét cho rành như thế đi.*

Các sự vật trong thiên hạ, tự có cái đạo lý

ninh tịnh (3) trong đó, không nên để một mảy tư ý xen vào. Cho nên nói: thiên hạ có tướng gì? lo gì? Bởi có mà quân tử rắp việc thì làm rồi việc chớ không sanh sự, tùy vật mà cấp cho vật (4) chớ không để ý đến vật.

Trình Y Xuyên nói rằng: "Con người đối với vật ở ngoài, món nào để cấp dưỡng cho thân mình thì muốn cho tốt cả, chỉ có cái thân và cái tâm mình lại không muốn cho tốt. Họ đặng mọi vật ở ngoài tốt cả, mà có dè dặt thân và tâm của mình đã trước không tốt kia mà!

Nay người có nhà cửa, quần áo, món ăn uống, khí dụng, hay hồ thẹn không bằng của người ta. Còn đến việc học vấn chẳng bằng người, lương tâm chẳng bằng người, lại không biết hồ thẹn, là tại sao? Thật không nghĩ suy gì hết!

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Mình quên mình thì vật tự nhiên mất dạng. Nói vậy thì đủ thấy vì có mình ở trong, nên mới có vật ở ngoài. Mình ở trong quên mình thì vật ở ngoài tự nhiên mất dạng. Kẻ thế bỏ chân tìm giả, mà còn cho rằng: Ta là người trí."

Ghi Chú:

(1) Kinh Phật nói: "Hữu tức phi hữu"; nghĩa là: tuy thấy có mà kỳ thật là không phải có. Ngoài cái tâm ra không có pháp nào cả, không có vật nào cả. Các pháp, các vật cũng như bóng trong gương, không có thật thể.

(2) Đã biết gốc của Đạo là ở cảnh vô sự, thì cái chân mới có thể thường (còn hoài) được. Cái chân được thường, hết thấy cái giả ở ngoài không phạm

đến nó được. Nhưng cái Đạo chân thường chẳng phải trốn đời lia tục, cũng chẳng phải chỉ ngồi tịnh dứt niệm. Phải bước lên chỗ thật địa, đem hết sức thân thể ra mà thi hành. Cái chi do nơi trong lò to nấu luyện ra mới là chân, mới là thường. Nếu biết chân mà chẳng biết hành chân, tuy giữ đặng vô sự, mà cũng như món vật bằng cây chạm, bằng đất đắp. Ngoài tuy vô sự, nhưng trong khó tránh khỏi hữu sự. Cho nên nói rằng: "Thiên cơ bốn tịnh, tịnh sanh yêu". Đây là đóng cửa bắt ăn cướp, cái giả không trừ được mà cái chân lại bị hại, thì làm sao cho chân thường được? Bởi vậy nên nói: "Chân thường tu ứng vật, ứng vật yếu bất mê". Nói chân thường tu ứng vật là lấy chân mà ứng với giả. Nói ứng vật yếu bất mê là mượn cái giả mà tu cái chân.

Số là cái chân ở trong cái giả, cái giả không ngoài cái chân. Không giả thì chẳng nên chân, không chân thì chẳng hóa giả. Chỉ tại thường ứng, thường tịnh, trong cái sát cơ mà trộm máy sanh cơ, trong chỗ sóng gió to mà vững lái yên chèo đó thôi. Nếu thật chẳng mê, tức là chân thường. Nếu biết chân thường, tuy cả ngày ứng vật, mà như không ứng vật, ở trong cảnh vô sự mà chẳng bị muôn vật đời đổi. Như vậy thì ứng vật có ngại gì không?

Ứng vật chẳng mê thì cái chân của Đạo tâm thường còn, ắt cái giả của nhân tâm chẳng sanh, cái giả của nhân tâm chẳng sanh ắt tánh khí chất chẳng phát. Tánh khí chất chẳng phát thì tánh trời phú sáng suốt rực rỡ như cái tháp bằng thủy tinh, không nhiễm, không dơ, không lay, không động, mà tự nhiên trụ vững vàng.

Tóm lại tánh mà trụ được toàn là nhờ cái công phu ứng vật mà chẳng mê. Mê ắt nhân tâm dụng sự, chân tánh muội thì giả tánh phát. Chẳng mê ắt Đạo tâm dụng sự, giả tánh mất thì chân tánh bày. Muốn hành cái Đạo trụ tánh, chẳng mê là tròn phận sự.

Trong bài Huỳnh hạc phú của đức Lữ Tổ có câu rằng: "Y thế pháp nhi tu xuất thế chi pháp." Nghĩa là: Do nơi pháp ở trong đời, mà tu cái pháp ra ngoài đời. Lời này rất có thâm ý!

(3) Sách Châu Tử ngữ lục nói rằng: "Hi, nô, ái, ố vị phát, thử tâm đình đình, đáng đáng, hiệp tại trung gian." Nghĩa là: Mừng, giận, thương, ghét chưa phát thì cái tâm này ninh tịnh, hiệp ở ngòai trung.

(4) Tùy vật mà cấp cho vật; nghĩa là: như con vật nào, ăn món chi, thì cấp cho nó món đó. Ý nói tùy người, tùy cảnh.

Chương 22: NGÃ (ta)

*Vô ngã là phương thoát y phàm,
Bốn điều hữu ngã tự nơi tâm,
Tâm không chấp trước ly trần cấu,
Đạo ở đâu xa phải nhọc tâm.
Tâm Đạo nơi ta, Tánh của ta.
Coi chừng bản ngã xúi làm ma,
Ma tình, ma dục, ma phiền não
Che mắt tâm linh, phá Đạo nhà.
Nhà ta, ta biết tự tâm ta,
Thanh tịnh vô vi tánh sáng lò,*

*Không chấp giả trần, không động loạn,
Mới tường tận lý Phật cùng Ma.*

Sách Luận Ngữ có ghi rằng Đức Khổng Tử tuyệt 4 điều (1), mà để hai chữ vô ngã (không có ta) nơi đằng sau rốt, là vì: ý, tất, cố đều là do hữu ngã (có ta) mà ra. Duy cái ta này mà không, thì ý, tất, cố cũng đều theo đó mà không luôn. Ta là cội rễ của các việc tư (việc riêng của từng người). Không có ta thì cội rễ đoạn, các việc tư hết sanh nữa. Nay người ta có lòng làm những việc gì, có việc nào mà trong đó không có vì ta hay không? Việc chẳng lợi cho mình, thì làm sơ lược lấy có, bởi vì đời thấy nó cho là ở ngoài vòng nên bỏ ra. Việc có lợi cho mình thì tính từ thăng, từ đấu, từ chút mảy mọn, đấu lụy mình, bỏ mạng cũng ráng đuổi theo. Cái ta nó làm hại lớn biết mấy! Duy không có cái ta thì việc tư tà hóa ra việc công chánh. Mình còn quên hình hài của mình nữa thì đâu có vật nào làm lụy cho được.

Hãy kiểm hết trong hình hài ta, có cái nào là ta đâu? Nếu không thấy cái ta thì đã trọn giải thoát.

Vĩnh gia tập nói rằng: Vô minh chẳng đoạn dứt, cố chấp quấy vì ta, theo ngã kiến mà cứ việc tham sân, sa tà kiến lại tranh quyền sở hữu, mới sanh ra các sự nhiễm trước. Biết thân là huyễn, không có tự tánh, sắc tức là không, thì ai là ta? Hết thấy các pháp chỉ mượn giả danh, không có một cái chi chân thật, Tứ đại, ngũ uẩn từng món không phải, mà hiệp lại cũng không phải ta. Tìm kiếm trong ngoài rốt cuộc chẳng có ta.

Hãy xem rõ chữ ngã, là hai chữ qua (2) hiệp lại thành. Một bên chữ qua xuôi, một bên chữ qua

ngược. Các mối họa lang độc, sát sanh đều do hữu ngã (có ta) mà dấy nên. Cho nên người ta có lòng cùng đạo thì trước phải vô ngã.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "cái mà người thế gọi là ngã, chẳng phải là chân ngã. Ấy là thức thần quấy hại mà thôi".

Người xưa nói rằng:

Vô lượng kiếp lai sanh tử bốn,

Si nhân hoán tác bốn lai nhơn.

Nghĩa là:

Vô ngàn kiếp số gây sanh tử

Mà kẻ ngu si tưởng bốn lai (tánh ban đầu).

Lại nói rằng:

"Khứ hậu lai tiên tác chủ nhân. Nghĩa là: lại trước đi sau làm chủ nhân (3). Nếu chẳng lấy bình bát vàng mà chụp nó lại, lấy kim cô bông mà đánh nó chết, thì thỉnh kinh, trừ ma đều là việc của Lục nhĩ di hầu cả" (4).

Ghi Chú:

(1) Sách Luận Ngữ nói rằng: "Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã." Nghĩa là: Đức Khổng Tử tuyệt không có 4 điều này: không lấy ý riêng, không kỳ tất (không chắc đặng vậy), không câu nệ, không có ta (thiên về mình).

(2) Chũ qua đây là món binh khí thời xưa, tựa như cây kích vậy.

(3) Luận về tám thức là: nhãn thức, nhĩ tức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạn na thức, a lại da thức, có sách nói rằng: Anh em có 8 gồm có: 1 người ngu, 1 người rất lạnh lợi, 5 người buôn bán trước cửa, 1 người làm chủ nhân.

Người lạnh lợi là ý thức, làm chủ ngũ tạng, là giống luân hồi. Vì nó mà những kẻ phạm phu trong tam giới không có một ai khỏi trầm nịch. Cho nên kinh Viên Giác nói rằng: Trước đoạn cái căn bản luân hồi từ đời vô thủy, là đoạn cái thức này.

Người ngu là Mạn na thức hay truyền tống thức.

Người chủ nhà là A lại da thức hay là hàm tàng thức. Thức này cũng gọi là tống báo chủ. Lúc đầu thai thì nó lại trước, lúc bỏ xác thì nó đi sau.

Như đầu thai làm người, thức a lại da bắt đầu chấp thọ tinh huyết làm thân, khiến cho tinh huyết lần lần chuyển biến hiện ra thân người, rồi lần lần các thức khác mới hiện ra. Cho nên nói thức này lại trước.

Đến khi chết, vì nghiệp lực đã dứt, các thức trước đều diệt, rồi thức a lại da mới rời bỏ cái căn thân, không chấp thọ nữa. Từ đó cái căn thân mới lần lần tan rã, cho nên nói thức này đi sau.

(4) Lục nhĩ di hầu là yêu hầu giả hình Tôn Ngộ Không. Tôn Ngộ Không thật và Tôn Ngộ Không giả, hai người đánh với nhau, dẫn tới núi Lạc già, mà Quan Âm bồ tát không nhìn ra thật giả. Hai người bèn kéo nhau lên thiên cung, xuống địa phủ, dẫn về thầy Tam Tạng, mà không ai biết đâu là thiệt, đâu là giả.

Khi ấy, hai Tôn Ngộ Không vừa đánh vừa bay đến núi Linh Sơn (là núi Linh Tụ mà tục thường gọi là Linh Thứu) để cầu Phật Thích Ca Như Lai xét ra người nào là tà, người nào là chánh. Phật nói rằng: trong thế giới có 5 loại tiên và 5 loại trùng. Nhưng

con yêu này không thuộc vào các loại ấy. Thiết là tứ hầu hỗn thế.

Bốn con khỉ này là:

- Linh minh thạch hầu, hiểu biết cơ trời,
- Xích khao mã hầu, thông hiểu cao xa,
- Thông tuy viên hầu, tài năng mạnh bạo.
- Lục nhĩ di hầu, biến hóa vô cùng.

Lục nhĩ di hầu nghe nói hoảng sợ, biến ra con ong mật bay lên. Phật lấy bình bát vàng quăng theo. Con ong vô trong bình bát. Các đệ tử lại đỡ bình bát, thấy con yêu hầu hiện nguyên hình con khỉ 6 tai rõ ràng. Tôn hành giả nổi giận nói rằng: "Xưa mi phò ta, nay lại làm phản", vừa nói vừa đập một cây kim cô bóng chết tươi.

Tôn Ngộ Không đây chỉ chân tâm. Tôn Ngộ Không giả là chỉ giả tâm, tức là 6 thức. Phật không cho 6 thức dấy lên nên đem bình bát là vật "viên không" mà chụp nó lại, rút xuống hiện nguyên hình, dùng chân tâm đánh chết giả tâm cho tuyệt nòi giống.

Ai biết được chân tâm thì thành Phật. Nhưng than ôi! kẻ nhìn lầm cái giả tâm rất nhiều mà không biết nó là gốc của sanh tử luân hồi. Trên kia nói "lại trước, đi sau làm chủ nhân" là chỉ cái giả tâm.

Chương 23: GIẢ

*Học Đạo am tường lẽ giả chơn,
Trong thân có lý đạo linh đôn,
Tâm chơn mượn giả, minh chơn-lý,
Kiến tánh minh tâm dứt tui hờn.*

*Tui hờn vì chẳng biết phân minh,
Nẻo giả đường chơn cũng tự mình,
Cái giả phò bày, chơn ẩn giấu,
Tìm cho thấu đạo tận nguồn sinh.
Sinh ra trần thế phải nương đời,
Ý thức đường tu học đến nơi,
Trong giả có chơn minh lý-Đạo
Thuyền chèo Bác-Nhã vượt dòng khơi.*

Kẻ học Đạo trước phải nhìn cho ra chân giả rồi mới có thể vào cửa Đạo (khởi học).

Thường xem kẻ hát làm tuồng, gặp những lúc thanh suy, đặng mất, tan hiệp, sầu vui, bộ tịch ở ngoại y nhiên theo cảnh, mà trong tâm vẫn bình tĩnh như thường. Làm sao mà họ chẳng động tâm như thế đó? Vì họ biết hình tượng là giả trang, tình cảnh là giả tác, biến đổi xây vờn, chớ không bớt hay thêm giả cho thân mình cả. Kẻ học xét đó thì có thể tỏ hiểu lý đạo.

Lại khi xem múa rối, thấy con rối tay múa, chân đạp như hình người. Kẻ vô tri xem hình hoạt động, mà không tưởng là có người ở đầu mỗi dây điều khiển cho hình cử động. Thành linh người điều khiển bỏ dây, thì hình dây tuy còn mà chẳng cử động được nữa. Vậy hình hài con người có phải là hình nộm đó chăng? Khí huyết có phải là sợi dây đó chăng? Chân thánh có phải là người hát đó chăng?

Lại thấy có người bày trò xảo thuật, đổi vật, tráo hình để lòa mắt khán giả. Người xem thấy rồi, mắt chóa, tâm mê, khen là kỳ diệu.

Ở thế gian, hết thầy các phép hữu vi, người lấy đó gạt ta, ta lấy đó gạt người, đảo đảo, diên diên, cùng với các trò chơi kia có khác gì nhau chăng? Thấy

nó mà mắt chẳng chóa, tâm chẳng mê tức là gần đạo rồi.

Lại thấy kẻ chớp bóng, đốt đèn đánh trống, thiên hạ tỵ lại xem hát. Tâm và mắt họ đều theo bóng, bị nó chuyển dời, bỏ không cái xác của mình lại đó, mà chẳng biết xem nó. Đến khi dầu khô, đèn tắt, các thứ huyền cảnh đều hoàn lại không. Kẻ trí nhờ thấy đó mà hiểu được cái Đạo: đương lúc không mà sanh có, nhưng có đó cũng không phải có, đến khi có hoàn lại không, nhưng không đó cũng chẳng phải không.

Tại có sao vậy? Các duyên hội hiệp thì có, mà cái có này không có tự tánh, cho nên nói chẳng phải có để phá cái thường kiến (1). Tánh trống rỗng là không, không thể chỉ rõ chân thể, cho nên nói chẳng phải không, để phá cái đoạn kiến (2). Việc nhỏ như ngày đêm, sống chết, việc lớn như ngưng, hội, vận, thể đều có thể lấy loại mà suy ra thì rõ.

Kẻ học đạo phải biết có một cái tánh là chân, muôn duyên đều giả, hết thầy các vật dưỡng sanh hàng ngày đều là trần cấu (bụi đất) ở trong cái giả. Sao lại cùng bọn phàm phu tranh nhiều ít, sánh tốt xấu trong chỗ trần cấu vậy kìa!

Bạch Tẩn lão nhân nói: "Kẻ hát bội biết hát là sự giả, người học Đạo nhìn thế là điều chân. Lẽ nào người học đạo lại kém thua kẻ hát bội kia sao?" Không tỏ hiểu đó thôi.

Nói chẳng phải có để phá thường kiến, nói chẳng phải không để phá đoạn kiến. Hai câu này lại thêm tinh vi. Người hay xét thấu rồi, tự nhiên chẳng trước tướng qua bên có hay bên không

Ghi Chú:

(1) Thường kiến là chấp cái sở kiến thân và tâm còn mãi, thuộc về hữu kiến (thấy có).

(2) Đoạn kiến là chấp cái sở kiến thân và tâm mất luôn, thuộc về vô kiến (thấy không).

Pháp Hoa kinh, phẩm Phương Tiện, nói rằng: nhập tà kiến, trừ lâm, nhược hữu, nhược vô đẳng. Nghĩa là: vào rừng rậm tà kiến rồi, thì thấy hoặc có, hoặc không Cho nên thấy có và thấy không đều là tà kiến cả.

Chương 24: MA

*Ma, Phật, cũng trong nội tánh mình,
Hườn hư tịnh định thấy tâm linh,
Tâm sanh chủng chủng sanh ma chướng,
Tâm diệt từ nhiên sạch thất tình.
Tình hướng người tu biết Phật, Ma,
Tự trong tánh ý vậy thôi mà,
Bỏ tâm theo cảnh tìm ông Phật,
Chẳng gặp Phật đâu, chỉ thấy tà.
Tà chánh phân minh rõ đạo màu,
Ngưng thân tự khí khó chi đâu?
Minh tâm kiến tánh là cương yếu,
Tự tiến tự tu chẳng vọng cầu.*

Mặt trời hay mặt trăng bị che tối (nhật thực hay nguyệt thực) đều là bị ma chướng cả. Gặp một phen ma chướng thì phải có sanh một lần trí huệ. Có sanh một lần trí huệ mới là được một lần tấn ích. Nếu chẳng lấy trí huệ mà xét thấu, lại sanh lòng phiền

não, ắt đại sự hư hoại.

Thường vào cửa chùa thấy 4 vị kim cang hàng phục 4 con quái, đó là cái biểu tượng hàng ma. Khi tới trong đại điện, thấy Phật ngồi đơan trang ở giữa, đó là cái biểu tượng "tẩy tâm thối tàng ư mật", nghĩa là rửa sạch cái tâm mà đem thối ẩn nơi chỗ kín.

Có người hỏi: một Phật, hai Bồ Tát, nghĩa ấy ra sao?

Đáp: Số thuộc dương là lẻ, số thuộc âm là chẵn. Người thế chỉ biết tu riêng một vật (cô âm quả dương), nào có biết đồng loại gặp nhau (hỗ trợ cho nhau) mà thành công đâu?

Những người tu hành vì tập khí khó quên, nên cần phải học chủ tịnh. Hết thấy tình thức ở khoảng sẽ quên mà chưa quên, cho nên có chư ma phát hiện, thuận thì khiến người tham mến, nghịch thì khiến người khủng kinh. Vậy phải xem xét, chớ để cái tâm này sa vào lưới tà, và thường nhớ rằng chỉ có cái tâm mà thôi chớ không có cảnh giới nào ở ngoài nó được. Có lẽ nào tự mình mà mến, mà sợ cái tâm của mình hay sao? Xét thấu được như vậy, thì cảnh giới tự nó tiêu diệt.

Tiếc thay cho thánh đạo chẳng được sáng suốt, tà thuyết dấy lên như ong, có người tự tâm mê loạn, vọng xưng làm thầy người ta. Cho nên yêu tinh quỷ quái đều thừa chỗ hở, đem tinh thần phụ dựa vào người ấy, giả xưng là thần. Kẻ ngu không biết lại tin là thiệt, cùng nhau khen ngợi, càng nói càng hay, cả đám theo ma, rốt không tỉnh ngộ. Sống thì làm tội dân cho ma, chết thì cũng làm hồn quỷ cho ma nữa!

Ô hô, buồn thay! Không thể cứu được.

Huyền và Thích hai Đạo có xảy ra nhiều việc ma mà chẳng biết đối trị. Mỗi lần thành ra chứng điên, đều là bởi thấy lý chưa rõ ràng, cưỡng chế cái tâm mình mà ra vậy. Duy có nhà Nho không có việc ma, là bởi đem cái công phu cách vật, trí tri (1) ra mà thi hành trước hết.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Đại phạm những người học Đạo theo ma là bởi nhìn lý chưa rõ ràng, học xảo qua 2 nhà kia (Huyền và Thích) rồi hạt luyện manh tu (2) nên hay mang thứ bệnh ấy. Duy có nhà Nho không có ma, là bởi đem cái công phu cách vật trí tri ra mà thi hành trước. Lời này phải lắm!

Ô Sào thiên sư nói rằng: "Tâm sanh chủng, chủng ma sanh, tâm diệt chủng chủng ma diệt". Nghĩa là Tâm sanh thì các thứ ma sanh, tâm diệt thì các thứ ma diệt.

Vậy thì đủ thấy các thứ ma đều do vọng niệm mà ra cả.

Ghi Chú:

(1) Cách vật, trí tri: Coi bài chữ Tri ở sau.

(2) Hạt luyện manh tu: tu đui luyện mù. Ý nói tu luyện bậy bạ, không đúng chi hết.

Chương 25: CẢNH

*Tâm động sanh ra cảnh giả trần,
Minh tâm nhận xét giả kê chân,
Cảnh là huyền ảo, tâm chân thật,
Phi Cảnh, phi tâm, hiệp khí thân.
Thần khí qui căn luyện tánh linh,*

Bảo tồn thuốc báu ở trong mình,
 Tam hoa tụ đánh thông Huyền Khiếu,
 Xuất tánh ly trần thoát tử sinh.
 Sinh ra trong cảnh giả trần gian,
 Tá giả tu chơn học đạo nhân,
 Liễu cảnh qui tâm gìn bốn giác,
 Bốn lại diện mục tỏ linh-quang.

Hết thấy các cảnh trong tam giới, duy có một cái tâm động niệm mà sanh ra, chớ không có phép nào khác. Niệm nếu chẳng sanh, cảnh nó tự dứt. Hay là sức niệm động đến cùng rồi, thì nó cùng trống không vắng lặng. Do đây thì đủ biết, lúc muội mông chẳng mất gì, khi tỏ hiểu cũng không đặng gì, là bởi cái vô trụ chân tâm (ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm) chẳng tăng mà cũng không giảm. Tâm do cảnh khởi: lấy tâm xem cảnh, thấy vật sanh tâm. Tuy ở chốn sơn lâm hải đảo, đâu đâu cũng là trần lao (1). Người luyến cảnh, cảnh lộng (gạt) người, thì tâm người bất chánh mà phát cuồng. Tình theo vật, vật dẫn tình ắt thần lìa khỏi nhà mà thành si.

Cảnh tốt hay là cảnh xấu đều là cảnh; cảnh tuy đến trùng trùng, chớ không phải là có. Tà niệm hay chánh niệm đều là vọng; niệm dầu nổi lên tán loạn mà cũng là không. Chớ gọi ngũ dục (2) là vui, mê mà quên trở về, thì phải bị thương thân hại mạng. Phải biết chỉ có cái tánh là chân, nắm giữ nó chớ rời, thì tự nhiên tiêu ma chướng, phá hữu chấp, trước thế biến làm Tịnh độ; đem nó về cội tiếp mạng thì thân phàm kiết nên thai thánh.

Tam giới chỉ do tâm tạo, sao không đẹp trước cái tâm. Sáu trần nhờ thức mà vào thì phải tuyệt ngay

cái thức. Đưa con đồ hoàn toàn không có thức, trần duyên đồ cuồn cuộn (như nước đổ) bao giờ cũng chẳng có lỗ hở mà vào. Bạc chân nhân rỗng rạc chỉ là trí pháp giới (3) chiếu ào ào, khắp xứ đều là nơi cực kỳ vui đẹp.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Cảnh không có khổ sướng, khổ sướng do tâm khởi. Đồng thời ở lầu Nhạc Dương có người được tâm thư thái, thần đẹp vui, lại cũng có khách cảm kích quá, mà sanh buồn thảm".

Người xưa nói rằng: "Thần tiên vô biệt pháp, chỉ sanh hoan hỉ bất sanh sầu. Nghĩa là: Thần tiên không có phép nào khác, chỉ sanh vui vẻ ở trong lòng mà không sầu muộn đó thôi. Chẳng phải người đạo đức sâu xa, dày chặt, khó mà nói ra câu ấy."

Ghi Chú:

(1) Trần lao nghĩa tựa như phiền não. Các phiền não như tham, sân... trần uế (làm dơ) tự tánh gọi là trần, lao (nhọc rối) thân tâm gọi là lao.

(2) Ngũ dục là 5 điều ham muốn: ham thấy sắc, ham nghe tiếng, ham ngửi mùi, ham nếm vị, ham xúc động thân thể

(3) Pháp giới có nhiều nghĩa. Nói về lý, pháp giới có nghĩa là pháp tánh, là thật tướng. Nói về sự, pháp giới là tên của mỗi pháp (vì các pháp đều có tự thể phân giới hạn chẳng đồng) hay là tên chỉ chung hết các pháp.

Giới lại có nghĩa là ranh hạn, pháp là tận tột ranh hạn của pháp. Ý nói không có gì rộng lớn hay sâu xa hơn nữa. Như nói: châu biến pháp giới, bạt khổ chúng sanh. Nghĩa là khắp cùng các xứ, cứu khổ

chúng sanh.

Nghĩa sau này tựa hồ chữ vô trụ, nghĩa ấy dùng trong quyển này vậy.

Chương 26: THỨC

*Cái tánh bốn lai vốn tịnh minh,
Đừng làm sáu thức biến sanh tình,
Lương tri tự biết nguồn minh-triết,
Không học mà thông ấy tánh linh.
Linh tánh chìm sâu bởi thức thân,
Thức thân nổi dậy lấp chơn thân,
Chỉnh nhờ kéo thức đem về trí,
Đem tánh về Tâm dứt nghiệp trần.
Trần ai, ai biết tánh chân như,
Vốn của Trời cho chẳng thiếu dư,
Trí thức, dôi-dào sanh nghiệp chường,
Qui không triệt-để kiến tâm từ.*

Cái tánh bốn lai vốn chơn tịnh minh diệu, hư triệt linh thông, không thể suy nghĩ được. Nó chẳng khác, chẳng đồng, mà cũng chẳng phân biệt. Tỏ hiểu nó là bến bờ đề, mọii mông nó là biển sanh tử.

Đưa con trẻ nhỏ chưa biết cha mẹ nó gọi là phác (còn tự nhiên chơn chất), mà hễ biết mẹ cha rồi thì gọi là tì (đã bị dấu vết rồi). Tì là tâm bệnh. Kiến thức càng rộng thì phát nhiệt (nóng lên), ấy là tâm bệnh, mà thân cũng tùy bệnh. Do đây mà sanh ra phân biệt gọi là thức.

Trong ngũ uẩn (1) là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tuy thức ở sau rốt mà là gốc vậy, nên phải lo

hàng phục nó trước. Muốn hàng phục thức thân, không có gì bằng biến thức ra trí. Tại có sao?

Thức thường theo cảnh mà quên về. Trí hiểu được cảnh mà chẳng mê. Theo cảnh mà chẳng hiểu thì trí nào không ra thức. Hiểu cảnh mà không luyến thì thức nào không ra trí?

Luận về cốt yếu, chỉ có một cái tâm mà thôi; phóng nó ra làm thức, thu nó lại làm trí; chỉ có phân biệt tức là sa vào tình thức, có chút phan duyên (2) tức là phát sanh vọng tưởng. Chẳng biết thì liền xong mọi việc, mới được thanh tịnh.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Con trẻ vừa mới biết cha mẹ thì đã trở cái tài xảo của thức thân. Kiến thức rộng ra thì tâm thọ bệnh. Biết cái bệnh này số mấy ai đâu?"

Theo cảnh là thức, thu lại là trí. Mỗi chữ chỉ dạy thông minh đích xác, có thể nói: Huỳnh Đế đoán chứng bệnh, Kỳ Bá lập phương trị. Nếu chúng sanh không tin nữa, là tại saỏ"

Ghi Chú:

(1) Ngũ uẩn là 5 món hòa hợp thành thân và tâm của con người: 1. Sắc là hết thấy hình sắc; 2. Thọ là lãnh nạp cảm xúc trong lòng; 3. Tưởng là tưởng tượng trong trí não; 4. Hành là khuynh hướng hành động (nghiệp); 5. Thức là tâm phân biệt, mới có tùy nghiệp mà sanh thân, sanh cảnh.

(2) Phan duyên tức là vịn nương nơi sức ngoài chớ chẳng phải dùng lấy sức mình mà khởi động, như người già nương gậy (phan trợ) mà đi, như con khỉ vịn cây (phan mộc) mà leo.

Tâm nếu nhiễm một mảy trần, vịn nơi đó mà

khởi động, không còn tự chủ, tức là phát sanh vọng tưởng.

Chương 27: QUÁ

*Chủ tâm là ác, tội theo mình,
 Chẳng biết lỗi lầm, tránh bất minh,
 Tội quá biết rồi mau thức giác,
 Tự mình rửa sạch tánh mình linh.
 Mình linh nhờ biết phép tư duy,
 Thức tánh hồi tâm tự nghĩ suy,
 Xét lỗi ba lần trong mỗi nhật,
 Sửa sai hiển lộ trí lương tri.
 Lương tri xét lỗi tận nguồn cơn,
 Tự giải vô-minh dứt túi hờn,
 Lập lại quân bình trong bản thể,
 Tâm lành tánh sáng có gì hơn.*

Tiền tâm mà làm việc trái gọi là ác (dữ), vô tâm mà làm việc trái gọi là quá (lỗi).

Ngạn ngữ nói rằng: "Nhân phi thánh nhân thực năng vô quá?" Nghĩa là: Con người chứ nào phải ông Thánh, mấy ai đâu mà không lỗi đâu? Khá lấy lời nói này mà tha thứ cho kẻ khác, chứ đừng vịn theo đó mà tha thứ cho mình.

Cừ Bá Ngọc (1) đương tuổi 50 mà biết cái quấy 49 năm về trước. Ta nay đương tuổi 85 mà cái quấy 84 năm về trước, có thể biết hết không? Cái quấy qua lâu rồi không biết đã đành, còn cái quấy gần đây cũng không dễ mà biết. Tại sao vậy?

Mê thì lấy quấy làm phải, lầm thì thấy phải

như quấy. Xét nét nào phải chỉ có 3 điều (2), mà biết quấy há để phạm hai lần sao?

Châu tử nói rằng: Trong việc làm làm hàng ngày, biết vậy là quấy thì đừng có như vậy nữa, tức là phương chữa bệnh. Nếu hỏi do đâu mà được "đừng như vậy nữa", tức là cõi lừa mà kiếm lừa đó (3).

Kẻ học Đạo chỉ lo tịnh tu tam nghiệp là: nghiệp miệng, nghiệp thân, nghiệp ý mà thôi. Không phạm lỗi ở miệng dễ, không phạm lỗi ở thân khó. Không phạm lỗi ở thân dễ, không phạm lỗi ở ý khó. Kẻ có chí phải đem hết sức mình mà cải đổi chỗ khó đó cho kíp, thì sau này mới mong vào cửa Đạo.

Có kẻ hỏi: người làm tội rồi có sám hối được không?

Đáp: Cái việc làm trước khi không lớn nhỏ, kiếm nó trong ngoài mà kiếm không được gọi là chân sám hối.

Lại hỏi: người có thể nguyện sợ phạm thì ra sao?

Đáp: Muội mộng thì nói thệ, tỏ hiếu thì toàn không. Nay thử kiếm xét coi thệ nguyện do chỗ nào mà được đại giải thoát?

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Theo lý nhà Nho, bỏ quấy giữ phải. Theo lý nhà Thiên, phải quấy không để ý, vì không để ý (không trụ trước) mới là được giải thoát."

Ghi Chú:

(1) Cừ Bá Ngọc làm quan đại phu nước Vệ, đời Xuân Thu, tên tộc là Viên. Đức Khổng Tử, khi ở nước Vệ, thường ngụ nơi nhà Bá Ngọc, là người hay tinh thần khắc kỷ (xét mình chừa lỗi), dường như sợ

hoài không làm được tròn phận sự này.

(2) Xét 3 điều là 3 điều Tăng Tử thường lấy đó mà xét mình: 1. là có vì người ta mưu tính việc gì mà chẳng hết lòng chẳng?; 2. là chơi với bạn bè mà nói không thật lời chẳng?; 3. là có điều gì thầy dạy mà không tập học chẳng?

(3) Câu chữ Hán là: Kỵ lư mích lư. Ý nói quên căn bản của mình vốn có mà đi tha cầu.

Thơ Huỳnh Đình Kiên có câu:

Kỵ lư mích lư dân khả tiếu

Dĩ mã dụ mã diệc thành si.

Nghĩa là: Cõi lừa mà kiếm lừa thì chỉ làm cho thiên hạ cười. Lấy con ngựa mà ví dụ con ngựa thì cùng thành ra kẻ ngu si.

Chương 28: THIÊN (lành)

*Hoàng Thiên bất phụ thiên tâm nhơn,
Tự xét tánh mình phân thiết hơn,
Thiện ác đáu đâu chung hữu báo,
Xét mình lý Đạo, Phật tâm hườn.
Hườn hư chơn tánh, tánh an vui,
Mới biết nguồn cơn Đạo có mùi,
Mùi Đạo vốn là vi diệu Pháp,
Khai thông Huyền Khiếu Đạo xong rồi.
Xong rồi một kiếp khôe muôn năm,
Vốn của người tu, một chữ "Tâm",
Chí thiện, chí chơn, và chí mỹ,
Mới hay mùi Đạo vốn thâm-trâm.*

Thiện là gì? Là khí dương bởi Thái cực động

mà sanh ra. Người đặng lấy nó mà làm tánh, cho nên tánh người đều lành cả. Những nhà tu dưỡng phải dưỡng cho được cái khí dương. Khí dương ở trời sanh ra sau tháng 10 lúc thuàn khôn (ròng âm, tốt tịnh). Ấy là chơn tức (1) ở nơi qui trung (2).

Thích giáo khuyên răn dạy người, nói thiên đàng, địa ngục, thiện ác báo ứng, hào mảy chẳng sai, mà phải chờ đến ngày khác hay là kiếp sau. Còn đức phu tử của ta chỉ nói rằng: "Thượng đạt, hạ đạt, thẳng đảng đảng, trường thích thích". Nghĩa là: Thượng là trên, trên là gốc, chỉ đức nghĩa. Hạ là dưới, dưới là ngọn, chỉ tài lợi. Người quân tử đạt đến đức nghĩa, kẻ tiểu nhân đạt đến tài lợi. Người quân tử khoan khoái trong lòng luôn luôn, còn kẻ tiểu nhân buồn rầu không ngớt.

Thượng đạt, nghĩa là: càng tấn lên bậc cao minh, không phải là thiên đường sao?

Hạ đạt, nghĩa là: trầm nịch nơi chỗ thấp dơ, chẳng phải là địa ngục chớ gì?

Thẳng đảng đảng, nghĩa là: nhập mỗi cảnh không đâu chẳng phải chỗ vui vẻ, thì phước đức đó ai bằng?

Trường thích thích, nghĩa là: đến chỗ nào cũng đều là chốn sa hãm mắc bẫy, thì nghiệp nào lớn hơn nữa.

Vậy thì đương lúc làm lành, làm dữ, tức là có hưởng chịu liền cái phước, cái tội, lệ như bóng vang, chẳng phải chờ ngày nào khác hay kiếp sau nữa.

Có kẻ hỏi: Nhà thiên nói chuyện thiên đường, địa ngục, có hay chẳng có?

Đáp: Vui sợ ở trong tâm mới thành cảnh lành

dữ ra ngoài. Chỉ cần dẹp xong cái tâm thì tự nhiên không.

Có kẻ hỏi: Làm thế nào dẹp tâm cho xong?

Đáp: Đừng có nghĩ suy đến lành dữ.

Hỏi: Làm việc lành với học điều tốt có khác gì nhau không?

Đáp: Không có gì khác nhau.

Hỏi: Nghĩa ấy ra sao?

Đáp: Tai chẳng nghe tiếng dâm là tai tốt, mắt chẳng xem sắc tà là mắt tốt, miệng chẳng nói lời quấy là miệng tốt, tâm chẳng khởi tưởng quấy là tâm tốt, tay chẳng lấy vật phi lễ là tay tốt, chân chẳng đạp đất phi lễ là chân tốt, noi cái đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn để trị dân là vua tốt, học Đạo của ông Y, ông Lữ mà thờ vua là tôi tốt, học bà Mạnh Mẫu chọn xóm ở mà dạy con là mẹ tốt, học Tăng Sâm dưỡng chí mà phục sự mẹ cha là con tốt.

Lại hỏi: Nay có người nói đắp lộ, sửa chùa là tu cho kiếp sau, quả có chỗ tốt không?

Đáp: Ta nghe Thánh nhân nói rằng từ thiên tử cho tới thứ dân, ai ai đều phải lấy thân làm gốc.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Khí dương do thái cực động mà sanh ra làm tánh". Có thể nói: thiên mạng chi vị tánh (nghĩa là: cái trời phú cho ta gọi là tánh) là lời giải đệ nhất (3). Muốn dưỡng khí dương này, lại chỉ rõ nó là chân tức nơi qui trung. Có thể nói: dọn ra mâm đầy dầy, ít kẻ biết được mùi

Người tu ở trong thân mình có mấy kẻ, chớ còn tu ở ngoài thân mình dành cho là nhiều rồi.

Ghi Chú:

(1) Chơn tức nghĩa là hơi thở chơn thật, là

dương khí, tiên thiên khí, không phải hơi thở ra vô bằng miệng mũi.

(2) Chử qui là cơ xoa (compas) để vẽ hình tròn. Mà tròn tức là trung (chẳng thiên lệch), trung tức là tròn vậy. Chử trung này là chử trung trong câu "Doãn chấp khuyết trung" của nhà Nho. Lấy nghĩa theo thân thể người thì qui trung là khí huyết.

(3) Lời giải đệ nhất này cũng như kinh Phật nói cái nghĩa đệ nhất vậy. Vì rất cao, không chi hơn được nên gọi là đệ nhất, đạt thấu cái sở dĩ (duyên có làm ra vậy) nên gọi là nghĩa.

Chương 29: MỘNG (chiêm bao)

*Đời là mộng ảo có chi ham,
Chú trọng bản thân, lại bỏ tâm,
Cây thối quả sai nhiều lối tục,
Quanh năm mộng mị bởi sân tham.
Tham đời nên chịu sống vô minh,
Một kiếp trăm năm chưa biết mình,
Nguồn gốc từ đâu sinh cõi thế?
Trở về cát bụi khổ hồn linh.
Hồn linh còn mộng chịu vô-minh,
Chuyển kiếp nhiều phen vẫn tử sinh,
Hành Đạo thoát ra cơn mộng ảo,
May ra giải-thoát, đáo Thiên-Đình.*

Làm sao mà có chiêm bao. Các thứ chiêm bao đều do trầm mê chẳng tỉnh, rồi một cái thức thần mới biến hóa các thứ huyền cảnh. Chỉ có một cái tâm mê mộng mà sanh ra tam giải, tứ tướng. Ở trong giấc

chiêm bao thấy có biến đổi lại hoài, không sanh ra có. Đương lúc mình thấy chiêm bao, thân mình có khổ hay có sướng, mà vừa tỉnh giấc lại thì mọi vật đều thành ra không cả. Chẳng phải nhờ tỉnh giấc mới không có, trước kia vốn đã là không có rồi.

Chúng đạo ca có câu:

*Mộng lý minh minh hữu lục thú,
Giác hậu không không vô đại thiên.*

Nghĩa là:

*Trong mộng rõ ràng bày 6 nẻo (6 nẻo luân hồi),
Tỉnh rồi vắng lặng chẳng ba ngàn (ba ngàn thế giới).*

Núi sông, thế giới đều là cảnh ở trong giấc chiêm bao. Vương hầu, văn võ đều là người ở trong giấc chiêm bao. Thánh nhân trong tam giới đều là người tỉnh giấc trước. Còn kinh của tam giáo đều là sách bàn chuyện chiêm bao. Nếu biết việc thế đều không, thì chết sống là một giấc chiêm bao, không có gì ngăn trở, mới gọi là tỉnh biết.

Xưa có Bạch Vân tiên sanh ngủ rồi thức dậy. Kim Lệ hỏi về cuộc đời. Tiên sanh Đáp rằng: sau khi phân lưỡng nghi, ai là người, ai là ta? Ở trong khoảng ngàn năm, ai là thành, ai là bại? (1) Người giảng thuyết thì chê Hạng Võ, khen Lưu Bang (đời Tiền Hán). Nhà biên ký thì thương Linh Quân (2), nguyền Nguyên Lượng (3) lại đều là bùn lầy trong cát bụi cả. Chi bằng một chén rượu trước, một cuộc cờ tàn, một giấc ngủ ngáy pho, kiên khôn trong tay mặc tình thâm phóng.

Lệ hỏi rằng: Tiên sanh lấy giấc ngủ mà thâm cái hỗn độn của trời đất, lấy lúc tỉnh thức mà phá cái vãng lai của xưa nay. Hay thay! Nói vậy cái ngủ cũng

có Đạo sao?

Đáp: Có chớ! Người phạm ngủ thì trước ngủ con mắt, sau ngủ cái tâm. Còn ta ngủ thì trước ngủ cái tâm, sau ngủ con mắt. Ta tỉnh thì trước tỉnh con mắt, sau tỉnh cái tâm. Con mắt tỉnh nhờ đó mà thấy tâm. Cái tâm tỉnh chẳng thấy đời, chẳng thấy đời lại chẳng thấy tâm. Từ có vũ trụ đến nay, kẻ trị đời lầy huyền khuê (6) mà thường, lấy bạch thặng (7) mà khoe; kẻ tu hành cõi huỳnh hạc (8) mà bay, cõi thanh ngư (9) mà vượt, kẻ dạy đời đem xích tử (10) mà suy, đem lục đồ (11) mà vẽ. Ta đều vô tâm không tưởng đến đó, ngủ cũng vô tâm, thức cũng vô tâm

Lệ hỏi rằng: Tôi muốn học cách vô tâm, phải làm sao mới đúng?

Đáp: Đối cảnh thì chớ nhìn tâm, đối tâm chớ nhìn cảnh. Như vậy đó là xong rồi, đâu biết cái chi khác nữa?

Khi tỉnh không biết gì, tâm càng thêm rối. Đáng cười thay người ở trần thế chẳng biết chiêm bao là chiêm bao!

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Tâm tỉnh không thấy đời, thì đủ thấy người chấp trước theo cảnh đều là người ở trong giấc chiêm bao cả."

Ghi Chú:

(1) Ý nói tuy thấy có người, có ta, có thành, có bại, mà rốt cuộc thì cái gì cũng hoàn không.

(2) Linh Quân là vua Linh Đế đời Đông Hán (hậu Hán), không trị được trong cung, nên sanh giặc loạn hoài hoài.

(3) Nguyên Lượng là người "Lở bè giúp nước, lại lui về cày".

(4) Thái Khuru là tên xứ, Đồi Đông Hán, ông Trần Thiệt tự Trọng Cung làm đầu trong xứ ấy, xử đoán rất công bình. Nay người ta lấy tên xứ ấy mà làm tên ông.

(5) Phạm Bàng tự là Mạnh Bác, cũng là người Đông Hán có chí an bang tế thế, sau bị phe hoạn quan giết chết.

(6) Huyền Khuê là thẻ ngọc sắc đen. Đen là màu trời. Vua Võ có công lớn được vua Nghiêu thưởng huyền khuê.

(7) Thăng là món trang điểm trên đầu của phụ nữ. Bạch thăng là món nữ trang màu trắng.

(8) Huỳnh hạc là con hạc vàng. Đức Lữ Động Tân cỡi huỳnh hạc mà bay đi, ở tại lâu cũng gọi là lâu huỳnh hạc.

(9) Thanh ngư là con trâu xanh. Đức Lão Tử cỡi thanh ngư mà vượt qua sông Lưu Sa, đi về hướng tây.

(10) Xích tử là trẻ con mới sinh, da còn non đỏ.

(11) Lục đồ là Hà đồ, có chữ màu lục.

Chương 30: QUI

*Người tu bị quỷ dẫn mê tâm,
Tham lợi, mê danh khiến lạc tâm,
Nếu biết qui tâm và định tánh,
Diệt tà phục chánh sửa âm-thâm.
Âm-thâm tìm mối Đạo vô-vi,
Tri giả bất ngôn, ngôn bất tri,*

*Tâm tánh động hoài ma quỷ bắt,
Đạo Đồi bại hoại có ra chi.
Chi hơn học Đạo thoát tình đời,
Phân biệt quỷ thần tánh chẳng lời,
Đem tánh về tâm minh chánh Đạo,
Theo tình bỏ tánh đọa thân rồi.*

Con người bị quỷ dẫn mê hết phân nửa, còn lại phân nửa bị người khác vu hoặc, quỷ với người tranh nhau mê hoặc cơ hồ đã khắp cùng thiên hạ.

Bậc cao minh (người tri thức), lấy lời phải cứu họ mà họ không nghe theo, còn người trên trước (người cầm quyền) lấy pháp luật mà cấm họ, nhưng cũng không dứt nổi. Tà thuyết càng ngày càng hùng, càng ngày càng thịnh, không biết rồi sẽ đến đâu là cùng.

Quỷ là người chết rồi, người là quỷ chưa chết. Người đời nay đều là người thuở xưa kia vậy. Khắp trong khoảng trời đất chẳng có chỗ nào là không có quỷ thần. Chẳng những ở trong giữa khoảng trời đất có quỷ thần, mà ở trong thân mình con người cũng có quỷ thần nữa. Làm sao mà biết?

Bốn tánh con người bởi khí dương sanh, còn hình thể do khí âm thành. Hễ dương thì làm thần, còn âm thì làm quỷ. Dẫn tình đem về tánh là Đạo của thần giữ, thuận tình cho tán tánh là việc của quỷ làm. Tục ngữ nói rằng: Người còn một phần dương chẳng thành thần, còn một phần âm chẳng thành tiên.

Lời này phải lắng!

Giả chẳng con người là âm dương giao kết, là quỷ thần hội hiệp mà thành. Bỗng nhớ đến lành là thần mở trí cho, thoát toan làm dữ là quỷ khiến xui

vậy. Người quân tử dè dặt chỗ một mình mình (biết và nghe) (1), chánh là xét coi cái cơ lành dữ, biện rõ cái đạo quỷ thần đó.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Dẫn tình đem về tánh, không cầu thần lại là thần. Thuận tình cho tán tánh, chẳng dè quỷ mà ra quỷ. Xin chư quân chọn lấy 1 trong 2 điều đó."

Ghi Chú:

(1) Sách Trung Dung nói rằng: Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi hơn chỗ u ám, không có gì bày rõ hơn việc tế vi. Cho nên người quân tử dè dặt hơn chỗ một mình mình (biết và nghe).

Chương 31: THẦN

*Thần là giàn máy ở trong mình,
 Ấy thiết sinh cơ của tánh linh,
 Biết phép ngưng thần trừ vọng niệm,
 Khí thần diệu hiệp đắc trường sinh.
 Sinh thời thần khí bị tiêu hao,
 Biết Đạo ở đâu, vào ngõ nào?
 Vào Đạo phải nhờ "Thần" mở ngõ,
 Công phu thứ lớp có đuôi đầu.
 Đầu bài tu luyện phép vô-vi,
 Thần thiết "Nguyên-Thần" Tánh tự tri,
 Dứt niệm quy tâm, Thần ở lại,
 Tâm hay vọng động, thần ra đi.*

Chân tánh của người tức là nguyên thần của người. Vì nó linh minh khôn lường, diệu ứng vô hạn, cho nên gọi là thần. Còn chữ nguyên ở trước là để

phân biệt với cái thần tư lự vọng niệm thuộc về hậu thiên. Thần lại nhập vào thân thì người sống, thần đi lìa khỏi thân thì người chết.

Sao mà biết thần lại? Niệm dứt thì có thần lại.

Sao mà biết thần đi? Niệm động thì là thần đi.

Hình là nhà của khí, khí ở thì hình chẳng suy. Khí là mẹ của thần, khí còn thì thần chẳng tán.

Người làm lành thì thần tụ mà linh, người làm dữ thì thần tán mà tối. Kẻ có bệnh thì thần lìa hình mà chẳng bị đau khổ. Kẻ mắc nạn thì thần đi trước mà chẳng bị họa ương. Một hơi thở của người mà không có thần, thì hơi thở đó chẳng đến.

Con người có 3 cái hang, (chữ Hán là cốc), trống không như động trong kẹt đá. Thần ở trong đó nên gọi là cốc thần.

Ở trên thì kêu là thiên cốc, là Nê hoàn cung, làm thiên căn là bổn cung của thần (như phòng buồng). Cho nên thần ở thiên cốc thì tinh hóa khí, khí thượng thăng, chín năm thiên cung đầy đủ, thì thiên môn bởi đó mà khai thông.

Ở giữa thì kêu là ứng cốc là Giáng cung, làm minh đường thuộc về bố chánh (như chỗ làm việc nước). Cho nên thần ở ứng cốc thì lỗ tai mới nghe, con mắt mới thấy, ngũ quan đều lo chức vụ, thì toàn thân thể do đây mà tùng lệnh.

Ở dưới thì kêu là linh cốc, là đôn điền, làm nhà kín để ẩn thân tu hành (như am thất). Cho nên thần ở linh cốc thì mắt thấy trở lại, tai nghe lộn về, thần khí gìn giữ lấy nhau, thì dinh phách (hồn phách) nhờ vậy mà bảo nhất (dính một chẳng rời).

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Hai chữ

nguyên thần giải rất rõ ràng. Bằng không vậy, chắc có người nhìn lầm thần tư lự, thuộc về hậu thiên mà cho là thần". Câu: niệm dứt thì thần lại, niệm động thì thần đi, lại là lời khẩu quyết hạ thủ rất hay. Còn câu: Người có bệnh thì thần lìa hình mà chẳng bị đau khổ, kẻ mắc nạn thì thần đi trước mà chẳng bị họa ương, chẳng phải là bậc thoát thai thần hóa, quyết chẳng thốt ra chỗ huyền diệu của thần hóa đó được.

Kẻ thế thường hay luận thần, mà là thấy chiêm bao biết mấy Cố quân tử thiện kỳ độc dã. Nghĩa là không có gì hiện ra hơn chỗ u ám, không có gì bày rõ hơn việc tế vi. Cho nên người quân tử dè dặt hơn chỗ một mình mình (biết và nghe).

Chương 32: KHÍ

*Khí có ra vào, khí hậu thiên,
Trước lên sau xuống nối liền liền,
Chơn-Nhơn mới dựng dòng thai-tức,
Cổ sạch lột phàm hóa kiếp Tiên.
Tiên phàm, hơi thở khác nhau xa,
Người biết thở vào, kẻ thở ra,
Hơi thở ra ngoài là lốc khí,
Chơn-Nhơn chi tức diệu thay là.
Là người tu học pháp vô-vi,
Niệm Phật tụng kinh chẳng biết gì?
Mấy nhiệm trong mình chơn nhứt tức,
Khí thần diệu hiệp xuất Mâu-Ni.*

Khí của phàm nhân trước lên sau xuống, còn khí của chân nhân trước xuống sau lên. Khí có ra có

vào gọi là phàm tức (hơi thở phàm), chẳng ra chẳng vào gọi là chân tức (hơi thở thánh). Hễ phàm tức đã đình thì chân tức tự nó phát động.

Hơi thở sở dĩ đình lại đây chẳng phải do cưỡng bẻ mà chẳng cho ra. Ấy là Tâm trống cho tột bậc, lặng cho hết sức, mà hễ tâm định nhiều chừng nào thì khí nó yếu dần theo chừng ấy. Theo phép này, bất kỳ đi đứng nằm ngồi, đều dẫn tâm đem về chỗ lặng lẽ, chẳng tưởng việc sẽ tới, không nhớ việc qua rồi. Lâu lâu, thần cùng khí hội, tình cảnh đều quên, thần ngưng khí kết, chỉ có một hơi thở triền chuyển trong bụng chẳng ra chẳng vào gọi là Thai tức (1). Hơi thở này đã sanh, thì cố giữ cho trống lặng, luyện tinh hóa khí, thông thấu tam quan, rười thắm ba cung. Đó gọi là chân thác thược, chân lư đánh, chân hỏa hầu (2).

Thiên Túy Hư nói rằng:

*Tích ngộ chân sư truyền khẩu quyết,
Chỉ yếu ngưng thần nhập khí huyết.*

Nghĩa là:

*Xưa gặp chân sư truyền khẩu quyết,
Chỉ phải định thần vào khí huyết.*

Ấy là lúc ban sơ chúng ta mới vừa thọ khí tượng thai, phần thọ tinh huyết của cha mẹ mà thành ngôi Thái cực mà chúng ta ai ai cũng đều có hết.

Chân nhân thần nương theo hơi thở thâm nhập vào trong khí huyết của ta mãi mãi như còn (3) chẳng chút gián đoạn. Cho nên chuyên khí chí nhu (làm cho khí yếu dần dần) cho đúng phép (đắc huyền diệu), thì thấy quẻ Phục của mình (coi bài chữ Mạch có giải quẻ Phục).

Thái Thượng Lão Quân nói rằng: "Thiên địa chi gian, kỳ du thác thược hồ?"

Như vậy cái khoảng giữa trời đất có phải như ống bễ lò rèn chẳng? Con người nhờ được khí của trời đất mà sống. Hô hấp cái máy động của ống bễ. Chân tức là cái khí hô hấp. Nhưng cái chân tức này là gốc thọ khí, là nguồn sinh khí đồng như khắc lậu (đồng hồ nước). Cho nên nói rằng: Châu thiên tức số, vi vi số (4), Ngọc lậu hàn thính, trích trích phù.

Nghĩa là: Cái số hơi thở Chu thiên là số tinh vi (ý nói chẳng khá trước tướng). Nó tương phù với từng tiếng nhỏ giọt của đồng hồ nước (5) (tỉ dụ hơi thở ra vào).

Có kẻ hỏi: Có cái thuyết nào lấy chân tức làm hỏa không?

Đáp: Chẳng phải lấy chân tức làm hỏa. Hỏa (Lửa) là thần của người, tức (hơi thở) là cái ống bễ của hỏa. Hơi thở của hỏa yếu dài mà chẳng dứt (miên miên bất tuyệt), tức là "chân nhân chi tức dĩ chủng" đó.

Cho nên nói:

Mạn thủ được lưu, khan hỏa hậu,

Đãn an thần tức, nhậm thiên nhiên (6).

Nghĩa là:

Chớ giữ thuốc lò, chăm hỏa hậu,

Chỉ yên thần khí, thuận thiên nhiên.

Phàm trong cả thân người, chỉ có một khí châu lưu, khí thông thì vui khoái, khí nghẹt thì khổ đau. Cho nên tay múa chân đạp (luyện tập thể thao) là để dưỡng khí huyết của mình. Phép này chẳng luận giờ khắc nào, tùy tiện mà thi hành. Cần phải chuyên

tâm bễ tức (tập cho hơi thở nhẹ nhàng, cho đến hết ra vào chứ đừng cưỡng bễ), ắt thần sung khí mãn, thì khí dễ lưu thông. Nhưng phải trọn mắt cẩn rắng (như giận) cho được nghiêm mật vô nghị, thì tà niệm tự nhiên không có. Làm như vậy được ít lần sau đó ngồi tịnh sẽ dễ trừ vọng niệm và tiêu tan bệnh tật.

Đoạn công phu này có nhiều chỗ hữu ích lắm, chớ khá xem thường rồi bỏ qua rất uổng.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Tiên gia giữ kín chẳng truyền, thực ra chỉ có công phu luyện mạng mà thôi."

Mạng là gì?

Là Khí đó.

Bài này đã chỉ rõ: chẳng ra chẳng vào gọi là chân tức. Lại nói: phàm tức đã đình lại thì chân tức tự nó phát động. Phàm tức là lúc con người mới sinh ra, oa oa một tiếng, khí thông miệng mũi gọi là khí hậu thiên. Khí hậu thiên đã thông thì phải có sữa, có cơm nuôi. Hễ bế nó lại một chút thì chết. Còn khí tiên thiên thì chẳng như vậy. Mặc tình ở trong bụng mẹ mười tháng, bị bào y vấn bao, rớt cuộc cũng không chết

Tại sao vậy? Tức là chỗ bài này gọi là triền chuyển trong bụng, chẳng ra chẳng vào đó. Người tu luyện dẫn tình đem về tánh, lâu ngày công phu già dặn, phần bổn hoàn nguyên (về cội gốc, ban sơ), cũng như con trẻ ở trong bụng mẹ chẳng khác.

Người thế gian chết đó, chẳng qua là ở trong miệng mũi hết khí mà thôi. Nay đang lúc còn sống mà miệng mũi đã hết khí thì còn sợ chết nỗi gì? Đòi mà không tin đạo tiên, là bởi chưa rõ lý này, chưa

thấy người này mà thôi.

Ghi Chú:

(1) Thai tức là hơi thở khi còn trong bào thai.

(2) Thác thược là ống bể thợ rèn, lư đánh là lò chảo. Hỏa hầu là giờ khắc dùng lửa (dùng lửa phải biết cách thức, cho có chừng mực).

(3) Miên miên nhược tồn nghĩa là: mãi mãi như còn. Ý nói không dứt, còn mà chẳng thấy nghe được, phảng phất mà thôi.

(4) Vi vi số giả, tinh diệu bất trước vu tướng, phi cương chế giả (xem quyển Thiên Tiên Chánh Lý).

(5) Ngọc lậu giả, xuất nhập chi tức dã. Trích phù giả, châu thiên chi số vô sai (Thiên tiên chánh lý).

(6) Hai câu này tuy nói về hữu vi (tiểu châu thiên), nhưng cũng phải hiệp thiên nhiên tự tại làm quý. Bằng chẳng vậy thì không phải là chân hỏa, chân hậu của Tiên gia.

Chương 33: TINH

*Luyện tinh hóa khí, hóa thần linh,
Thuốc báu Trời cho để giữ mình,
Biết hiệp biết hườn thành xá-lợi,
Linh-quang xuất hiệp nhập Thiên-Đình.
Thiên-Đình chờ đón kẻ tu chơn,
Hay dở cùng chẳng biết hiệp hườn,
Ngũ-Khí, Tam-Hoa triều thượng đánh,
Khai thông Huyền-Khiếu đắc Chơn-Nhơn.
Nhơn sanh cam chịu tử và sanh,*

*Nếu chẳng biết tu, chẳng học hành,
Tánh Mạng hậu-thiên cam đọa lạc,
Thọ truyền chánh-pháp kịp tu nhanh.*

Chân nhân luyện tinh hóa khí. Phàm nhân hóa khí làm tinh. Người xưa ví tinh như diên (chì) là bởi nó có tính trầm trọng hay lọt mất, ví nó như cọp là bởi nó rất hung hãn khó phục hàng Người học Đạo cố thủ mà chẳng để cho nó mất, gọi là trúc cơ (đắp nền).

Thần, khí, tinh thường muốn tán. Người ta chỉ lưu trụ nó lại được, đừng cho tán mất thì mới có thể trường sanh.

Ngụy Bá Dương nói rằng: Phàm nói suu diên thêm hống (1), thật là hoàn tinh bổ não.

Có kẻ nói: Có nhiều người học Đạo, hay bị chứng mộng di, luyện thụ (2) chắc khó rồi, uống thuốc lại không hiệu quả, thì phải làm thế nào cho hết bệnh ấy?

Đáp: Dắt bạch ngư (trâu trắng) lộn về, thì chẳng còn di tẩu nữa.

Lại hỏi: Có người nói Huyền tấn lập thì chân tinh bền. Làm sao mà lập được Huyền tấn?

Đáp: Cốc thần chẳng chết là lập rồi đó.

Hỏi: Cốc thần làm sao chẳng chết?

Đáp: Không lòng dục, cho thiệt tịnh, thì nó chẳng chết.

Thường vào miếu Huyền để thấy con rắn và con rùa quấn nhau thần có ngôi, còn nhân thần há lại không có chỗ ở sao?

Trời chỉ về chỗ Tử vi, ở tại đó mà chẳng động thì cái tội cùng của trời (ngôi Đại trung) đã lập, tạo

hóa do đó mà sản sanh. Người chỉ về chỗ Huỳnh đình, đứng tại đó mà không dời, thì cái ngôi tốt cùng của người đã lập, tánh mạng do đó mà an vững. Cho nên kẻ biết tu dưỡng thì đem thần hỏa và tinh thủy ngưng tại một chỗ, như con rắn với con rùa quấn nhau vậy, hiệp thành một khối, chẳng để lìa ra, lâu rồi hết sức tịnh mới sinh động, chân hỏa đốt chung, kim tinh phát hiện soi quan thấu đánh thấm dưới rười trên. Đây là đạo thâm căn cố đế, cứu thị trường sinh.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Không lòng dục, hết sức tịnh, thì cốt thần chẳng chết, ắt huyền tấn lập. Huyền tấn lập, ắt chân tinh bền. Chân tinh bền thì không còn lo di thất nữa. Đủ thấy cái bệnh mộng di là do nơi sắc tâm chưa thối mà dấy lên. Người khám phá được sắc ma, một lòng thanh tịnh, cạp chẳng khó hàng phục, chừ chẳng dễ vọng tẩu.

Nếu có người công phu chưa tới bậc đó, bỗng có cái bệnh di thất, thì hãy dùng phép dất bạch ngưư lộn về. Theo phép này thì lấy bát câu bố hay là vải gi cũng được mà may một cái bao nhỏ, bao ngoại thận lại, rồi đem nó cột ở phía sau dây lưng, thì chứng bệnh này sẽ khỏi."

Đạo gia cũng gọi là: Trương Quả Lão đảo ky. lư. Nghĩa là ông Trương Quả Lão cỡi lừa ngược.

Ghi Chú:

(1) Sưu diên thêm hống là rút hắc diên (chì đen) mà trợ thủy ngân. Thủy ngân gặp lửa thì bay, nay nhờ có hắc diên, nên thủy ngân bị chế bèn kết thành khối mà chẳng bay được nữa. Đây là lý lấy Dương chế Âm.

Lòng người dễ động, ra vào không chừng,

thấy cảnh thì sinh tình, cũng như thủy ngân gặp lửa thì bay vậy.

Còn lòng đạo thường trụ, tùy thời giác sát, thì lòng người không rảnh mà sanh cũng như thủy ngân nhờ có hắc diên mà được ngưng kết vậy

(2) Luyện thủy nghĩa là: luyện thần trong khi ngủ cho được thanh tịnh, cho khỏi mộng tưởng diên đảo.

Chương 34: GIÁO

*Cái Đạo vô-vi chẳng thốt lời,
Thánh-Nhơn khai giáo độ người đời,
Thân tâm vẹn giữ hành chơn đạo,
Nhơn đạo thuần chơn hiệp Đạo Trời.
Đạo Trời chẳng đợi kiếm đâu xa,
Trở lại thân tâm học đạo nhà,
Chẳng đợi lên non cầu diệu pháp
Tâm thành ý thật tự lòng ta.
Ta quyết tìm ra mối Đạo mâu,
Vô-vi thanh-tịnh học cao sâu,
Bất ngôn chi giáo, nguồn minh-triết,
Đạo tại thân trung khởi lay câu.*

Đạo là thánh nhân chẳng thốt ra lời, còn thánh nhân là Đạo thốt ra lời. Tuy nói có thốt ra lời, chẳng qua là lấy Đạo của người mà trở lại trị cái thân của người, chứ chẳng phải miễn cưỡng theo việc khó biết, khó làm đâu. Đời xưa dạy người lấy cái Đạo của thánh nhân mà dạy.

Kinh Dịch nói rằng: "Mông dĩ dưỡng chánh,

thánh công dã". Nghĩa là: dạy kẻ mông muội thì phải nuôi tâm trí cho mình chính, ấy là cái công trình của bậc Thánh nhân đó. Lúc dạy kẻ mông muội, phải dạy cho biết hướng về sự học thánh, thì kẻ học có lẽ nào lại không cố gắng học thánh sao?

Từ khi đạo của Khổng Tử lu mờ. Thì đạo Lão, đạo Phật hưng thịnh. Từ khi đạo Lão ít truyền thì luồng gió tà thuyết nổi lên. Lão tử nói rằng: "Tu kỹ chi thân kỳ đức nãi nhân. Xả thân nhi ngôn, tu giả dã giả". Nghĩa là: Trau lấy thân mình, thì đức mình mới được chân thật, bỏ thân ra mà nói tu là giả dối vậy.

Đời nay có kẻ cầu đạo Tiên Phật mà thường lánh người, trốn thế để cầu. Kẻ ấy cho là: Có nhà cửa, có vợ con, có việc đời, ba mỗi ấy đều có thể làm lụy người, cho nên không thành Tiên thành Phật được. Thế nào cũng phải lánh người trốn thế, mới mong làm Phật Tiên. Sao chẳng biết cái đạo của Tiên, Phật chẳng rời thân tâm vậy? Quả thật chánh tâm tu thân, có nhà cửa cứ việc ở, có vợ con cứ việc giúp đỡ cùng nhau, có việc đời thì mượn nó để dời mài tâm tính, cho nên tại nhà cũng có thể thành Thánh, thành Tiên, thành Phật, cần gì phải bỏ chỗ tiện cho mình mà làm cái việc bất tiện kia vậy?

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Nói xuất gia có thể thành Tiên, Phật, người ta có thể còn tin. Nói tại gia thành Tiên, Phật không ai tin cả, tại cơ sao vậy?"

Vì chưa thật rõ biết cái Đạo, chưa thật khảo cứu cái lý mà thôi. Họ không tưởng đến rằng: Nếu Tiên, Phật cần phải xuất gia mới thành, vậy có thể nói Thánh nhân cũng cần xuất gia mới thành sao? Người

thế trước tưởng chi lắm vậy."

Chương 35: HỌC

*Học Đạo bên siêng, chí cánh thành,
Cần sâu cầu học, chẳng cầu danh,
Cũng không cầu lợi mà năng học,
Chơn-ly thông rồi bất luận tranh.
Tranh đua giáo-ly chạy theo đời,
Hay dở cũng chẳng trợn Tánh Trời,
Lặng lặng học hành và tiến-hóa,
Ngàn năm một thuở thoát luân vơi.
Vơi-vơi trời nước chạnh lòng riêng
Đối cảnh qui tâm, tánh định thiên,
Muôn sự giả trần không chấp trước,
Tìm về cội phúc cõi vô biên.*

Học là con đường đi tới Đạo. Thánh kinh hiền truyện có phải là người dẫn đường cho ta không?

Đời sau tà thuyết dấy lên cùng khắp, lời dạy với việc làm có hợp với kinh truyện của thánh hiền chẳng? Nếu không tức là ma thuyết. Kẻ học Đạo chỉ phải thu thân tâm về mà kèm giữ cho vững vàng, bỏ thân tâm mà dụng công ở chỗ khác, tức là không phải chính đạo.

Học Đạo chẳng phải nói qua cho xong, cũng chẳng phải hiểu biết là rồi, tất phải thành thật ngó vào trong Tâm của chính mình, quét dọn hết thảy những điều vật dục cho sạch sẽ thì tự nhiên hiệp với Đạo.

Chí của người học Đạo gặp cảnh nghèo càng phải thêm cứng cáp. Gặp cảnh già càng phải thêm mạnh mẽ. Nếu bị khách khí (1) sai sử, ngoại vật (2) thâm đoạt, thì lỗi ấy chẳng đổ cho khí hay là cho vật được. Bệnh này do nơi chí chưa lập mà ra thì chỉ nên trách nơi chính mình mà thôi. Hãy xét tới nghĩ lui, sẽ thấy được chỗ đau nhức, rồi mạnh bạo đoạn dứt ngay. Ví như nạo xương, đổi tủy, súc ruột, rửa dạ dày, dùng cách đặc biệt để đổi cho một người, làm bất kể sống chết như thế một phen, thì có việc nào mà không thành.

Cái tâm của bậc Thánh nhân chẳng khác với tâm ta, mà tại sao chỉ có cái tâm của Thánh nhân lại thường được thanh tịnh vậy? Thật không có gì lạ hết, mà chỉ do thấy được lý chân, dưỡng được ý định. Duy có thấy lý chân thì hết thấy huyền cảnh mới không thể mê hoặc ta được. Duy có dưỡng ý định thì cả thấy ảo vật mới không thể điều động ta được.

Tai nghe mắt thấy ví như ăn uống, ngày ngày phải dùng mà ngày ngày phải tiêu hóa để tống ra ngoài. Nếu tống không hết còn đình trệ ở trong bụng, sau lâu ngày sẽ thành bệnh.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Kẻ thế gian học đạo đông đảo, đại để nếu chẳng là vì danh thì cũng là vì lợi. Ngoài hai chữ danh lợi ra siêng học, mà dụng công như vậy, thì có mấy người đâu?"

Cho nên Lữ tổ nói rằng: Thiên nhai văn thuyết nhân tầm ngã, Tẩu biến thiên nhai bất kiến nhân.

Nghĩa là: Ven trời nghe nói kẻ tìm ta, Chạy khắp ven trời chẳng thấy ai.

Lời này quả thật không sai."

Ghi Chú:

(1) Khách khí nghĩa là: hành động theo khí huyết, trái đạo lý

(2) Ngoại vật nghĩa là: vật ở ngoài thân ta.

Chương 36: TRI

*Biết cho thật biết để gì đâu,
Phải mở lương-tri học Đạo mầu,
Cái biết từ khi Trời phú tánh,
Mới là thật biết lý thâm sâu.
Sâu cạn cũng do một tấm lòng,
Có bao nhiêu có cũng hườn không,
Biết bao nhiêu biết như không biết,
Nguồn gốc lương-tri vốn sạch trong.
Trong tâm có cái vốn Chân-Như,
Chẳng biết có không hay thiếu dư,
Cứ học, cứ hành, cho thật biết,
Biết như không biết thật hườn hư.*

Học có gì cần hơn là trí tri, nghĩa là mở rộng đường tri thức (sự hay biết). Trí tri tại cách vật, nghĩa là mở rộng đường tri thức cốt để xét tột lý của sự vật.

Vậy đã học rồi thì phải suy, suy rồi thì phải học, cho đến khi trí được mở mang thông suốt mọi lẽ, thì là biết tới nơi đó! Hễ biết tới nơi rồi thì dần dần theo thứ tự sẽ được ý thành, tâm chính...

Kiến thức của kẻ học là hữu hạn, còn nghĩa lý trong thiên hạ thì vô cùng. Cho nên có điều mình biết rồi, mà thế nào cũng có điều mình chưa biết tới. Kịp

đến khi biết các điều mình chưa biết đó, lại có điều mình chưa biết khác nữa. Bởi thế người trí hay tỉ dụ sự học như cắt như cưa, như dồi như mài

Con người ta chẳng phải là không biết gì, nhưng khó biết cho thật đúng (chân tri). Người nào nhìn thấy châu ngọc cũng đều muốn thò tay lấy cho được nó để ôm ấp vào lòng, là tại sao vậy? Là bởi biết thật nó là vật báu. Kẻ học Đạo mà biết thật như vậy đó, thì có lo gì không đủ sức để tu hành.

Người nào thấy gương thạch tín cũng đều chẳng dám lấy lưỡi mà chạm nó, đem thân mà chống lại nó, tại sao vậy? Là bởi biết nó thật hay hại người. Người muốn bỏ điều ác, nếu biết thật đúng như thế thì có lo gì điều ác chẳng hết sạch không.

Cái tâm của người vốn sáng suốt, vì bị vật dục che khuất nên mới đen tối mờ mịt. Nếu biết do bởi vật dục, thì sớm sáng lấy hết sức chủ định lại chỗ sáng suốt đó.

Ngày nay cần tinh tấn trừ bỏ cái tâm khi sinh khi diệt, người biết điều đó chẳng? Biết mà thường soi thường tưởng vào đó, thì có ngày hết sinh hết diệt. Đến chừng hết sinh hết diệt, tâm mới định, thì tánh ta đã tận.

Ngày nay cái khí của người hơi ra hơi vào, người biết điều đó chẳng? Biết mà thường nương theo nó (tâm tức tương y) thì sẽ có ngày chẳng ra chẳng vào nữa. Đến chừng khí chẳng ra chẳng vào, là nó đủ rồi, thì mạng ta đã lập.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Ngày nay luận về biết và làm, có nhiều kẻ nói biết thì dễ, chứ làm được thì khó. Sao chẳng xét chỗ biết của mình là

nhánh lá, là vỏ da của đạo học thánh hiền mà thôi. Chớ còn cái chân tinh tủy, cái chân mạng mạch, có phải dễ dầu mà biết nó đâu! Nếu người thật biết (chân tri) thì sao cũng muốn làm thật, còn kẻ nào chẳng muốn làm thật thì cũng chỉ là hạng giả biết (giả tri) đó thôi."

Chương 37: HÀNH (làm)

*Công phu tu học phải tri hành,
Biết đúng lý chơn bất luận tranh,
Lặng lặng thực hành, năng chủ kính,
Cho tròn Thiên Lý chỗ vô danh.
Danh vị người tu tự tỏ tường,
Năng hành năng đạt, chẳng phô trương,
Cái ngu cái trí hăng đi cặp,
Bản ngã không còn, Đạo hiển dương.
Dương danh hậu thế bởi tri hành,
Thường biết thường làm Đạo chính danh,
Đối cảnh quên tình qui Phật Tánh,
Chơn Nhơn liễu đạt chỗ vô sanh.*

Biết và làm là hai đoạn công phu vẫn cứ hiệp nhứt chẳng rời nhau. Thường giữ được cái biết ở với ta thì tự nhiên làm được. Nếu một khắc mà không làm, tức là một khắc hôn mê. Người quân tử lấy thân mà vừa theo Đạo. Hễ thân ở chỗ nào thì Đạo ở chỗ đó. Cho nên đi thì có công phu đi, đứng thì có công phu đứng, ngồi thì có công phu ngồi, ngủ thì có công phu ngủ. Lúc nào không niệm lự, là lúc công phu cả.

Phàm có làm không tấn được, ấy là cái biết

chưa thiết đúng. Nếu biết cái lý cho thiết đúng rồi thì tự nhiên vui thích mà làm theo lý. Cho nên nói: "Học bất yếm, tri dã", nghĩa là: Học chẳng nhàm là biết vậy.

Nếu thấy lý chưa thiết đúng mà miễn cưỡng làm bướng, thì ý khí có bao nhiêu đâu! Đến chừng ý hết khí lui rồi, tự nhiên không làm tới nữa được.

Lúc chiều tối là lúc người quân tử yên nghỉ, thì phải liệu thân xếp thần thấ, bảo nhứt chớ rời, cho nên không có thể tình ràng buộc, mà cũng không có đạo lý diệu huyền, bỗng như người chết, thì mới gọi là đại hưu hiết (yên nghỉ hoàn toàn) cái công hiệu của phép chủ kính.

Tối sáng mai, đây là lúc người quân tử mỗi ngày làm thêm mới mẽ. Phải liệu dậy sớm, trong ngày lo làm những việc chưa thành. Có người lập chí làm một lần mà nên, ta làm lấy một trăm lần, có người làm mười lần mà nên, ta làm lấy một ngàn lần. Nhiều ngày thành tháng, nhiều tháng ra năm, chẳng luận năm ba năm gì, nếu học như thế mà không tới bực thánh, thì chẳng bao giờ có vậy. Sau sẽ có bài giảng cái nghĩa chữ kính.

Nháy mắt cũng tồn, hơi thở cũng dưỡng, công phu không gián đoạn trong giây phút nào (1). Ngày này cũng tấn, tháng kia cũng thêm, học hỏi có "tập hi" mới tột sáng suốt (2).

Có kẻ hỏi: Thiên lý làm sao cho tròn?

Đáp: Phải cần giờ giờ tồn dưỡng.

Lại hỏi: Nhơn dục làm sao cho sạch?

Đáp: Chỉ có bữa bữa giảm tiêu.

Con người ai cũng có lương tri lương năng,

song lương tri lương năng quý là nhờ ở khoách sung. Khoách sung cốt ở nơi cần học ham hỏi đó thôi.

Cái nhơn tánh của con người đã linh thiêng mà lại thần diệu. Niệm vừa động thì nó bay đi, mà chẳng thấy hình. Nếu muốn lưu nó lại thì phải xét đến cội gốc của nó. Cái cơ (máy động) của nó thường ở tại con mắt, mà cái nhà của nó lại ở nơi tâm. Tâm thường thanh tịnh thì thần khí qui về cội gốc, lâu lâu rồi sanh ra món chí bửu, lần lần sung dinh, châu lưu trên dưới, thì cả thân thể đều hiện sắc xuân. Trau mình thuần thực, đối cảnh quên tình, hái lấy linh được, dùng dương mà chế âm, dưỡng thành thánh thai, hiệu là chơn nhơn.

Bạch-Tẫn lão-nhân nói rằng: "Thường thường giữ được cái biết ở với ta thì biết tức là làm đó. Một lời này chẳng phải người thấu đáo chỗ bí yếu thì chẳng nói ra được. Còn luận về yên nghỉ, mỗi ngày mới mẽ, một nháy mắt cũng tồn, một hơi thở cũng dưỡng, ngày này cũng tấn, tháng kia cũng thêm, thiên lý phải giờ giờ tồn dưỡng, nhơn dục phải bữa bữa giảm tiêu, thì lại là lời giải trong 12 giờ chẳng lúc nào là quên đi được."

Ghi Chú:

(1) Tồn là gìn giữ, dương nuôi năng. Phải gìn giữ cái tâm, thì mới nuôi năng cái tánh được. Sau sẽ có bài giảng rõ phép tồn dưỡng.

(2) Tập là tâm thuần không gián đoạn, hi là tâm tỏ chẳng bị che.

Chương 38: NGÔN (lời nói)

Lời nói Thánh Hiền dạy thế nhơn,
 Suy cùng nghĩ cạn, tỏ thiên chơn,
 Nghe lời phản quán năng tu sửa,
 Đắc lý cùng chẳng bởi phân hườn.
 Phân hườn chơn tánh phát chơn ngôn,
 Lời nói tỏ tường biết đại khôn,
 Không phải đồng thanh không đáng nói,
 Thà cam im lặng giữ sinh tồn.
 Tôn tâm dưỡng tánh học vô vi,
 Tri giả bất ngôn, ngôn bất tri,
 Tai điếc mắt ngơ là thượng sách,
 Tự mình tu học, tự mình thi.

Lời của thánh hiền nói ra đều là sự thiệt. Y theo đó mà làm, có thể trau thân, có thể trị người. Phàm đọc sách cần phải đọc cho thiệt hiểu, rồi nhìn cho ra cái nghĩa hiểu đó ở trong thân mình, mới là có chỗ đắc lực (1), 12 giờ là giờ tỵ, giờ sửu, vân vân. Nói theo bây giờ là 24 giờ, nghĩa là một ngày trọn.

Theo sách Đại Học, công phu hạ thủ (2) toàn ở tại "cách vật trí tri". Đọc một tạng kinh phật, không bằng xem kỹ một quyển Tâm kinh; xem kỹ một quyển Tâm kinh, không bằng hiểu thấu suốt ba chữ "quán tự tại" (3). Cuốn Đạo Đức kinh có năm ngàn chữ, mà cốt yếu chỉ có trong bốn chữ "hư tâm thật phúc" (4).

Cái bệnh của kẻ phàm phu là hay bàn nói chuyện thị phi của người, cái bệnh của người học Đạo là hay chấp lấy lẽ phải của mình. Ta thường tự răn mình mà rằng; mấy năm về trước, học hỏi biết được nhiều, hay được nhiều; còn việc làm gần đây, hoặc

vịnh thi, hoặc đặt bài, kiểm điểm lại coi, đều có tâm bệnh. Nay cần phải gấp trừ, lảng lạng mà sưu tầm

Thiên hạ trị loạn, giả điếc không nghe. Nhơn gian thị phi, làm lơ chẳng luận. Hình ngáo ngáo ngơ ngơ, chí trơ trơ vọi vọi. Xét muôn loài chẳng có, coi ba cõi đều không, trần duyên đoạn hết, thần khí về nguồn, thì Đại Đạo đã xong, còn phải tìm ai nữa? Mỗi lời thiệt hành, mỗi câu chiếu đối, vì ngày giờ có hạn, chớ theo lối cũ hoài.

Ai giữ lời nói và việc làm được phù hợp với nhau, Thánh nhơn khen người ấy là người quân tử. Ta nói được mà làm không tới chỗ nói đó, Thánh nhơn chê ta là gỗ mục (hủ mục), là đất phẩn (phấn thổ).

Có kẻ hỏi: Ông là người nhà Nho, sao lại mỗi việc chi cũng đều dẫn lời của Phật?

Đáp: Người nhà nho đời này thấy danh lợi thì động lòng, chỉ vụ học hư văn (học nhớ chữ chớ không lo thiệt hành), để cầu đặng ngôi lộc. Cũng có người chán thế bỏ trần, ra khỏi được cảnh này, nhưng lại chẳng tưởng đến minh đức, tân dân (5) là vật gì, tri chỉ, năng đắc (6), là sự gì? Họ thường hay trái với Đạo Nho mà mong cầu Tiên, cầu Phật, chẳng biết chỗ nhà Nho gọi Thánh tức là Đạo với Thích gọi Tiên, Phật đó.

Nếu ta cho lời Phật, Lão là kỳ quái mà không nói đến, thì họ cũng sẽ cho ta chưa biết cái bí diệu của họ, Ta với họ tranh phe lập đảng, mỗi bên dựng cờ đánh trống, lổ nhổ lảng nhăng, biết chừng nào rồi.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Mỗi khi người đời xem sách, ta thấy họ đọc như ruồi ngựa chợ đông. Cái phần thô kệch họ còn chưa thấy rõ ràng thì sao dám bàn bạc tới chỗ nhỏ nhem? Sao dám mong hiểu

thấu chỗ diệu huyền cho nổi?

Người xưa nói: Thơ đọc thiên biến, kỳ ý phương kiến. Nghĩa là: Sách đọc qua một ngàn lần, mới là hiểu rõ ý sách. Ôi! Nếu cứ vội gấp như vậy mãi, dầu có đọc hết năm xe, cũng là không ích!"

Ghi Chú:

(1) Đắc lực nghĩa là lấy sức mà làm một việc gì, được kết quả mỹ mãn, không đến phải luống công.

(2) Hạ thủ nghĩa là khởi công, mới phát làm một việc chi.

(3) Cõi giải trong bài 43 chữ "Quán"

(4) Cõi giải trong bài 54 chữ "Thái Cực".

(5) Sách Đại Học nói rằng: "Đại Học chỉ Đạo tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện", nghĩa là: Cái Đạo đại học là phải làm cho sáng cái minh đức (cái tánh Trời phú, khác với tánh khí chất), làm cho mới dân, là phải hướng về cõi chí thiện.

(6) Cũng sách ấy nói rằng: "Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tịnh, tịnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc", nghĩa là: biết hướng biết chỗ phải đi tới (mục đích) thì mới quyết định, quyết định thì mới lạng lẽ (không tương qua nhiều việc khác), lạng lẽ thì mới yên ổn, yên ổn thì mới dễ bề suy nghĩ (xử việc tinh tường), suy nghĩ rồi mới có thể đặng (là đặng đạt tới cõi chí thiện).

Chương 39: TỈNH SÁT (xem xét)

Hằng ngày xem xét cái lương tâm,

*Kiểm điểm lương tri học hỏi thâm,
Khắc trị lỗi lầm năng chủ kính,
Đi vào thanh tịnh vạch cao thâm.
Thâm thâm Trời cao có khiếu linh,
Người tu tự ngộ ở trong mình,
Biết gìn linh khiếu tu tinh tấn,
Trở lại đường xưa Đạo chiếu minh.
Minh tâm kiến tánh xét âm thầm,
Chăm chỉ nhìn tường, Phật tức tâm,
Khắc kỷ tánh phàm cần quả quyết,
Công phu tồn dưỡng chỗ thâm trầm.*

Tỉnh sát là xem xét cái tâm của mình coi trong một ngày là 12 giờ, nó ở trong mấy giờ, nó ra ngoài mấy giờ. Người làm như vậy tự nhiên có chỗ đắc lực.

Xưa có ông Trần Liệt tự xét cái tâm của mình, rồi dùng đậu đen, đậu trắng để ghi cho nhớ: hễ khởi một ý lành thì lấy một hạt đậu trắng bỏ vô trong mâm, hễ khởi một ý dữ thì bỏ vô trong mâm một hạt đậu đen.

Mới ban đầu thì đen nhiều, kể thì trắng đen bằng nhau, lâu thì đậu trắng nhiều hơn đậu đen. Lâu nữa thì còn rỗng là đậu trắng, không có một hạt đậu đen. Lại lâu thêm nữa cho tới đậu trắng cũng không. Cái phép này tuy vụng về mà cũng có thể dùng được.

Tỉnh sát tức là xem xét, khắc trị tức là trừ lỗi, tồn dưỡng tức là chủ kính (dè dặt).

Đại Đạo tuy không tu không chứng, mà trần tình phải càng giảm càng tiêu. Con người chỉ có một cái tâm, giữ nó ở trong là cái tâm gì? Vứt chút nó chạy ra ngoài, lại là cái tâm gì? Xét được nó cho rành rẽ, rồi

sau mới có thể tu tới nữa.

Tinh sát phải chăm chỉ, khắc trị phải quá quyết, tồn dưỡng phải thơ thới.

Đó là ba thứ công phu thường bữa phải dùng đến luôn, cho tới chừng nào hết công phu gì phải dùng nữa mới là thành công

Có người nói chẳng cần nhọc công cũng vượt ngay qua bể ngạn chớ đâu dám nói người nào cũng đều làm được như thế cả.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Ba thứ công phu đó là cái bí quyết phải giữ hằng ngày trong cửa thánh. Người có chí làm thánh, làm hiền, chớ nên xem thường mà bỏ qua."

Chương 40: KÍNH (dè dặt)

*Bốn tánh Linh Quang vốn tự tồn,
Lâu ngày che lấp mất tinh khôn,
Làm sao hé mở trong giây lát,
Mới ngộ đường vào chánh pháp môn.
Môn pháp người tu tự kính tâm,
Diệt trừ phiền não, giữ âm thầm,
Chuẩn thẳng, quy củ trong muôn việc,
Tự giác tự tồn chớ thậm thâm.
Thậm thâm do bởi tự lòng thôi,
Chủ kính luôn luôn chẳng đổi dời,
Thần định, tâm chuyên, năng tiến hóa,
Bảo ngươn thủ nhứt, Đạo xong rồi.*

Cái bốn tánh linh quang của người không có sanh hay diệt, mà cũng không có tăng hay giảm. Tuy

nó bị che tối lâu ngày, mà hễ vừa phát chiếu ra, thì có thể tiêu diệt muôn ngàn điều ác, mà sanh ra muôn ngàn điều thiện. Chỉ bảo thủ linh quang cho được thường tại (còn chiếu hoài), thì ta với Thánh nhơn có khác gì?

Có kẻ hỏi: Làm sao mà bảo thủ linh quang cho được thường tại, phải là kính không?

Duy có kính mới là bảo thủ linh quang thường tại. Giới thận (răn dè), khủng cụ (e sợ) (1) là kính, căng căng nghiệp nghiệp (nộp nộp trong lòng) (2) cũng là kính. Kính thì không sanh lòng tưởng quấy, không tin việc ám mờ. Có phải là chỗ cốt yếu để tồn tâm, cái phép tắc dùng tu kỷ đó chăng? Từ xưa, Thánh nhơn lấy đó mà truyền tâm cho nhau.

Nay con người sửa áo khăn, định tư lự, tự nhiên sanh lòng kính. Kính là chỉ phải chủ nhứt. Chủ nhứt thì tự nhiên tà, giả không xen. Tâm là chủ cái thân, kính là chủ cái tâm.

Người bước vô chùa miếu bèn sanh lòng kính là vì thấy ở trên cốt thần. Còn ở tại thân mình, cũng có một vị thần rất chơn, rất thiết ở bên trong, mà chẳng tưởng đến, để duôi chẳng biết kính là có sao?

Trình Minh Đạo nói rằng: Lúc viết chữ, tôi rất kính; chẳng phải muốn gò chữ cho tốt, chỉ học cái kính mà thôi.

Trình Y Xuyên nói rằng, Châu Tiên Sanh dạy: nhứt nghĩa là không lòng dục. Kẻ tầm thường làm sao mà giữ được không lòng dục? Chỉ có một chữ kính đó, bất kỳ đi đâu cũng đeo nó theo, nắm nó chặt. Cứ như vậy mà làm, lúc nào cũng tỉnh mình đừng để muội mê thì một hai ngày sẽ thấy hiệu quả.

Qui củ (3) là vuông tròn tột bực, chuẩn thẳng (4) là bằng thẳng tột bực. Người nào bên phải có qui củ, bên trái có chuẩn thẳng, thì người đó là người tột bực (hoàn toàn).

Qui củ chuẩn thẳng là gì? Là lẽ đó. Lẽ lấy sự kính làm gốc. Trong nước không có lẽ, đạo tặc dấy lên thì nước mất

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Châu Tử giải chữ kính là chủ nhứt, nghĩa là chủ ý tưởng vào một việc mà thôi, chớ không tưởng sang qua nhiều việc khác. Ai chủ nhứt được thì tâm chuyên thần định, tư tưởng quang xiêng chẳng thể dấy lên được.

Phép này, Đạo gia gọi là bảo ngưng thủ nhứt, Thiên Gia kêu là bất nhị pháp môn."

Ghi Chú:

(1) Sách Trung Dung nói: "Đạo đã giả bất khả tu du ly dã, khả ly phi Đạo dã. Thị cố quân tử giới thân hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn". Nghĩa là: Đạo chẳng khi bỏ lìa ra giây lát, nếu lìa ra thì chẳng phải Đạo. Cho nên người quân tử e dè chỗ mình không thấy, e sợ chỗ mình không nghe (tuy không thấy, không nghe, chớ cũng chẳng dám khinh dể).

(2) Kinh Thi nói: "Căng căng nghiệp nghiệp, như đình như lôi", nghĩa là nóp nóp lo sợ cũng như nghe sấm nghe sét.

(3) Qui là cơ xoa (compas) để vẽ vòng tròn. Củ là thước nách để lấy góc vuông.

(4) Chuẩn là ống nước (niveau deau) để cân cho bằng. Thẳng là dây mực để vạch đường thẳng.

Chương 41: KHẮC TRỊ (trừ lỗi)

*Khắc trị phạm tâm phải quyết tâm,
Tĩnh soi đi đứng, lúc ngồi nằm,
Tánh phạm quen tật hay đời đời,
Mỗi nhựt thường hành phép định nam.
Nam Mô chí quyết chẳng lơ là,
Mỗi động thông thường chớ bỏ qua,
Khắc trị lâu ngày quen chủ kính,
Mới hay khẩu khuyết Phật Di Đà.
Di Đà tận độ khắp quần linh,
Hay dờ, nên hư, cũng tự mình,
Mình quyết sửa mình nên Phật Tánh,
Mới hay diệu dụng pháp vô sanh.*

Thánh Nhơn có nói rằng: "Vi học nhựt ích, vi Đạo nhựt tổn" (1). Nghĩa là: Sự học càng ngày càng thêm, việc Đạo càng ngày càng bớt. Bớt đây là bớt chỗ thái quá để đạt tới ngôi trung, là bớt ngọn để trở về gốc, là bớt nhờn đục để trở về thiên lý.

Phạm trăm điều tà dục, trước cần phải khắc kỷ (2). Khắc kỷ cũng như đối với kẻ thù nghịch, trước phải biết chỗ trú của chúng nó, rồi sau mới đem binh công phạt, phá hang, đốt ổ của chúng nó, làm cho tuyệt giống, tuyệt nòi, mới là đặng thái bình.

Tự trị phải cho nghiêm, như kẻ nông phu giẫy cỏ trước phải đào lấy hết rễ, thì sau mới khỏi lo nó mọc lại.

Tĩnh sát cũng là trừ kẻ giặc, một khắc cũng không để cho nó thông thả. Khắc trị cũng như giết kẻ giặc, thì phải một đao chặt lìa hai đoạn (chặt một đao

cho ngon, ý nói đừng dung vị). Những kẻ muốn trừ nhờn đục thì phải làm như thế đó, rồi sau mới được thành công.

Khắc trị là trừ bỏ cái điều mình vốn không có. Phải biết rằng trước kia tự nhiên không có, chớ chẳng phải khắc trị rồi sau mới không.

Tồn dưỡng là giữ, nuôi cái điều mình vốn có. Phải biết rằng trước kia sẵn có, chớ chẳng phải vì tồn dưỡng rồi sau mới có.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Kẻ mới tấn Đạo phải khắc trị như vậy, ráng làm như vậy mới phải là người chơn học Đạo; sau này mới có thể hi vọng thành công. Bằng không vậy, cứ mơ mơ màng màng, mai thấy sốt sắng, chiều lại sụt sè, tuy đến tuổi già, cũng còn mắc trong vòng cát bụi (không thoát được chỗ dơ bẩn)."

Ghi Chú:

(1) Coi cuốn Đạo Đức kinh chương thứ 48.

(2) Khắc kỷ là khắc trị tư.

Chương 42: CHỈ

*Động tịnh coi chừng tánh qui ma,
Chấp nhờn, chấp ngã vẫn còn tà,
Đem tâm để lại sau lưng vậy,
Thì chẳng có người chẳng có ta.
Ta biết quên ta chẳng chấp người,
Tâm ta hằng ngự ở cung trời,
Ở yên một chỗ không dời đổi,
Đoạn dứt trần duyên mới thành thoi.*

*Thành thoi tâm nội bởi quên tình,
Mình biết qui tâm, biết giữ mình,
Không để lục trần theo quyến rũ,
Vô nhờn vô ngã đảo thiên đình.*

Kinh dịch nói rằng: "Cẩn kỳ bối bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhờn." Nghĩa là: để ở (vì đây lấy nghĩa chữ cẩn như chữ chỉ) phía sau lưng mình, thì chẳng đặng (chẳng có) ta; đi nơi trước sân mình, thì chẳng thấy người (ý nói động tịnh đều chẳng sanh lòng nhờn ngã).

Nhơn tâm không đặng tịnh là bởi thị dục khuấy rối. Trong thân người, chỗ nào cũng động cả, duy có phía sau lưng thì không động mà thôi. Trong cả thân mình đều có dục cả, duy phía sau lưng không có dục mà thôi.

Cho nên Văn Vương dạy người phải chỉ tâm (đem tâm để ở) nơi phía sau lưng.

Bất hoạch kỳ thân, nghĩa là vong ngã (quên ta). Vong ngã thì cội rễ sanh lòng dục phải tuyệt.

Đây là tịnh mà chỉ.

Bất kiến kỳ nhờn, nghĩa là vong nhờn (quên người). Vong nhờn thì các việc khêu lòng dục đều tan. Đây là động mà chỉ.

Ta thử nghĩ: Dân đến ở bang kỳ (kinh đô), chim đến ở khuu ngưng (góc núi). Phàm mỗi vật đều lựa chỗ phải mà ở, hà huống là tâm của con người!

Trình Tử nói rằng: Tâm của người phải có chỗ ở, không chỗ ở nó nghe theo vật ngoài, thì đến đâu lại không sanh quấy.

Chữ chỉ có hai nghĩa: Một là ở yên một chỗ mà chẳng đổi dời, Hai là đoạn dứt mọi việc mà chẳng

làm lại nữa. Hai nghĩa này giúp lẫn nhau, mà làm phương châm vào Đạo.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Bất hoạch kỳ thân là vô ngã, bất kiến kỳ nhơn là vô nhơn, theo đây thì đủ thấy Văn Vương xưa kia đã dạy vô ngã, vô nhơn rồi, nào phải đợi có Phật nhập Trung Quốc rồi mới có luận qua vô ngã, vô nhơn đâu!"

Chương 43: QUÁN

*Quán xét lương tâm học Đạo màu,
Coi chừng tâm tánh chạy đi đâu,
Đem tâm trở lại nơi vô ngại,
Vốn thật không cần cũng chẳng cầu.
Thâu tâm, tâm động, biết làm sao?
Kiến tánh, tánh rong, tính lẽ nào?
Hãy mượn "Kim Cô" mà khắc tri,
Quên thân cho dứt sạch tâm sầu.
Sầu thương thân phận bởi u mê,
Xuống thế lâu năm lạc lối về,
Nếu biết Chơn Như hằng tự tại,
Quán thông tâm pháp khỏe trăm bề.*

Con người từ khi thức dậy, lo lắng cả ngày, thiệt không thể biết được cái tâm đi hướng nào đâu. Hay là có kẻ biết cầm nó lại mà hay dùng cách cưỡng chế, cưỡng chế thì trở lại có hại cho tâm mình.

Âm Phù kinh nói rằng: "Hỏa sanh tai mộc, họa phát tất khắc", nghĩa là: Cây sanh ra lửa, mà lửa dấy lên thì họa đến cây, cây phải bị thiêu, là nói về cái tâm đó. (Cũng như nói: Tâm sanh ra tà, mà tà dấy lên

thì họa đến tâm, rồi tánh phải loạn). Cái tâm rất hoạt bát mà thần diệu, phải bình cái tánh của nó, thuận theo cái cơ của nó để dưỡng nó, chẳng cho một mảy phóng dật, một mảy miễn cưỡng, một mảy gián đoạn, thì mới có thể gọi là phép dưỡng tâm.

Đức Khổng Tử nói rằng: Chỉ vụ chí thiện (1). Đức Lão Tử nói rằng: Tợ hoặc tồn (2). Thích nói rằng: quán tự tại (3). Số là cái thần của con người ở trong tâm, mà cơ của tâm ở ngoài mắt. Hễ mắt dùng vào trong thì tâm cũng theo nó vào trong, cho nên nói quán tự tại.

Quán tức là phản quán (xem ngược lại). Mắt ở tại đó thì tâm cũng tự nhiên ở tại đó. Nếu con người xem ngược vào đó, lâu rồi chẳng những tâm ở tại đó, mà rốt cuộc cũng sẽ định nữa. Thần khí hễ được định, thì hoảng hốt (dáng mập mờ) như mới tỉnh giấc, kỳ thiệt như trời đất giao thời, khó mà tả chỗ huyền diệu cho cùng tận.

Liễu Tâm kinh nói rằng: Ta tu không biết mấy ngàn kiếp đến giờ, do quán tâm mà đắc đạo.

Khi mặt trời chen lặn thì, ở trong nhà, cái tối này ở đâu lại cũng không biết. Đến lúc đốt đèn lên thì cái tối kia đi chỗ nào cũng không rõ. Không lý ánh đèn đuổi bóng tối, bóng tối có tình gì mà sợ đèn. Phải hiểu rằng: Hễ đầu này có thì đầu kia mất không phải hao một tí sức lực gì cả.

Ghi Chú:

(1) Chỉ vụ chí thiện (hay là chỉ ư chí thiện), nghĩa là: Chăm chỉ về tốt lành, lấy đó làm gốc rễ cho mỗi việc làm.

(2) Kinh Đạo Đức, chương thứ tư nói: Trạm

hề, tợ hoặc tồn (hay là tợ nhược tồn), nghĩa là; Cái đạo thanh tịnh vô vi không thấy hình dạng mà dường như là có, chớ không phải thiệt không

(3) Quán tự tại nghĩa là xem ngược vào chỗ tự tại, tức là chỗ vô thủ, vô chung, bất sanh, bất diệt. Theo Nho và Đạo, chỗ tự tại này không phát ra là Vô cực, mà phát ra là Thái cực.

Quán tự tại có nhiều nghĩa khác nữa, nhưng không phải cái nghĩa dùng trong bài này, xin miễn bàn.

Có thể lấy ánh đèn mà tỉ dụ sự giác chiếu, lấy bóng tối mà tỉ dụ tánh vô minh. Phải xét tường rằng các pháp quá khứ mập mờ như trong giấc mộng, các pháp hiện tại mau lẹ như thấy điện chớp, các pháp vị lai đen tối như thoa sơn đen. Lại xét tường qua hết thấy các pháp hữu vi trong thế gian vụt chút biến hoại, muôn kiếp đến giờ ta vì nó mà chịu không biết bao nhiêu khổ não, thì khá sớm lánh cho xa. Đi đứng nằm ngồi đều phải làm luôn hai phép là vừa chỉ, và quán. Chỉ là tịch tịnh (lẳng lặng), quán là tinh tỉnh (tỉnh giác), nghĩa là lẳng lặng mà chẳng mê muội.

Có kẻ hỏi: Sao gọi là minh tâm (sáng cái tâm)?

Hư tâm (trống cái tâm) tức là minh tâm. Bốn tướng tuyệt như không, muôn pháp đều chẳng động.

Sao gọi là kiến tánh (thấy cái tánh)?

Suất tánh (noi theo cái tánh) tức là kiến tánh, chẳng biết chẳng hay là pháp của Thuận Đế (1).

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng, Mạnh Tử nói: đạo học vấn không có cái gì khác hơn là cầu kỳ phóng tâm (tìm cái tâm phóng ra ngoài mà đem ngược trở

về).

Kinh dịch nói rằng: Thành tánh tồn tồn, đạo nghĩa chi môn. Nghĩa là: giữ tánh thành khư khư, đó là cửa đạo nghĩa.

Vậy thì đủ biết cái tâm của con người dễ phóng mà khó thu tại đó. Nếu bằng mỗi khắc mỗi hồi quang, mỗi giờ mỗi phản chiếu, công phu ít thì sẽ thấy tánh sáng tâm, còn công phu nhiều ắt sẽ thành tiên làm tổ. Câu quán tâm mà đắc đạo, trong Liễu Tâm kinh, có phải là lời dối gạt ai đâu!"

Ghi Chú:

(1) Mỗi việc cứ noi theo tánh Trời phú mà hành động một cách tự nhiên, không chút miễn cưỡng.

Chẳng biết chẳng hay nghĩa là có biết có hay mà chẳng tự dụng chỗ biết chỗ hay của mình.

Chương 44: TỒN DUỖNG

*Tồn tâm dưỡng tánh kiến Như Lai,
Hàm dưỡng bốn nguyên ấy biệt tài,
Phản quán trở về tâm tự tại,
Lo chi không đảo nhập Diêu Đài.
Diêu Đài nhàn lạc cõi thiên thiên,
Kiến tánh minh tâm ấy định thiên,
Đi đứng nằm ngồi hằng định huê,
Mới tường giống quý cõi tiên thiên.
Thiên nhơn nhập nhứt cõi trần gian,
Thần khí qui căn học đạo nhân,
Chẳng phải tánh trần, tâm thoát tục,*

Mới hay giống Phật hiệu Kim Cang.

Tồn dưỡng hai chữ vốn chẳng lìa nhau. Nếu chẳng tồn (câm lại) được, thì dưỡng (nuôi nấng) cái gì? Tồn cái tâm của mình, tức dưỡng cái tánh của mình. Chưa phát ra thì phải tồn dưỡng, đã phát ra rồi thì phải tỉnh sát, thấy ý riêng (chẳng phải công lý) thì phải khắc trị, khắc trị xong lại phải tồn dưỡng. Ba phép này làm công dụng lẫn cho nhau một khắc cũng chẳng nên cho gián đoạn.

Tồn tâm chẳng phải lấy sức mà trì kéo nó lại. Chỉ phải gìn lòng trong sạch, ít tham dục mà thôi. Phải biết rằng hể mình sáng suốt (giác) thì cái tâm này nó lại, mình chẳng sáng suốt thì nó đi.

Vậy phải làm sao rồi tâm mới thường sáng suốt, thường chẳng đi ra ngoài? Chỉ nhờ tập cho nó quen tánh mà thôi. Thường thấy người ta nuôi loài chim rừng, tuy nó chẳng phải là loài thú nhà, mà vì nuôi lâu nó quen, thả ra nó cũng không chịu đi rồi, thì có lẽ nào nó còn muốn đi đâu nữa.

Châu Tử nói rằng: Cái công hàm dưỡng bốn nguyên (1) rất dễ gián đoạn. Nhưng mà vừa biết gián đoạn tức là trong đó có chấp nối rồi. Chỉ cần thường tự đánh thức, góp nhóm từ phân từ tác, thì chỗ dứt lâu lâu tự nhiên liền lại, làm một phiến mà thôi.

Hể tinh khí thần được dưỡng theo phép mà tăng tiến thì sống, còn thất chỗ dưỡng mà tiêu hao thì chết. Thử xem trong một ngày, nhờ dưỡng theo phép mà tăng tiến là bao nhiêu, vì thất chỗ dưỡng mà tiêu hao là bao nhiêu, thì sống chết có thể tự mình biết được, không cần phải dùng phương pháp gì ở ngoài mà xét đoán.

Cái công phu của người học đạo thì phải một ngày một thêm cần mật, một giờ một thêm cần mật, lâu được thuộc quen, thì chừng đó mới là cùng Đạo hiệp làm một vậy.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Con người hay phản quán thì thần khí trọn về phía trong, Thần khí đã về phía trong thì có lẽ nào không được khước bịnh diên niên (hết bịnh thêm tuổi hay sao).

Trong cuốn Ngũ Lục của Ông Khuru Tổ, Ngài chẳng chẳng lấy đó mà dẫn người ta vào Đạo, Nhưng có người chẳng tuân, không chịu tin theo, là tại sao? Ấy là vì công phu tồn dưỡng khó mà quen được. Hể quen thì nhồi thành một phiến, theo Nho thì gọi là: tức tâm tức lý, theo Thích thì gọi là: tức tâm tức Phật, theo Tiên thì gọi là: dữ Đạo hiệp chơn (cùng Đạo hiệp một lý chơn).

Người thế đi nửa đường rồi bỏ ngang, đều là bởi tâm sanh, hể tâm sanh thì công phu gián đoạn. Trong cuốn Tây du ký, tới hồi thứ 97, 98, tác giả mới dám nói vượn thuộc ngựa quen (2). Ôi! Cái tánh quen thuộc này có phải dễ mà nói ra đâu.

Ghi Chú:

(1) Hàm dưỡng bốn nguyên, nghĩa là: hàm sức tồn dưỡng cái thiên tánh của mình.

(2) Trong bộ Tây Du, có nêu hai câu này lên đầu chương thứ 91: Viên thực mã thuần phương thoát xác, công thành hạnh mãn kiến chơn như. Nghĩa là: Vượn thuộc ngựa quen mới thoát xác, công đầy hạnh đủ thấy chơn như. Vượn thuộc ngựa quen đây chẳng phải nói tâm ý, mà thiệt chỉ chỗ viên dung của Đạo thể, sự tất hóa (trộn cái về lành) của công lực.

Chương 45: GIỚI (răn cấm)

Nhỏ lớn đa mang thói dục tình,
 Lâu đời tập nhiễm tánh vô minh,
 Ngó, nghe, làm, nói, năng trì giới,
 Quán xét tâm tình, sự bất sinh.
 Sinh sự rồi ra vẫn sự sinh,
 Nếu không trì giới giải tâm mình,
 Thì ra học Đạo như chơi giỡn,
 Tánh tịch rồi ra vẫn bất minh.
 Minh định lập trường tự tiến tu,
 Phải nhờ phép báu dẫn công phu,
 Tánh năng tự giác, năng trì giới,
 Tự thắng nổi mình mới trượng phu.

Con người từ lúc sanh ra cho đến nay, làm mỗi việc đều theo tình dục. Sự tập nhiễm đã in sâu rồi, một mai muốn cầu đặng thanh tịnh, chẳng phải là chuyện dễ. Cho nên trước phải trì giới (giữ y các điều răn cấm). Trì giới là phải tịnh ba nghiệp. Ba nghiệp là gì? Là thân, khẩu, ý (mình, miệng, lòng).

1. Chẳng hại giết, chẳng trộm cướp, chẳng dâm bôn, là tịnh tu thân nghiệp.

2. Không nói láo xược, không nói đùa bỡn, không đâm thọc hai đầu, không chưởi rửa, là tịnh tu khẩu nghiệp.

3. Trừ tham, trừ sân, trừ tà niệm, là tịnh tu ý nghiệp.

Ngó, nghe, nói, làm, theo tứ vật của Nhan Tử (1) là phép trì giới cao thượng. Khắc, phạt, oán, dục, như bất hành của Nguyên Hiền (2) là phép trì giới thô

sơ.

Sách Luận Ngữ, chương thứ 14, nói rằng: "Khắc phạt, oán, dục bất hành diên, khả dĩ vi nhân hỉ?", nghĩa là: Ngăn cấm chẳng cho phát ra ngoài những tư tình ở trong tâm (bất hành) như khắc là háo chẳng, phạt là khoe mình, oán là hờn giận, dục là tham lam, có thể đạt tới bậc nhân chăng? Đức Khổng Tử đáp rằng: Khó mà ngăn cấm. Theo ta, thì chưa phải là nhân. Tại sao chưa phải là nhân? Vì nhân là rỗng thiên lý, không có bốn bịnh nói trên. Ngăn cấm chỉ là cưỡng chế, rồi rồi gốc bịnh cũng còn, cho nên chưa đạt tới bậc nhân được.

Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử có ba điều răn, là bởi người quân tử thường gìn cái tâm giới thận (răn dè), một đời chẳng để khí huyết nó sử mình. Lại nói rằng: "Người quân tử có chín điều nghĩ, là bởi người quân tử tâm thường tinh tinh (kính giác), chẳng cần phải giữ răn cấm mà tự nhiên chẳng có gì là không ý răn cấm.

Lăng Nghiêm kinh nói rằng: "Nhiếp tâm vi giới, nhân giới sanh định, nhân định sanh huệ", nghĩa là: Kềm tâm mình là giới, nhờ giới mà sanh định, nhờ định mà sanh huệ.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Tịnh tu ba nghiệp là điều răn của Thiên môn (4), tứ vật cửu tư (5) (bốn cái đừng, chín điều nghĩ) là điều răn của Nho môn. Kẻ mới vào học, chẳng khá không mỗi khắc tuân hành, người tới nhà rồi (trọn thành công) chẳng khá không mỗi điều quét sạch.

Ghi Chú:

(1) Nhan Tử tức là thầy Nhan Uyên. Sách

Luận Ngữ, chương thứ 12, nói rằng: thầy Nhan Uyên hỏi làm nhân là làm thế nào? Đức Khổng Tử đáp rằng: Bỏ tư dục của mình, đem lễ là lẽ tự nhiên trở lại, ấy là làm nhân... Thầy Nhan Uyên lại hỏi điều mục (cái nghĩa rõ ràng). Đức Khổng Tử nói: "Phi lễ vật thi, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động", nghĩa là: điều chẳng phải lễ mắt đừng ngó tới, điều chẳng phải lễ lỗ tai đừng nghe tới, điều chẳng phải lễ miệng đừng nói tới, điều chẳng phải lễ tay chơn đừng làm tới.

(2) Nguyên Hiến tên chữ là Tử Tư, nên cũng có chỗ xưng là Nguyên Tư, cũng là học trò của đức Khổng Tử như thầy Nhan Uyên vậy.

(4) Ba điều răn là: Hồi nhỏ răn sắc dục, lớn lên răn tranh đấu, lúc già răn lòng tham.

(5) Chín điều nghĩ có giải trong bài chữ Tư (xin xem lại chữ Tư).

Chương 46: ĐỊNH (yên nơi)

*Động tịnh, trong ngoài vẫn lặng trang,
Tánh hằng ngự trị cõi Nhơn Hoàng,
Vô sinh, vô nhiễm, tâm hằng tại,
Không lụy, không phiền cõi định an.
An tâm, tâm định, tánh về nguồn,
Mặc cảnh trần gian lắm khổ buồn,
Tùy thuận chúng duyên vô quái ngại,
Từ bi hỉ xả khổ trần tuôn.
Tuôn ra muôn loại khổ ưu phiền,
Định huệ là phương đắc hạnh Tiên,*

*Vốn biết tâm sanh là khổ lụy,
Thì nên tồn dưỡng tánh hồn nhiên.*

Sách Định Tánh nói rằng: Định lấy nghĩa động cũng định, mà tịnh cũng định, hay là nói định ở trong mới phải, ở ngoài chẳng phải, không bằng trong ngoài đều quên. Quên cả hai thì trong tâm mới thiệt lỏng trong vô sự. Vô sự mới định, thì khi ứng tiếp có chi mà làm lụy cái tâm được.

Tâm vốn muốn định, nhưng nếu chẳng định được, thiệt do niệm làm lụy. Nếu bằng dứt niệm gìn tâm, không có gì làm loạn cái tâm này nữa, thì tâm tự nó định.

Vân Môn nói rằng: Sơ thiền niệm trú, nhị thiền tức trú, tam thiền mạch trú, tứ thiền diệt tận nhập bồ đại định. Nghĩa là: bậc thiền định thứ nhất là hết niệm, bậc thứ nhì là hết thở, bậc thứ ba là hết mạch, bậc thứ tư là diệt hết, nhập vào cảnh đại định.

Phải biết rằng phép định có ba loại:

1. Thiên sanh định, là nói bốn tánh tịch nhiên (vắng lặng), vốn tự mình chẳng động.

2. Tu thành định, là nói hàm dưỡng đến thuần túy, tự tánh lắng trong.

3. Vũ thái định, là nói: hư tâm thuận lý (trống lòng theo lý), làm theo lối vô sự.

Trang Tử nói rằng: Vũ thái định phát sanh thiên quang.

Người xưa đắc đạo là nhờ dùng sự điềm đạm mà dưỡng trí.

Trí sanh mà không biết dùng vào đâu, gàn ngu chớ chưa ngu, thế sự không biết đến, thân tâm êm chẳng động, ấy là tới lúc phát tam muội

(samadhi). Luận về nguyên nhân thì gọi là chỉ quán, luận về kết quả thì kêu là định huệ.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: " Quên cả hai tức là cách tọa vong (ngồi mà quên) của Nhan tử. Tới mức quên cả hai thì có lo gì không định."

Chương 47: HUỆ (trí sáng)

*Lòng người như nước dễ sấm soi,
 Nếu khuấy đục lên, ắt khổ rồi,
 Biến lặng minh châu hằng xuất hiện,
 Im lìm lặng lẽ trán rình coi.
 Cõi tánh Bản Lai ẩn chỗ nào?
 Nhơn không huệ trí, rõ âm hao,
 Pháp không huệ chiếu, muôn duyên dứt,
 Không huệ không tình, Đạo tự cao.
 Cao nhơn còn đắm chỗ thương tình,
 Vì bởi còn mê hữu lậu danh,
 Hư vọng dứt đi, năng giải thoát,
 Vô sinh vô tử, có gì tranh.*

Vũ thái định nghĩa là: Khí vũ (rộng rãi), nhàn thái (thảnh thơi), thì được tịnh định

Ngạn ngữ nói rằng: Lòng người như nước, để nó lắng trong thì mới có thể soi mặt mày. Nếu khuấy đục lên, thì ngôi trời đất xáo lộn. Phải biết rằng huệ có ba đường:

1. Nhơn không huệ, là nói rõ thấu phép vô sanh, nên vô ngã, vô nhơn.

2. Pháp không huệ, là nói biết năm ấm và các pháp làm duyên (sanh ra muôn vật) là giả chớ chẳng

phải thiệt.

3. Không không huệ, là nói hiểu cảnh và trí đều không và cái không này cũng là không nữa.

Kẻ mới tập tu định thành linh phát thần thông, hoặc biết việc quá khứ đời trước, hoặc biết việc vị lai ngày sau, hoặc đặng trí tha tâm, nói năng thông suốt. Đó không chi khác chỗ mà nhà Nho ta nói: "Chí thành chi đạo, khả dĩ tiên tri" (1), nghĩa là: người đặng đạo chí thành, có thể tự mình biết trước sự sẽ đến là như vậy đó.

Kẻ học Đạo tới bậc đó hay say đắm về đường danh lợi, về sự cung kính của thế gian. Làm như vậy là thuộc về hữu lậu (2), thần khí vì đó mà chẳng bền vững, nên hay thành thi giải (3). Phải mau bỏ cái phép hữu lậu ấy đi, vì nó là phép hư vọng.

Đạo Đức kinh nói rằng: Tục nhơn chiêu chiêu ngã độc hôn hôn sáng rõ, chỉ ta mập mờ. Kẻ tục biện xét, chỉ ta thờ ơ.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Nước trong có thể soi thấy mặt mày, tâm trong có thể rõ biết sanh tử. Trong cho đến mức vô ngã vô nhơn, ấy mới là chỗ sanh tử bất tương quan (chỗ sanh tử không còn dính dấp với ta nữa) là cơ quỉ thần không xét thấu. Cho nên gọi là Cực Lạc thế giới."

Ghi Chú:

(1) Cõi sách trung Dung, chương thứ 24.

(2) Hữu lậu nghĩa là: Còn gây nghiệp phải đầu thai (hữu) lưu trú trong vòng tam giải (lậu).

(3) Thi giải những người tu tiên chưa trọn thành công mà xác hoại phải bỏ xác (chết). Hạng này có thể đoạt xá, nghĩa là giựt xác của con nít mới để

hay là xác của người lớn vừa chết, như ông Lý Thiết Quài mượn xác của người ăn mày què chín mà tu thêm cho đến liễu đạo vậy.

(4) Cõi đạo Đức kinh, chương thứ 20.

Chương 48: THÀNH (chơn thiệt)

*Trọn bộ Trung Dung giải chữ "Thành",
Thật lòng, thật dạ, thật vô danh,
Bất tranh, bất chấp, là vô ngã,
Vô kỷ, vô cầu, sự bất sanh,
Sanh cõi trần gian khổ với thân,
Trong thân hằng có Bốn Ngươn Thần,
Thần minh hằng độ thân vô nhiễm,
Chí thiện chí chơn chẳng mất phần.
Phần đạo phần đời đáng trọng phu,
Thành tâm sửa lỗi mới rằng tu,
Mỗi giờ mỗi khắc không quên tánh,
Trọn giác trọn lành chí liệt nhu.*

Một bộ Trung Dung chỉ nói về chữ thành. Chơn điều lành mà gắng giữ là việc làm để đạt tới lòng thành (1). Tham tán vị dục (2). Nghĩa là xen vào hàng Trời Đất mà trợ Trời Đất yên ngôi, muôn vật thỏa sống, là công trình của bực chí thành.

Trong chương thứ nhứt, lại nói: Trí trung hòa, thiên địa vị diên, vạn vật dục diên, nghĩa là: Suy tốt trung hòa thì Trời Đất yên ngôi, muôn vật thỏa sống.

Đây là bực thánh nhơn.

Chí thành (đặng trọn chơn thiệt) gọi là thánh,

tức là thiên đạo (3). Tồn thành (gắng giữ chơn thiệt) gọi là hiền, tức là nhơn đạo (3).

Làm theo trời mới được nên người. Trọng đạo người mới có thể hiệp cùng Trời. Cho nên nói: đến khi thành công rồi, chỉ có một mà thôi.

Đạo của Trời Đất chỉ nhờ có lòng thành mà sanh dục được muôn vật, đạo của đế vương chỉ nhờ có lòng thành mà cảm hóa được muôn dân, đạo của thánh hiền chỉ nhờ có lòng thành mà trợ giúp được muôn vật.

Dè dặt một mình (thận độ) (4) khoách sung mối lành (trí khúc) (5), là cái công phu rất trọng yếu để cầu thành mỗi ngày khoảng trời đất không đâu là chẳng có quỷ thần. Người tuy chẳng thấy quỷ thần, chớ sao lại chẳng thấy trời đất. Quỷ thần là cái linh diệu của trời đất, còn trời đất là cái dấu tích của quỷ thần. Người quân tử sợ mạng Trời đất là cốt ý sợ quỷ thần đó.

Người thế dám làm điều chẳng nên làm, chỉ sợ người biết mà chẳng sợ Trời biết. Kẻ sợ người biết là dối giả, ấy là kẻ tiểu nhơn. Người sợ Trời biết là chơn thiệt, ấy là người quân tử.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Nhà nho trừ hết dối trá, thì gọi là chí thành. Chí thành đó là thánh nhơn. Phái Đạo luyện hết âm tà, thì gọi là thuần dương. Thuần dương đó là chơn chơn. Sao chẳng biết thành tức là chơn, chơn tức là thành vậy ?

Người xưa nói rằng: Thiên hạ vô nhị Đạo, chí nhơn vô lưỡng tâm, nghĩa là: Dưới trời không hai Đạo, người thánh chẳng hai lòng. Lời này thật là đúng lắm.

Ghi Chú:

(1) Sách Trung Dung chương thứ 20, nói rằng "Thành giả, bất miễn nhi trúng, bất tư nhi đắc, thung dung trúng đạo, thánh nhơn dã thành chi giả, trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã." Nghĩa là: Người đặng trọn chơn thiết chẳng phải ra sức gắng công mà làm đúng theo Đạo, cũng chẳng cần phải lo nghĩ mà làm theo đó được ngay, thành thoi mà nhằm Đạo là bực thánh nhơn. Kẻ muốn đặng chỗ chơn thiết (mà mình chẳng có hay là đã mất rồi) thì chọn điều lành mà gắng giữ (đây là chỉ kẻ học giả).

(2) Sách Trung Dung có nói trong chương 22 rằng: Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tất khả dĩ dữ thiên địa tham hỉ, nghĩa là: có thể giúp việc biến hóa sanh dục của Trời Đất thì mới có thể xem vào hàng Trời Đất (đồng ngôi tam tài).

(3) Thiên đạo và nhơn đạo khác nhau là ở chỗ cố gắng cùng không cố gắng giải trên.

(4) Thận độc là dè dặt một mình mình biết và nghe (coi bài chữ Quỷ có giải nghĩa rõ).

(5) Trí là suy trí, khoách sung. Khúc là một mối, một đoạn. Trí khúc là khoách sung mối lành. Sách Trung Dung chương 23, nói rằng: Kỳ thử trí khúc, khúc năng hữu thành... Nghĩa là: Kế đó là khoách sung mối lành, mối lành mới đặng chơn thiết được. Ý nói: Trên là bực thánh, kế đó là nói tử bực đại thiện sắp xuống tuy có lòng thành mà chưa được trọn. Vậy phải làm cho cái lành đó mới tỏ ra có một mối, một đoạn, được khoách sung đến hoàn toàn.

Chương 49: HIẾU (thảo)

*Hoàng thiên bất phụ hiếu tâm nhơn,
Nhơn đạo làm nên bậc chí chơn,
Chơn tánh hiển dương trang chí thánh,
Thánh Tiên lẫn thế có gì hơn.
Hơn người nhờ bởi trọn lòng tin,
Có Phật, có Trời, có tánh linh,
Có hạng làm người trọn hiếu đạo,
Bởi năng hành Đạo đắc trường sanh.
Sanh ký tử qui, ấy lẽ thường,
Làm sao âm tuyết mới thuần dương,
Khá mau học phép "Hồi Nguyên Bản",
Gởi tặng cho đời một chữ "Thương".*

Hiếu là cội gốc trăm hạnh, là nguồn đầu muôn lành. Lập thân hành đạo (1) là cái hiếu trọn đời. Hầu hạ dưỡng nuôi là cái hiếu muôn thuở.

Lời xưa nói rằng: Cha mẹ sanh ra toàn vẹn, thì tới chết con cũng phải giữ vẹn toàn. Mỗi lần dở chơn, mỗi lần mở miệng, mỗi lần động niệm, chẳng dám quên cha mẹ. Đừng làm lỗi gì phải nhục thân mình, táng lương tâm xấu cha mẹ mới được gọi là hiếu.

Ta lại thường nói: Trời Đất sanh ra toàn vẹn, thì tới chết người cũng giữ vẹn toàn. Mỗi lần dở chơn, mỗi lần mở miệng, mỗi lần động niệm, chẳng dám trái Trời Đất. Đừng làm lỗi gì phải nhục thân mình, táng lương tâm, nghịch chơn lý, mới được gọi là nhơn. Cha mẹ là Trời Đất trong một nhà. Con hiếu thờ cha mẹ như thờ Trời Đất. Cha mẹ thương thì vui mừng mà chẳng quên, cha mẹ ghét thì dầu nhọc cũng chẳng

oán.

Trời đất là cha mẹ của muôn vật. Ở địa vị giàu sang phát đạt mà chẳng vượt vòng phép tắc (ý thể hiếp cô, vâng vâng...) (xảo trá, hà lạm, vâng vâng...).

Có kẻ hỏi: Cha mẹ đã mất, làm sao mà giữ hiếu?

Đáp: Cái thân của con là cái thể của cha mẹ để lại, ráng giữ đừng để cho nó hoại, ấy là thờ cha mẹ đó.

Cái tánh của người ta là cái điểm sáng suốt của Trời Đất ban cho, khéo nuôi đừng để cho nó tán, ấy là thờ Trời Đất đó.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Người được thành Thánh thì kẻ khác kêu cha mẹ mình bằng Thánh phụ, Thánh mẫu. Người được thành tiên, thì kẻ khác kêu cha mẹ mình bằng Tiên phụ, Tiên mẫu. Người được thành Phật, thì kẻ khác kêu cha mẹ mình bằng Phật công, Phật mẫu. Còn người cả đời dung lục (phàm ngu thô tục) ta chẳng biết kẻ khác kêu cha mẹ nó bằng cái gì há.

Ghi Chú:

(1) Cuốn Hiếu Kinh, chương thứ nhứt, nói rằng: "Thân thể phát phu, thọ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chi thi dã. Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển kỳ phụ mẫu, hiếu chi chung dã". Nghĩa là: mình vóc tóc da, chịu lấy của cha mẹ, chẳng dám làm hư hoại, là đầu việc thảo vậy. Làm nên thân phận làm điều đạo nghĩa để tiếng tới đời sau, rõ ràng cho cha mẹ, là cuối việc thảo vậy.

Chương 50: ĐỨC

*Công phu tích đức trở về lành,
Đức vẹn tánh hườn Đạo trọn danh,
Pháp tánh vượt ra vòng đối đãi,
Trường sanh liễu ngộ, đắc vô sanh.
Vô sanh kỳ thật đức vô cùng,
Vô cực vô biên đáng Chí Công,
Năng học thiên nhiên hoà vạn loại,
Mới tường pháp nhiệm Đấng Huyền Khung.
Khung cảnh trần gian lắm dị đồng,
Buộc ràng tâm tánh khó hườn "không",
Ai hay tự giác năng tu đức,
Tỏ rạng lương tri hiếu tận cùng.*

Người đời nay ít ai đặng Đạo. Chẳng phải là Đạo khó đặng, tại biết chưa thiệt, giữ không bền.

Muốn hành công phu nhập đức (vào cõi đức hạnh), trước phải biết cơ vi (1). Muốn hành công phu sùng đức (quí trọng đức hạnh), trước phải giữ thành ý. Muốn hành công phu tu đức (trau sửa đức hạnh), trước phải cải về lành.

Thánh nhơn nói rằng: "Xá đức chi nguyên tử ư xích tử", nghĩa là: Cái gốc chứa đức tử như con đỏ... Con người, khi ban sơ, ai lại không phải là con đỏ? Chỉ trừ cho sạch hết tập nhiễm, trở lại con đỏ khi ban sơ, làm được bấy nhiêu là trọn đức của thánh nhơn rồi.

Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bằng hữu, là năm cái đạt đạo (2) của thiên hạ. Bỏ năm bực này ra mà nói Đạo, tức là ngoại đạo (ra ngoài đạo).

Trí, nhân, dũng, là ba cái đạt đức của thiên

hạ. Bỏ ba thứ này ra mà nói đức, tức là bội đức (trái với đức).

Người đời xưa, mỗi lần giận, làm cho thiên hạ yên. Ta nay cũng lấy cái giận ấy mà làm cho tâm mình yên, mới gọi là đại đồng. Đồng phải có trí trợ sức, có nhân làm cho đến thành công tạc. Ba thứ này phải cho đủ mới gọi là chí đức. Chí đức được lập thành thì Đại Đạo mới ngưng kiết (tụ mà không rời rạc, ý nói kết quả tốt).

Đức Khổng Tử nói: Cứ ư đức. Cứ nghĩa là cố chấp (nắm chặt), đừng sờn chí ngã lòng. Có cái tánh này thì một lần đặng việc chi là đặng luôn luôn, chẳng khi nào sợ mất. Cố chấp lâu rồi quen, quen thì tự đổi ra nhân.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng, Châu Tử nói: Đức là đắc (đặng). Đức là hành đạo có sở đắc trong tâm.

Chúng ta bình thường nên ráng xét nét lấy mình, coi quả có chơn tri không? Quả có chơn đức không? Hết thấy chỗ nghe, chỗ thấy có được chính chắn không? Nếu có thì phải gắng sức làm thêm, bằng không thì tự hỏi mình có yên được chăng?

Ghi Chú:

(1) Một sự biến hóa đều tử ẩn vi mà phát ra hiển hiện, từ gián dị mà phát ra phiên tạp, vì vậy cho nên đạo Nho cốt nhứt là phải biết cơ, thấy cơ. Phải phòng vi đồ tiệm. Cơ vi là cái tiên triệu mới phát rất nhỏ nhem. Đây nói cơ vi ở trong tâm người.

(2) Đạt đạo là con đường xưa nay ai ai cũng đều phải noi theo đó. Đạt đức là cái lý xưa thiên hạ đồng đặng như nhau (coi sách Trung Dung chương

thứ 20).

Chương 51: NHÂN

*Làm người chí mỹ, trọn lòng nhân,
Ngôi Phật, Thánh, Tiên, chẳng mất phần,
Tiên gọi Kim đơn, Phật Xá lợi,
Chơn Nhơn xuất tục thoát phàm trần.
Trần tình trói buộc khách trần ai,
Hay đắm say mê chịu đọa đày,
Nhân giả siêu sinh, chơn Phật đã,
Thánh Tiên thoát tục, cũng chung bài.
Bài học làm người trọn giác lành,
Lương tri hưởng thượng chí cao thanh,
Vượt qua bỉ ngạn, năng tu kỹ,
Trọn đạo vi nhơn, đạo chí thành.*

Nhân giả nhơn dã, nghĩa là: nhân tức là người vậy (1). Kẻ bất nhân mà muốn thành chơn nhơn thì chẳng hề có vậy bao giờ

Theo ta hiểu, nhà Nho gọi nhân, tức là chỗ Phật gọi Xá lợi, Tiên gọi là Kim đơn.

Tâm là cái nhà của nhân, nhân là người chủ trong tâm. Chỉ đem cái tâm này mà quét cho ráo rẻ sạch không, thì liền nghe ngươn khí phục hồi, tay chơn thân thể đều khỏe khoắn, ngoảnh lại xem muôn vật cũng đồng có một vẻ đẹp vui. Cho nên nói: "Nhứt nhứt khắc kỹ phục lễ, thiên hạ qui nhân". Nghĩa là: một ngày sửa mình theo lễ (chế trừ phần tư dục mà trở lại lễ phải tự nhiên) thì muôn việc trong thiên hạ đều theo về nhân cả.

Cái lý sanh sanh của Trời Đất gồm ở trong tâm người ta gọi là nhân (2), ấy là lấy cớ năng sanh mà nói. Hột ở trong trái, người ta cũng gọi nó là nhân, đây cũng là lấy cớ năng sanh. Sao người ta chẳng đem cái lý sanh sanh này mà tồn dưỡng nơi tâm?

Ngô Lâm Xuyên nói: "nhân giả thọ", nghĩa là: người có nhân được sống lâu. Ta thường vịn theo đó mà xét coi người thiên hạ. Phàm kẻ nào có khí ôn hòa thì sống lâu, chất hiền lương thì sống lâu, lượng khoan hồng thì sống lâu, tướng trầm trọng thì sống lâu, lời chất phác thì sống lâu. Nhưng ôn hòa, hiền lương, khoan hồng, trầm trọng, chất phác, đều là một mối của chữ nhân cả, cho nên họ được sống lâu là phải. Lâm Xuyên chỉ luận một mối mà còn được sống lâu thay. Huống gồm đủ cả năm đức tánh nói trên thì lại càng sống lâu hơn nữa, tưởng không cần hỏi ai cũng đủ biết.

Chữ Thiên hạ ở đây có nhiều nghĩa. Theo thầy Châu Tử thì thiên hạ là thiên hạ chi nhơn, nghĩa là hết thảy những người trong thiên hạ đều khen cho là nhân.

Thiên hạ cũng có nghĩa là mọi vật, mọi việc trong thiên hạ. Thầy Trình Tử nói rằng: Khắc kỷ phục lễ tắc sự giai nhân, cố viết: Thiên hạ qui nhân. Nghĩa là: Sửa mình theo lễ thì mọi việc đều là nhân. Cho nên nói: thiên hạ đều theo về nhân cả. Cái nghĩa sau này rộng hơn.

Theo sách Tánh Mạnh Khuê Chi, thiên hạ lại có một cái nghĩa khác cũng nên biết. Trong bản đồ trung tâm có câu giải rằng: Kịch dịch nói: thiên hạ hà

tư hà lự? Sách Luận ngữ nói: Thiên hạ qui nhân. Chữ hạ này với chữ gian trong thiên địa chi gian, chữ tâm trong thiên địa chi tâm, đều là chỉ ngôi trung này mà nói, tức là chỗ vui của đức Khổng Tử thầy Nhan vậy.

Sách Luận Ngữ nói: "Nhân giả nhạo sơn", nghĩa là người có nhân ưa núi. Vả chẳng núi là một vật từ xưa đến nay chẳng hề dời đổi. Trong các vật sống lâu, không có chi bằng núi. Núi mới thường tịnh. Người có nhân thường tịnh, thì thần ngưng, khí kiết, tinh mãn, hình cố (thần động, khí tụ, tinh đủ, hình bền), há lại không có người sống lâu sao?

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Thầy Nhan hỏi về chữ nhân. Đức Khổng Tử dạy phải khắc kỷ phục lễ, là làm kiên đạo, khiến phải một đạo chặt lia hai đoạn, tức là chỗ nhà Thiên gọi đốn giáo. Trọng Cung cũng hỏi về chữ nhân. Đức Khổng Tử dạy phải giữ lòng thành kính, làm đạo thứ (3), là làm khôn đạo, khiến phải theo thứ tự mà đi lần tới, tức là chỗ nhà Thiên gọi tiệm giáo. Tại làng Khuyết Lý trước đã có dạy người cái nghĩa đó, chớ nào phải chờ có nam Năng, bắc Tú (4) rồi mới phân đốn, tiệm khác nhau đâu!

Ghi Chú:

(1) Coi bài phụ giải về chữ Nhân ở sau rốt bộ Dưỡng Chơn Tập.

(2) Coi sách Luận ngữ, chương thứ 12 (Nhan Uyên).

(3) Thứ nghĩa là suy lòng ta ra lòng người.

(4) Huệ Năng truyền đạo ở phương nam. Thần Tú ở phương bắc (coi sự tích trong cuốn Pháp Bửu Đàn Kinh).

Chương 52: TỊNH

*Tịnh là yên lặng để soi lòng,
Giữ vẹn tín thành đón "Chủ Ông",
Thần khí giao hòa "Nhơn Nhứt Túc",
Tánh tình qui hiệp Hạo Nhiên Không.
Trang nghiêm, sáu thức hườn minh triết,
Thanh tịnh, Ba Ngôi dựng đại đồng,
Hỡi bạn tu hành chuyên thủ nhứt,
Chuyện đời xem nhẹ tựa như lông.*

Ngạn ngữ nói rằng: "Thánh nhơn chủ tịnh lập nhơn cực" Nghĩa là: Thánh nhân chủ về phép tịnh là cốt để đạt tới ngôi tuyệt đích của con người. Ngôi này là ngôi gì? Là ngôi đại trung.

Những bậc thánh nhân chủ về phép tịnh, chẳng phải cho phép tịnh là hay, mà để ý về đó. Thiết là muôn vật không đủ gì làm nao loạn cái tâm mình, chẳng cầu tịnh mà tự nhiên được tịnh.

Nay có kẻ cầu tịnh chưa đặt chơn truyền, đều nói: xiềng chặt con vượn tâm, cột cứng con ngựa ý. Đến khi xiềng cột không được, bèn cho cái tâm này, dầu làm thế nào, cũng không tịnh được.

Sao mà chẳng nghĩ lại, lỗi ấy lại chẳng trí tri. Trí tri thì sáng, sáng thì thấy được cái lý trong thiên hạ đều là đình đình đáng đáng (1), một mây ý riêng không dính dấp với nó được. Đây là chỗ gọi: Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tịnh, tịnh nhi hậu năng an (2).

Ngoài quên danh lợi thì thân yên, trong quên tư lự thì tâm yên, Người đều nói: thân yên tức là

phước. Có kẻ lại nói: tâm yên tức là Đạo.

Huệ Khả yết kiến đức Đạt Ma mà bạch rằng: Cái tâm của tôi chưa được yên, nhờ thầy dạy phép cho nó yên.

Đạt Ma nói: Dem cái tâm lại đây rồi ta cho người được yên

Khả đáp: Kiếm tâm quyết không thể nào được.

Đạt Ma nói: Vậy ta cho người yên đó.

Tâm sau êm đềm, Khả bèn nói rằng:

*Tam tế cầu tâm tâm bất hữu,
Thốn tâm mích vọng, vọng nguyên vô,
Vọng nguyên vô xứ tức bồ đề,
Thị tắc danh vi chơn đắc Đạo.*

Nghĩa là:

*Ba cõi kiếm tâm, tâm chẳng có,
Trong lòng hỏi vọng, vọng xưa không,
Chỗ xưa không vọng ấy bồ đề,
Vậy mới gọi là thiết đắc Đạo.*

Cáo tử không động tâm là vì: bất đắc vật cầu, Nghĩa là: chẳng được thì đừng cầu, bỏ lơ mà không động (3). Đời sau, có những kẻ tu khô khan (ù lỳ) như thế đều là bọn cáo tử cả. Chẳng phải người hiểu Đạo, thì ai biết là họ lầm.

Bạch-Tấn lão-nhân nói rằng: "Người nào ở trong quên được tự lự, ở ngoài quên được danh lợi, thì cái công phu chủ tịch kia chẳng cần đợi nói nữa. Nếu tự lự chưa trừ, danh lợi chưa dứt, dầu có tịnh cũng trong chốc lát mà thôi, chớ đâu được lâu dài. Kèm, thúc hay là tự nhiên, xét thấu hay là chưa xét thấu, sai đi một hào, thì thấy khác xa như một trời,

một vực."

Ghi Chú:

(1) Coi lời giải trong bài chữ Vật.

(2) Coi nghĩa trong bài chữ Tánh Mạnh và chữ Ngôn. Tri chi là biết chỗ xu hướng tức là cõi chí thiện, tức là ngôi đại trung.

(3) Sách Mạnh Tử, thiên Công Tôn sừ thượng nói rằng: "Viết cảm cần phu tử chi bất động tâm dữ, Cáo tử chi bất động tâm, khả đắc văn dữ" Cáo tử viết "Bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm, bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí." Bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí, khả; bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm, bất khả". Nghĩa là: Sừ nói: Dám hỏi nhà thầy không động tâm với Cáo tử không động tâm, cái mẹo có thể nghe được chăng? Thầy nói: Cáo tử nói rằng: "Lời nói mà chẳng được thông thì chớ suy nghĩ ở trong tâm (sợ sanh ra ngờ vực, náo loạn); trong tâm mà chẳng được yên, thì chớ động chi đến khí." Nói rằng tâm chẳng được yên, thì chớ động chi đến khí, còn hơi phải. Nói rằng, lời nói chẳng được thông chớ suy nghĩ ở trong tâm, thì không phải.

Chương 53: LẠC

*Vui sướng chi hơn đắc Đạo mầu,
Vượt xa thế tục chẳng tham cầu,
Chúng dân đắc Đạo, hơn vua chúa,
Thoát bể trầm luân có dễ đâu.
Đâu bằng khách Đạo luận thanh nhàn,
Chẳng phải lánh đời, tánh định an,*

*Xét thấu muôn duyên là giả hợp,
Chi nên chuyển cõi sống huy hoàng.
Huy hoàng lạc cảnh tự tâm trung,
Pháp giới mệnh mông chẳng tận cùng,
Chuyển hóa tinh thần về cõi tịnh,
Mới hay tâm lạc tại kỳ trung.*

Vui có chi vui bằng đắc Đạo, dân chúng đắc Đạo vui hơn bực vương hầu, khổ có chi khổ bằng thất Đạo, vương hầu thất Đạo khổ hơn người xách bị.

Một ngày học Đạo, một ngày sung sướng, ngày ngày học Đạo, ngày ngày sung sướng, chung thân học Đạo, chung thân sung sướng. Học Đạo là cái pháp môn an lạc, cho nên Thánh hơn học mà không nhàm.

Châu Mậu Thúc dạy hai họ Trình tìm chỗ vui của Đức Khổng, của thầy Nhan. Cái vui này ở trong thân người, cầu ngược vào trong thì tự nhiên có đủ.

Mạnh Tử nói rằng, Người quân tử có ba điều vui:

1. Vui về thiên luân (cha mẹ song toàn, anh em vô sự).
2. Vui về tánh phận ngược lên chẳng hổ cùng Trời, cúi xuống không thẹn với người).
3. Vui về danh giáo (tự hiệp bực anh tài, chỉ dạy cho biết Đạo).

Cái vui ở đâu trên trời hay là ở tại người khác, ta không thể chắc cầu được. Còn cái vui ở nơi ta, sao mà chẳng lấy hết sức mình để cầu cho được nó vậy?

Nay người có ai bị kẻ khác sai khiến chăng? Có ai bị muôn vật sai khiến chăng? Có ai bị hình thể

sai khiến chẳng? Người nào trù được ba thứ sai khiến này thì mới có thể nói chuyện đến sự vui với họ.

Thường thấy kẻ đa mang công việc, hết sức hết gân, chỉ trông buông ra mà nghỉ, thì nghe khoái sướng trong mình lắm. Người học Đạo, nếu buông nghỉ được, lại vui gấp mấy muôn lần hơn kẻ thế.

Lối mấy năm trước, ta đi đường xa mà lại gặp nắng gắt, thấy một ông già ngồi trong nhà mát, ta cho ông ấy là cực vui sướng. Nay ta nhàn rồi, ngồi dưới gốc cây, tàng che mát mẻ, mà chẳng thấy gì là vui sướng hết, sao vậy? Năm trước, ta đương cực nhọc mà thấy người thông thả, mới có cái tư tưởng vui ấy. Ý đó có phải là nghèo thấy giàu, hèn thấy sang, mà đều như thế hết chẳng?

Làm người, ai ở địa vị nào thì cứ làm theo địa vị nấy, thế thì không vào cảnh nào mà chẳng tự đắc (toại chí). Phàm để tâm ước mơ ra ngoài, không có chi ích cả. Hết thấy các phan duyên, nghiệp trái, phải quấy, tội phước, đều do nơi một niệm ước mơ ra ngoài đó mà phát khởi, vậy chẳng nên dè dặt sao?

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Học Đạo là pháp môn an lạc, người hay cho nó là khổ, còn danh lợi là việc cực nhọc, mà trái lại người cho nó là vui. Huệ nhãn với nhục nhãn tự nhiên phải có chỗ khác nhau là thế!"

Chương 54: THÁI CỰC

*Thái cực Thánh Hoàng bực Chí tôn,
Năng sanh, năng hóa, độ linh hồn,*

*Tìm nguồn Thái Cực nơi linh khiếu,
Mới biết nhiệm màu diệu pháp môn.
Môn sinh học Đạo luyện kim đơn,
Biết phép cầm trâu, biết phục hườn,
Biết giống Tiên Thiên nơi Tổ Khiếu,
Ngàn tu muôn luyện, một Chơn Nhơn.
Nhơn năng tiến hóa ngộ nơi mình,
Biết chuyển pháp Luân mở khiếu linh,
Tâm Pháp nhãn tàng rày đã rõ,
Mới hay Trời Phật rộng chơn tình.*

Coi lời giải trong bài chữ Thúc

Thái cực là tổ sanh lưỡng nghi (âm dương). Lưỡng nghi là tổ sanh Trời Đất. Trời đất là tổ sanh muôn vật. Tu thân bằng tổ khí thì thân được vững bền. Vẽ bùa với tổ khí thì bùa sẽ linh nghiệm.

Ở trong mình người, thái cực gọi là huyền tẩn, Ấy là hai thứ chơn tinh diệu hiệp, tự nhiên mà tạo thành. Nó là gốc của thần khí, cũng là khiếu của tánh mạng.

Đại khái, xem xét cái cơ Đạo của Trời, noi theo cách vận hành của Đất, làm hai việc đó thì trọn rồi.

Một âm, một dương, hai cái phối hiệp cùng nhau, là cái cơ Đạo của Trời Đất. Nhựt nguyệt vờn xây, ngày đêm hiệp sáng với nhau, là cách vận hành của Trời Đất. Cho nên nói: Trời Đất sắp theo ngôi thứ thì có "dịch" vận hành nơi giữa.

Nói dịch là chỉ khảm ly. Thánh nhơn biết như thế nên mới lấy kiên khôn làm đánh khí, lấy ô thố làm được vật (1). Ở trong đó, khi phát, khi tàng, khi đầy, khi vơi, có số, cũng phải lấy hỏa hậu mà toán

định (2).

Âm Phù kinh nói rằng: Nhựt nguyệt hữu số, đại tiểu hữu định, thánh công sanh diên, thần minh xuất diên. Nghĩa là: nhựt nguyệt có độ số (châu thiên), lớn nhỏ (âm dương) có nhứt định (vãng lai), thánh nhơn theo đó mà hành công phu, tự nhiên có thần minh (thiên cơ tạo hóa) phát lộ. Tóm lại, trộm được cái máy nghịch dụng (vận dụng đi trở ngược lại) là đủ rồi.

Ghi Chú:

(1) Đạo Quang nói rằng, Kinh nói: Nhựt nguyệt vốn là tinh ba của kiền khôn. Thánh nhơn vì kiền khôn như đánh khí, tử nhựt nguyệt như đơn được. Kiền khôn tức là chơn long chơn hổ. Nhựt nguyệt là huyền khí của long hổ.

(2) Thánh nhơn mượn vật hữu hình mà ví dụ. Kỳ thiết chỉ đem tính "chơn nhứt" về huỳnh đạo. Huỳnh đạo là trung cung, chỗ kim đơn ngưng kết.

Trời đất phân rẽ, nhựt nguyệt vắn xây, chiếu diệu hiệp sáng, thì tạo hóa sanh vậy. Nhựt nguyệt là tinh thần của trời đất, của âm dương. Nói theo bát quái, tức là khảm ly. Ô tinh là khí âm ở trong quẻ ly, thổ tủy là khí dương ở trong quẻ khảm

Theo phép luyện đơn thì lấy ô thổ để làm được vật (vị thuốc), chẳng qua là biết cái tinh ba của ngũ tạng, rồi trộm cái cơ mâu nghịch dụng mà thôi. Được vật sanh sản có thời tiết, hái lấy có cân lường, vận chuyển có pháp độ. Chỗ cốt yếu là tại mặt trăng mọc lúc canh sơ (trăng lười liềm mỏng ba mối phát sanh kim khí), diên khí sanh hồi quý hậu (khi có quý thủy rồi), nhựt nguyệt hiệp sáng, âm dương hòa khí,

tự nhiên mà đơn thành. Cho nên hình chữ đơn do hai chữ nhựt nguyệt hiệp lại.

Có kẻ hỏi: Sao mà gọi là kim dịch hườn đơn?

Đáp: Vật mất rồi mà tìm lại được gọi là hườn. Thâu lấy khí kim ở trong thủy, hiệp với khí hống của ta, mà được thành công, gọi là kim dịch.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Thái Cực là lý, là tánh. Lưỡng nghi là khí, là mạng. Kỳ thiết, ngoài lý không có khí, ngoài khí không có lý, đủ thấy mạng chẳng phải chia ở hai chỗ riêng. Tu tánh tức là phương dưỡng mạng, cũng như đầy bụng (thật phúc) tức là phép trống lòng (hư tâm) vậy."

Chương 55: TRUNG

*Đạo màu hiển lộ tại ngôi "Trung",
Chẳng tháp chẳng cao, chẳng tận cùng,
Ai biết "Qui Trung" vào Chánh Đạo,
Nơi này siêu xuất "Chủ Nhơn Ông".
Ông Phật, Ông Tiên, cũng hiệp qui,
Qui Tam, Hiệp Ngũ, tại thân này,
Duy tinh, duy nhứt, rồi qui hiệp,
Suất tánh tinh thông lữ diệu kỳ.
Diệu kỳ Tánh tự ngôi "Trung",
Tâm Pháp nhĩn tàng nói chẳng cùng,
Quán nhứt chấp trung cầm mối Đạo,
Thông rồi một mối, vạn nguồn thông.*

Những bực thánh xưa truyền lại cho nhau, chỉ có một chữ trung chẳng chinh lịch, chẳng dựa nương, là cái thể của chữ trung. Chẳng quá chừng,

chẳng không kịp, là cái dụng của chữ trung. Đạo Đức nói rằng: Thị dĩ Thánh nhơn chi trị (dân), hư kỳ tâm, thật kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt, thường sử dân vô tri vô dục, sử phù tri giả bất cảm vi dã, vi vô vi tắc vô bất trị. Nghĩa là: Cho nên những bậc vua thánh trị dân, làm cho chúng nó trống lòng mà đầy bụng yếu chí mà mạnh xương, thường khiến dân không hay biết, không lòng tham (thanh tịnh), khiến kẻ trí chẳng dám dùng trí mình (mưu loạn), làm theo phép vô vi mà không chỗ nào chẳng được trị an.

Trống lòng đầy bụng nghĩa bóng là trống lòng dục, đầy lòng Đạo, chớ chẳng phải nói cho dân ăn no mà để cho nó đốt.

Vua Nghiêu nói rằng: Doãn chấp khuyết trung nghĩa là: tin chắc nắm giữ chữ trung của mình. Chấp trung đây là nói gồm luôn về động, về tịnh. Tịnh thì giữ chữ trung ấy để tồn tâm (dưỡng tinh thân), động thì giữ chữ trung ấy để ứng sự (đối người vật).

Doãn nghĩa là tin chắc. Có cái ý do thời kỳ, tùy sự vật, tự nhiên mà nắm giữ chữ trung, chớ không có một mảy miễn cưỡng, gián đoạn nào cả.

Vua Thuấn nói rằng: Duy tinh duy nhứt. Rõ thấy chỗ huyền vi, gọi là tinh. Trước sau giữ một dạ, gọi là nhứt. Ý nói làm người phải nghe thấy cho (duy tinh), giữ chí được (duy nhứt), rồi sau mới có thể nắm giữ chữ trung. Trong chữ doãn đã có cái ý này, nhưng sợ người không thấu hiểu, cho nên vua Thuấn mới nói rõ thêm rằng: "Nhơn tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi", nghĩa là: lòng người rất rắc rối (khó yên), lòng Đạo rất nhỏ nhẹ (khó biết). Có niệm tưởng là lòng

người, không niệm tưởng là lòng Đạo. Ý nói lòng người dễ lừng (bốc lên mà đốt), còn lòng Đạo dễ chìm (rất nhỏ khó thấy). Đây nói cái cơ vừa rắc rối vừa nhỏ nhẹ, làm cho người để ý đến, ngõ hầu cẩn thận về phép chấp trung.

Lý Diên Bình (1) nguy tọa (cũng như đoan tọa, là ngồi ngay thẳng) cả ngày để nghiệm thử coi cái khí tượng của hỉ, nộ, ai, lạc, lúc chưa phát về trước, ra sao, đặt kiếm chỗ "trung" nói đó. Ông làm như vậy lâu rồi, mới biết gốc lớn của thiên hạ quả là ở tại đó. Cho nên nói: học vấn chẳng phải nhiều nói, chỉ ngồi lẳng lẳng, lóng sạch lòng, để nghiệm thử thiên lý. Nếu thấy được thiên lý rồi thì nhơn dục phải tiêu thối cả.

Lý Thanh Am nói rằng: Chỗ trung này chẳng phải là ngôi giữa chừng hai bên trong ngoài, chẳng phải là ngôi giữa của bốn phương, cũng chẳng phải là ngôi giữa trung tâm. Ấy là chỗ ý niệm chưa phát. Cho nên nói rằng: thánh nhơn do nơi đó mà tẩy tâm thối tàng ư mật (rửa lòng thối ẩn nơi kín).

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Chỗ ý niệm chưa phát gọi là trung. Thanh Am nói ra lời này, có thể gọi là một tay đã vẽ rồng mà còn điểm nhãn luôn.

Diên Bình tiên sanh cả ngày nguy tọa, để nghiệm thử coi cái khí tượng của hỉ, nộ, ai, lạc, lúc chưa phát về trước, chánh là doãn chấp khuyết trung, Nhờ lâu ngày dày công, nhơn dục biến ra thiên lý, yêu tinh trọn hóa như lai, công phu toàn do nơi: tẩy tâm thối tàng."

Ghi Chú:

(1) Lý Đông tự là Nguyên Trung theo học

cùng La Tùng Ngạn, nghiên cứu lý học rất tinh tường. Châu Tử thờ ông làm thầy. Người thế gọi ông là Diên Bình tiên sanh, nghĩa là tiên sanh ở đất Diên Bình.

Chương 56: HỌC THÁNH

*Nghiêu Thuấn sanh ra trọn Tánh Trời,
Võ Thang năng học chỗ cao vời,
Chúng dân chí quyết theo Hiền Thánh,
Thoát cảnh trầm luân, dứt nghiệp đời.
Đời là trường học với trường thi,
Học Đạo am tường chỗ tự tri,
Học sách Thánh Hiền năng tự giác,
Đạo mâu liễu đạt chỗ tâm kỳ.
Kỳ tri chốn Mạng, Tánh qui trung,
Thần khí qui căn, tánh mạng đồng,
Học Thánh năng tu thành chánh giác,
Pháp mâu diệu hữu tức Chơn Không.*

Người xưa có nói rằng: "Nhơn giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn, Nghiêu Thuấn thị thiên sanh để thánh nhơn, Thang Võ thị học thành để thánh Nhơn", nghĩa là: Người người đều có thể làm vua Nghiêu vua Thuấn. Vua Nghiêu, Vua Thuấn là thánh nhơn tự Trời sanh ra, còn vua Thang, vua Võ là thánh nhơn nhờ học mà nên.

Lão Quân nói rằng: "Ngã phi thánh nhơn, học nhi năng chi", Nghĩa là: Ta chẳng phải thánh nhơn, nhờ học mà được vậy.

Có kẻ hỏi: Châu Mậu Thúc (1) nói có thể học làm thánh, phải thiệt vậy chẳng?

Đáp: Phải.

Có chi làm cốt yếu không?

Có.

Xin hỏi.

Lấy chữ nhứt làm cốt. Nhứt nghĩa là không lòng dục. Không lòng dục ắt tịnh hư, động trực (Tịnh thì trong tâm trống không, động thì nói, làm ngay thẳng). Tịnh hư thì sáng láng, sánh láng ắt suốt thông, động trực ắt chung cùng, chung cùng thì bủa khắp. Sáng láng, suốt thông, chung cùng, bủa khắp, thì đã gần bực thánh rồi.

Học Đạo tức là học thánh nhơn. Đạo là vật ta sẵn có, chẳng phải ở đâu ngoài lại. Thánh chẳng phải đức tuyện vời, hễ học thì đạt tới nơi.

Cái tánh của ta với thánh nhơn đồng như nhau. Ai thiệt hiện được tánh mình, tức là thánh nhơn vậy. Người học khoa cử thì sẽ đậu khoa cử, thiên hạ đều biết hết. Người học thánh nhơn thì sẽ tới bực thánh nhơn, sao lại chẳng rõ kìa?

Phu tử của ta tin chắc rằng mình có thể làm thánh nhơn, cho nên học mãi mà không nhàm. Ngài cũng thấy người đời đều có thể làm thánh nhơn, cho nên dạy hoài mà chẳng mỏi. Ngài châu lưu các nước là muốn lấy đạo của thánh nhơn mà dạy trong thiên hạ truyền tới đời sau.

Chỗ nhà Nho gọi Thánh, tức là Thích gọi Phật, Đạo gọi Tiên. Phật là gì? Phật là giác (sáng suốt, xét thấu mọi lẽ). Tiên là gì? Tiên là núi (bất động). Đó là nghĩa xưa nay của hai chữ này.

Ta lại đem chữ Phật, chữ Tiên mà nói rõ thêm một chút nữa.

Chữ Phật một bên chữ nhọn (người), một bên chữ phát (chẳng). Phát có cái nghĩa chẳng làm theo nhọn đục. Người làm được những việc người ta chẳng làm, thì có thể thành Phật.

Chữ Tiên một bên chữ nhọn (người), một bên chữ sơn (núi). Sơn có cái nghĩa thường định thường tĩnh. Người hay tịnh được như núi thì có thể thành Tiên.

*Bỏ đục liền là Phật,
Tĩnh mê mới thành Tiên,
Làm sao mà chứng Thánh?
Duy một chẳng hai ba.*

Xem qua thì Nho, Thích, Đạo đều nhờ không lòng đục mà thành. Kẻ nào học Thánh mà còn lòng tham lam, thì một trăm người không được thánh lấy một.

Có kẻ hỏi: Muốn học thánh nhọn, mà như khó trừ tập khí thì mới làm sao?

Đáp: Tại chẳng khứng trừ cho nên nói khó. Nếu thiệt muốn trừ, một khắc đã thấy xong. Sao vậy? Vì hết thấy tập khí đều là hư vọng, tâm mê thì có nó, tâm ngộ thì không ngay. Chẳng phải ngộ rồi mới không có, vốn trước kia nó không có rồi.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Đạo là vật ta sẵn có, chẳng phải ở đâu ngoài lại. Thánh chẳng phải đức tuyệt vời, hễ học thì đạt tới nơi. Bốn câu này đủ khai chỗ đường đi của thánh nhọn, thêm tinh thần cho kẻ học.

Mạnh Tử sanh sau Khổng tử một trăm năm, mà dốc lòng theo Khổng tử, cho nên tới ngày nay, người đều xưng luôn Khổng, Mạnh."

Ghi Chú:

(1) Châu Đôn Di là một vị danh Nho, Tự là Mậu Thúc (1067-1073), trước ra làm quan, sau vì có bệnh xin từ chức, về ở dưới núi Liên Hoa, thuộc Lư Sơn. Ở đó có một cái khe, ông bèn đặt tên là Liêm Khê và tự lấy làm tên hiệu. Hậu Nho gọi phái học của ông là Liêm phái.

Chương 57: KHÂM LY

*Khâm ly trở lại Khôn Càn,
Mượn khí thuần âm quá ngũ quan,
Phục lại thể Càn hườn Đại Đạo,
Mới hay Quốc Độ mở Huyền Quan.
Huyền Quan Nhứt Khiếu của Linh Tiên,
Đạo Pháp đâu xa học hỏi nhiều,
Thanh lọc, phục hườn và mở Khiếu,
Thuần dương xuất tục, Tánh tiêu diêu.
Tiêu diêu khoái lạc có chi bằng,
Tánh hiệp vô vi cứ thượng thăng,
Thông thấu Tam Tài chi bí chỉ,
Còn Thầy, Thầy độ tận lương năng.*

Có kẻ hỏi: Dịch có tám quẻ, mà kẻ cầu Đạo thường nói quẻ khâm, quẻ ly mà thôi, là tại sao vậy?

Đáp: Quẻ Kiền thuộc dương, quẻ Khôn thuộc âm. Kiền ở phương nam, khôn ở phương bắc hai ngôi đối chiếu nhau. Đây là cái thể của tiên thiên. Kiền dương khi động tức sanh ngọn gió bất chánh, cho nên hào giữa ở quẻ Kiền sa vào giữa quẻ Khôn, làm cho quẻ Kiền thành ra quẻ Ly, quẻ Khôn thành ra quẻ

Khảm.

Nam bắc là hai cái then chốt của trời đất. Ấy là, theo bát quái tiên thiên, chỗ kiên khôn ở trước khi. Nay Kiên Khôn lui về địa vị vô dụng, rồi lại đem Ly Khảm mà thế vào chỗ ấy, thì cái công dụng của hậu thiên mới phát hành. Chơn khí ở cung Khảm biến làm diên, tức là "Thiên nhứt sở sanh chi thủy" (là nước của Trời sanh ra lần thứ nhứt). Chơn tinh ở cung Ly biến làm hống, tức là "Địa nhị sở sanh chi hỏa" (là lửa của Đất sanh ra lần thứ nhì). Bởi có Nam (1) đặng cái tinh này, mà dùng tinh hay biến đổi, cho nên đi thuận thì thành người. Nữ (1) đặng cái khí kia, nhưng dùng khí được vững bền, cho nên đi nghịch thì thành tiên.

Lấy chơn diên là tiên thiên chưa bị vọc khuấy (chưa nhiễm trần) chế chơn hống là hậu thiên chứa đã lâu rồi, thì hai loại mện nhau, triều nhau như vợ chồng, như con mẹ, chẳng dành rời nhau. Đó là tự nhiên như nhiên, không biết duyên cớ sao mà ra làm vậy.

Ly là mặt nhựt, mặt nhựt chủ về dương tinh, mà hào giữa quẻ ly thuộc âm, ấy là âm ngụ nơi nhà dương. Ở trong mình người, thiếu âm số 8, nam tử đặng số đó, cho nên hai tám (16 tuổi) thì chơn tinh thông (lậu tinh); thiếu dương số 7, nữ tử đặng số đó, cho nên hai bảy (14 tuổi) thì thiên quý chí (có kỳ). Có phải nhờ dương đặng số âm, âm đặng số dương, mà được thấy nghĩa hộ tàng (cái này ngụ trong cái kia, cái kia ngụ trong cái này) đó chăng?

Cho nên người muốn cầu Đạo thì phải đem cái hào dương trong quẻ khảm tái nhập cho được trong giữa quẻ ly, thì mới phục lại thể kiên mà hườn ý

Đại Đạo. Và lại, dương ở trong âm lấy động làm chủ, cho nên lúc rút quẻ khảm chỉ phải coi chừng nó động. Còn âm ở trong dương lấy tịnh làm chủ, cho nên khi đắp quẻ ly rồi, phải tịnh để dưỡng nó.

Bạch-Tần lão-nhân nói rằng: "Dùng tinh hay biến đổi, người đời đều biết; dùng khí được vững bền, người đời không rõ. Lấy chơn diên tiên thiên chưa bị vọc khuấy mà chế chơn hống hậu thiên chứa đã lâu rồi. Hai câu này tiết lộ cái bí chỉ của trọn bộ Ngô Chơn thiên, kẻ đặc quyết (2) tự mình hiểu lấy."

Lúc rút quẻ khảm, chỉ coi chừng nó động, khi đắp quẻ ly rồi, phải tịnh để dưỡng nó, lại là một câu khẩu quyết còn trọng yếu hơn nữa."

Ghi Chú:

(1) Nam đây là chỉ quẻ khảm. Nữ đây là chỉ quẻ ly. Sách Đạo Gia thường dùng hai chữ nam nữ chỉ khảm ly, âm dương, chớ lấy nghĩa trai gái mà làm.

(2) Đặc quyết nghĩa là được thầy truyền bí quyết rồi.

Chương 58: KHAI QUAN (mở cửa ải)

*Khai quan điếm nhơn khách phàm phu,
Kiến tánh minh tâm hết điếc mù,
Hoán đổi hậu thiên thành chánh khí,
Phá tan cửa ngục thoát lao tù.
Lao tù cơ thể nhốt chơn linh,
Thiên Tánh tự nhiên biến Thất Tình,
Vận chuyển Pháp Luân trừ nội tặc,
Lưu thanh khứ trược khỏe thân mình.*

*Minh lý đạo màu kíp luyện phanh,
Đạo năng khai giải, Đạo năng hành,
Khai quan tự khí thông đường cũ,
Chí lớn căn sâu Đạo đức thành.*

Trong mình người có mạch Nhâm và mạch Đốc. Đương hồi còn trong thai bào, hai mạch này thường vận chuyển không bao giờ gián đoạn, nên thần khí hỗn hiệp, thông với tiên thiên. Đến khi xé bọc ra, cắt rún rồi, thì mạch này bèn chia làm hai: Mạch Nhâm chủ về phần âm, khởi tại huyết Thừa tương (môi dưới) mà dứt ở huyết Hội âm (gần lỗ đại, phía trước); mạch Đốc chủ về phần dương, khởi tại huyết Trường cường (gần lỗ đại, phía sau) mà dứt ở Nhơn trung (môi trên) (1), thì âm dương hết giao, trước sau gián đoạn. nên hườn chẳng cùng đơn điền giao thông, khí Đơn điền chẳng cùng Vĩ lư thấu suốt, quan khiêu chẳng thông, hóa cơ không chủ. Do cái khí bẩm nhiều ít mà thành ra thọ mạng vắn dài. Cho nên ngày chết đã định rồi từ khi con người mới sanh ra.

Xưa có người hiểu lý này trước hết, được chứng quả trường sanh, là nhờ có phép châu thiên thẳng giáng, hà xa vận chuyển khiến cho hai mạch liền nhau, tuần hườn không dứt, ba quan khai thông, châu lưu chẳng nghỉ. Theo phép này, trước giờ tý, sau giờ ngọ, ngồi xếp bằng ngay thẳng, bốn cửa bế ở ngoài, hai mắt xem vào trong, trong trẻo như nước đứng, vắng lặng tự nhà không, sẽ đến không lo, qua rồi chẳng tưởng, tâm chẳng sanh diệt, khí không ra vào. Hãy điều hơi thở cho lâu, chú tưởng tại đơn điền, giữ đùng cho khí tán, thì mới nghe trong đơn điền có

khí phát động. Tức thì đem hơi thở lỗ mũi cần bế nơi dạ dưới, lấy ý mà phụ hơi một chút, cho khí thông vĩ lư. Vĩ lư thông thì phải nhiều hơi cốc đạo (lỗ đại), lưỡi chống ổ gà, dùng ý dẫn từ từ lên tới Nê hoàn. Đem khí lên tới Nê hoàn gọi là hoàn tinh bổ não. Một chập, khí ấy hóa ra cam lộ, do thước kiêu (2) mà đi xuống, thì bỏ cái lưỡi xuống, tự nhiên hội yết khai thông, dùng ý nhẹ nhẹ đưa về ngưng hải

Làm như vậy cho lâu, tự nhiên khí cơ lưu chuyển, cốt tiết xoi thông, ba quan lần mở, hai mạch tìm lại con đường Tào Khê, có cảm sẽ thông, vào cửa chúng diệu (huyền khiếu), ngưng tinh hết chạy ra nữa.

Trên là một tiết công phu, có thể làm cho người sống lâu. Tới việc bảo ngưng khế hư (giữ gìn huyền khiếu, hiệp với hư không), thoát thai thần hóa (thần ra khỏi thai, vô cùng biến hóa), lại có một từng công phu vi diệu khác nữa, nhưng kỳ thiết cũng tự bước đầu này mà tiến lên.

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Giữ điều hơi thở, có ngày phục trú cái khí hậu thiên, chứa khí khai quan, tự nhiên trở lại con đường tiên thiên, tức là chỗ gọi, tìm được con đường trước đi lại."

Ghi Chú:

(1) Coi bản đồ trong bài chữ Mạch.

(2) Thước kiêu là cầu của chim ô thước bắt qua sông Ngân Hà cho Chức Nữ sang gặp Ngưu Lang đêm mùng bảy tháng bảy. Đây có nghĩa là chỗ nguy hiểm khó qua (ngõ thông ra lỗ mũi).

Chương 59: TỰ CHÁNH

*Tự chánh lâu ngày đắc chánh trung,
 Tâm hồn, tánh vía thầy qui không,
 Thế gian cõi tạm nương thân đô,
 Công quả, công phu đến tận cùng.
 Cùng tận tánh chơn rõ Đạo mâu,
 Biết đường chẳng luận chậm hay mau,
 Trở về nguồn sống mà vui sống,
 Tận độ khách trần học Đạo Cao.
 Cao Đài xuất thế độ toàn linh,
 Học Đạo giác mê cũng tự mình,
 Thánh thể Thầy phô bày trước mắt,
 Người không giác ngộ mới Thiên Tình.*

Đức Khổng Thánh nói rằng: "Quân tử thực vô cầu báo, cư vô cầu an, mầu ư sự nhi thận ư ngôn, tự hữu đạo nhi chánh diên", nghĩa là: Người quân tử (chuyên tâm dốc chí về sự học) ăn không kịp no, ở không kịp yên, nhậm lẹ về việc làm, dặt dè trong lời nói (nhưng còn chưa dám cho mình làm phải). Lại hay gần gũi với người có Đạo để chất chánh những điều trái phải.

Tự là đến gần, chánh là chất chánh (hỏi cho chính đính về chỗ còn nghi ngờ). Tự chánh nghĩa là gần người có Đạo để chất chánh trái phải.

Ngài chuyên tâm gắng sức, có thể nói là học đúng theo tông chỉ. Vậy mà còn phải gần gũi người có Đạo để mình biện chánh tà. Chẳng phải ngài có ý quá khiêm, kỳ thiệt là muốn học thêm mà thôi. Ngài thiệt thấy rõ Đạo Lý trong thiên hạ vô cùng, còn học vấn của một người thì hữu hạn. Cho nên Đại Thuấn là

bực thánh nhơn, còn ham hỏi và ưu xét những lời thiên cận, quên mình mà theo người, vui xem gương người để làm lành. Nhan tử là bực đại hiền, mình có tài năng mà hỏi người không tài năng, mình nhiều học thức mà hỏi kẻ không học thức, có như không có, đầu tợ trống trơn.

Từ xưa đến nay, thánh không tự xưng mình là thánh, cho nên nhờ đó mà làm thánh, hiền không tự xưng mình là hiền, cho nên nhờ đó mà làm hiền. Người nay chẳng phải vậy. Họ tự khoe mình đã gặp thầy, mà chẳng xét coi thầy đó chơn hay giả, tự khoe mình đã cầu Đạo, mà chẳng xét coi Đạo đó sâu hay cạn. Họ làm theo bàng môn, luyện đui tu mù, rốt cuộc không nên tỉnh ngộ không tin nữa!

Kinh Dịch nói rằng: một âm một dương gọi là Đạo. Kẻ nhân thấy Đạo gọi Đạo là nhân, kẻ trí thấy Đạo gọi Đạo là trí. Đời nay, những nhà luận Đạo đều là người thấy nhân thấy trí, cầu luôn về gốc ngọn, gồm hết cả dưới trên, giữ trọn tánh mạng song tu, Đạo đã minh, đức đã lập, tất nhiên phải chờ người dốc lòng ham học, thường có lòng tự chánh, mới là nói Đạo cùng họ.

Kẻ sĩ có Đạo mới có thể làm nên thân mình, giúp người tròn phận, mới có thể xét rộng, rồi tùy thời mà thi thố. Tỉ như cái chuông lớn, đánh mạnh thì nó kêu lớn, đánh nhẹ thì nó kêu nhỏ, chẳng đánh thì nó không kêu. Chẳng đánh mà kêu thì người ta cho là cái chuông kỳ quái, còn đánh mà không kêu thì người ta cho là cái chuông đồ bỏ. Cho nên người có Đạo tùy người mà giúp ích, chẳng phải để mất người, nghĩa là: Gặp người nên giúp thì chẳng bỏ qua, lại cũng chẳng

phải để mất lời nói, nghĩa là: chẳng nên nói Đạo với người không biết gì

Có kẻ hỏi: Như ở đời này, có kẻ sĩ mộ Đạo, mà khó gặp người có Đạo, là tại sao vậy?

Đáp: Kinh sách ở trong đời này tự người có đạo truyền lại. Mình xem kinh sách mà tự chánh, chỉ giữ đừng phạm câu kinh sách dặn, thì lời dạy ta chẳng phải là nhiều sao?

Bạch-Tân lão-nhân nói rằng: "Muốn gần người có Đạo để chất chánh phải quấy, nếu ta chẳng có Đạo thì làm sao biết được người có Đạo? Hướng Đạo có lớn có nhỏ chẳng đồng, có tà có chánh khác xa. Mình đặng chánh rồi mới biết chỗ chánh của người, mình không tà rồi mới biết chỗ tà của người. Nếu chẳng phân biệt trắng đen, gặp người thì cầu giáo, làm như thế mà không theo bàng môn ngoại đạo, thiệt là ít có lắm!"

Chương 60: PHỤ GIẢI VỀ CHỮ NHÂN của Dịch-Giả

Câu "Nhân giả nhơn dã" là lời của thầy Mạnh Tử (coi sách Mạnh Tử, chương Tận Tâm). Chữ nhân đây chỉ cái lý do mà con người được nên người, cái đức tánh hoàn toàn mà người muốn làm người phải giữ lấy đó làm căn bản.

Thầy Mạnh Tử cũng có nói (coi chương Cáo Tử): "Nhân, nhơn tâm dã", nghĩa là: Nhân là lòng

người vậy. Hay là nói một cách khác: Nhân là bốn đức của cái tâm. Tức là chỗ thầy Trình Tử gọi: "Tâm như cốc chủng", nghĩa là: Tâm in như hạt lúa giống

Đức Lữ Tổ cũng nói: "Thiên địa chi đại đức viết sanh, sở dĩ sanh sanh giả viết huyền. Tại thiên vị chi huyền, tại nhơn vị chi nhân". Nghĩa là: Cái đức lớn của trời đất gọi là sanh, cái lý bởi đó mà sanh hóa gọi là huyền. Ở trên trời thì gọi là huyền, ở trong mình người thì gọi là nhân.

Ông Bác sĩ Nhựt Bổn, Phục Bộ Vũ Chi Cát, là một nhà nghiên cứu về triết học nước Tàu rất sâu sắc, không những nổi tiếng ở Nhựt Bổn, mà còn nổi tiếng cả Trung Quốc và Âu Mỹ nữa. Ông diễn thuyết về vấn đề "Cái hư tưởng căn bản của Khổng, Mạnh", có nói rằng:

Ngài (đức Khổng Tử) đối với môn nhơn là Tăng Tử và Tử Cống nói câu "Nhất dĩ quán chi", ấy là ngài nói về cái nguyên lý căn bản của ngài đó.

Nhưng cái nguyên lý căn bản của học thuyết đức Khổng tử là gì? Cái nguyên lý căn bản của Đức Khổng Tử, cứ như lời Tăng Tử nói khi đáp lại các môn nhơn thời không ngoài một chữ nhân. Thế mà các nhà Nho từ xưa đến nay nói rõ về chữ nhân là nguyên lý căn bản của Khổng Tử thời ở nước Tàu chỉ có Lưu Xương và ở Nhựt Bổn có Y Đằng, Nhân Trái và Vật Tô Lai ba người.

Nay chữ nhân phải giải thích ra thế nào? Cứ theo ý riêng của tôi, Khổng tử nói nhân một mặt là chỉ đức Trời, một mặt là chỉ cái bản tánh của loài người ta sẵn có. Khổng Tử đã lấy nhân làm cái thiên tánh của loài người ta vốn có, bèn đem nhân mà thiệt

hiện ra mỗi việc, khiến cho ta vừa trọn được cái đạo của ta, vừa trọn được cái đạo thờ trời.

Xem trên đó thì đủ biết nghĩa chữ nhân rộng là thế nào. Cho nên nói nhân hay háo sanh, ái nơn thì được, mà nói háo sanh, ái nơn là nhân thì không đủ, vì đó chỉ là một phần việc của nhân mà thôi.